

Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



85

THÁNG 12.2018



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **KleineKiwi (pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành: **(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ◆ **DIỄN THƯ PHÂN ƯU: HT. THÍCH NGUYỄN TRỰC VIÊN TỊCH** (GHPGVNTNHNK), trang 8
- ◆ **NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **CHÁNH GIÁC VÀ GIẢI THOÁT** (HT. Thích Minh Cảnh dịch), trang 11
- ◆ **NGÀI NGÔI ĐÓ** (thơ Đồng Thiện), trang 15
- ◆ **PHƯƠNG TÂY SÁNG RỰC MỘT GÓC TRỜI – NGÂY VỀ NGUỒN 11** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 16
- ◆ **CÂU CHUYỆN NGƯỜI KALAMA** (Nguyên Giác), trang 19
- ◆ **GUƠNG** (thơ Pháp Hoan), trang 21
- ◆ **DIỄN THƯ PHÂN ƯU: SC. THÍCH NỮ CHUNG HANH VIÊN TỊCH** (GHPGVNTNHNK), trang 23
- ◆ **DIỄN THƯ PHÂN ƯU: TT. THÍCH THIÊN HUYỀN VIÊN TỊCH** (GHPGVNTNHNK), trang 22
- ◆ **QUÁN NIỆM VÔ THƯỜNG ĐỂ XÃ LY BUỒNG BỎ** (Quảng Tánh), trang 24
- ◆ **NHẠN QUÁ TRƯỜNG KHÔNG** (TN Giới Hương), trang 25
- ◆ **KHẢO VỀ TANG NGHI CỦA HÀNG THÍCH TỬ** (Chức Phú), trang 26
- ◆ **CHÚT TÌNH CHÂN, VỊ ĐỜI DỊU NGỌT** (thơ Diệu Viên), trang 31
- ◆ **ÁN TỬ CHUYỂN HÓA ĐƯỢC VỊ VUA NÔNG NẤY – Lá Thư Đầu Tuần** (Nguyên Từ Nguyễn Đức Thương), tr. 32
- ◆ **ĐOÀN KẾT (HÒA HIỆP CHÚNG) – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Nhóm Áo Lam), tr. 33
- ◆ **THẮNG CHẠP ĐÁ THẬT GẦN** (thơ Hiền Nguyễn), trang 34
- ◆ **THƯ MỜI THAM DỰ HAI NGÀY ÔN TẬP GIỚI LUẬT VÀ CÁC PHÁP YẾT MA** (TN Giới Châu), trang 35
- ◆ **LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 36
- ◆ **TRONG CÔI SINH LINH** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 38
- ◆ **QUYỀN SỞ PHẬT GHI ĐIỂM** (TN. Diệu Phúc), trang 39
- ◆ **CHÙM TỬ CÚ LỤC BÁT TIỀN NĂM CŨ** (thơ Mãn Đường Hồng), trang 41
- ◆ **THÔNG BACH SỐ 1 & PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 9** (HT. Thích Đồng Tuyên), trang 42-44
- ◆ **TIẾNG CHIM RỪNG TRÚC** (Toại Khanh), trang 47
- ◆ **MỜ LÒNG RA** (thơ Tánh Thiện), tr. 48
- ◆ **XƯƠNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 49
- ◆ **VIÊM CUỐNG BAO TỬ, SỰC TÌNH LÚC SAY...** (thơ Phù Du), trang 50
- ◆ **CHIM THUYẾT PHÁP** (TN. Huệ Trân), trang 51
- ◆ **Ở GIỮA SÀI-GÒN, THƯA EM** (thơ Mặc Phương Từ), trang 53
- ◆ **TRUYỆN NGÀN TRĂM LINH TÁM CHỮ** (Steven N.), trang 54
- ◆ **BÁ HỘ LĂNG CẢNH DƯƠNG** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 55
- ◆ **NẤU CHAY: MIỄN XẢO BẮP CẢI, NẤM, KIM CHÂM** (Huyền Châu), tr. 57
- ◆ **SỰ KHÔNG NGOAN CỦA HOÀNG HẬU TỬ TÂM** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 58
- ◆ **ÁNH ĐÈN MỜ TRONG CĂN BÉP NHỎ** (Hạnh Chi), trang 60
- ◆ **STORIES RELATING TO ANICCA, DUKKHA & ANATA** (Daw Mya Tin), trang 62
- ◆ **NGƯỜI MỸ GÓC CHÂU MỸ LA-TINH Ở QUẬN CAM ĐÃ TÌM ĐƯỢC NIỀM AN ỦI NƠI ĐẠO PHẬT** (Trí Tánh dịch), trang 64
- ◆ **ÂM ÁP MÙA ĐÔNG, MƠ ƯỚC** (thơ Diệu Linh), trang 67
- ◆ **ÁNH SÁNG** (Tâm Không – Vĩnh Hữu), trang 68
- ◆ **MẸ GỌI CON** (thơ TN. Giới Định), tr. 71
- ◆ **BẢN NGHỀ** (Truyện cổ Phật giáo), trang 73
- ◆ **NGƯỜI THƠ, NGỌC ĐÁ...** (thơ Kha Nguyệt), trang 72
- ◆ **BỤI ĐƯỜNG – chương 9, t.t.** (Vĩnh Hào), trang 75



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 85 (tháng 12.2018) do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

BUÔNG XẢ

Những ngày tháng cuối năm đối với tuổi thơ, thiếu niên, và ngay cả những người thanh niên tuổi trẻ, thường là giai đoạn kim nén cảm xúc, cố gắng hoàn thành bài học ở trường, công việc ở sở, để rồi sẽ được bùng vỡ ra với những ngày vui đầu năm. Dường như ở trước mắt, hay ngày mai, chỉ có những trò vui chờ đợi. Quá khứ và hiện tại không là gì cả. Giấc mơ tuổi trẻ là thế, là tương lai. Có khi hăm hở phóng cái nhìn quá xa về tương lai mà quên đi thực tế hiện tiền. Niềm đau, nỗi khổ, thất vọng, tuyệt vọng của người tuổi trẻ trong cuộc sống thường khi bắt nguồn từ những ước mơ xa vời.

Người trung niên tương đối có thể quân bình được giữa ước mơ và hiện thực. Kinh qua những va chạm với con người và xã hội, trải nghiệm sự thất bại hay thành công, họ nhìn sự việc thực tế, cẩn thận hơn, kéo những giấc mơ về gần với thực tại, hoặc từ thực tại, xây dựng từng bước dè dặt hướng về tương lai. Đời sống ổn định, vững chắc khi biết kết hợp, sắp xếp hài hòa quá khứ, hiện tại và tương lai.

Đối với người lão niên, hiện tại là những ngày tháng lặng lẽ, mệt mỏi, không muốn làm gì cả; và tương lai là một chuỗi thời gian mong manh, mà sức lực cũng không còn nhiều để sống hăng say sôi nổi như thời trẻ. Những mộng ước cao vời đã dần lắng xuống. Tương lai của đời này là một khoảng thời gian rất ngắn, chỉ hy vọng tương lai của đời sau, nếu có, sẽ mở ra một chương hồi trường thiên đầy hứa hẹn. Tương lai ấy rất gần, nhưng có khi cũng rất mơ hồ vì chẳng thể nào thấy trước được những gì đằng sau kiếp sống. Thế nên, cái gần nhất của người lão niên lại chính là quá khứ, là những gì họ đã thực sự nếm trải. Quá khứ ấy, có khi là chuỗi dài buồn đau, có khi là một thời vàng son mà giờ nhìn lại với nhiều hối tiếc.

Người học đạo, hành đạo, không để bị rơi vào tâm cảnh hối tiếc quá khứ hay vọng tưởng tương lai. Hạnh phúc chỉ có thể hiện hiện ngay nơi thực tại hiện tiền. Nhưng hạnh phúc thực sự không phải là thứ hạnh

phúc có được tất cả, mà chính là buông được tất cả. Người nào không buông được tất cả sẽ không bao giờ nếm được hương vị của tịch nhiên, giải thoát.

Không buông xả được có nghĩa là vẫn ôm mãi chực năm quá khứ, thậm chí vô số đời kiếp quá khứ, để dậm chân từ hiện tại bước vào tương lai.

Quá khứ ấy có gì mà nuối tiếc không buông bỏ được? Trí năng, sắc đẹp ư? — Trí đã cùn lụt lú lẫn, thân cũng hao mòn rã rượi, còn gì mà níu kéo! Danh vọng ư? — Thứ này, người bình thường của thế gian vào một lúc nào đó cũng bỏ được nhẹ nhàng không lể người học đạo vẫn còn ôm theo? Danh có được là nhờ đức hạnh và tài năng đã cống hiến cho đời, cho người. Nhưng nhìn sâu từ hiện tượng đến bản chất, danh cũng chỉ là một thứ vay mượn của quá khứ, là dấu vết của tự ngã đi ngang cuộc đời. Danh vô hình, nhưng rất nặng, bởi đối với người vô minh mê chấp, danh chính là ngã. Không buông được danh, tức không phá được ngã.

Bậc đại trí, đại hạnh, không hẳn phải là kẻ thông minh, làm được nhiều việc lành, danh tiếng lẫy lừng vang xa; có khi chỉ là một người bình thường, dung dị, vô danh, làm tất cả việc mà tâm không vướng mắc, đi qua cuộc đời như lữ khách vắng lai, như thiên nga bỏ lại ao hồ (*).

Tâm không trú nơi quá khứ, hiện tại hay tương lai; tâm vượt khỏi ba thời gian, vượt khỏi cái sát-na và nơi chốn hiện tiền; vắng lặng trong veo như băng tuyết; an nhiên tịch tĩnh như hư không; hành tất cả hạnh, buông tất cả hạnh, mà không thấy có kẻ hành, không thấy có kẻ buông. Tâm hành như thế, không có sự lượng giá xếp hạng nào của trần gian chạm đến được.

(*) "*Kẻ dũng mãnh chánh niệm, tâm không ưa thích tại gia; ví như con thiên nga, khi bay đi, đã bỏ lại ao hồ không chút nhớ tiếc.*" (Kinh Pháp Cú, phẩm A La Hán, câu 91)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHẬT BẢN: Trưng bày thư pháp Kinh điển Phật giáo lớn nhất thế giới

Trong năm qua, hơn 40,000 người đã đến ngôi chùa Ryouin-ji ở miền trung Nhật Bản để chiêm ngưỡng thư pháp lớn nhất thế giới của Tâm Kinh, được thể hiện bởi Shoko Kanazawa, một nhà thư pháp 33 tuổi mắc Hội chứng Down.

Shoko hoàn thành tác phẩm nói trên vào năm 2015. Đây là tác phẩm trung tâm cho cuộc triển lãm kỷ niệm sinh nhật lần thứ 30 của cô.

Tác phẩm của Shoko đã được đón nhận, và hôm nay cô là một nghệ sĩ nổi tiếng được ca ngợi bởi ngay cả những nhà phê bình sâu sắc nhất trong cả nước.

Thư pháp Tâm Kinh là thường này có chiều cao 4 mét và chiều dài 16 mét, và có 276 ký tự chạy từ trần xuống nền nhà và từ tường này sang tường khác. Nó được tạo tác từ các tờ giấy có chiều cao 4 mét và rộng 2 mét, được dán với nhau để hình thành một khung giấy lớn.

Tác phẩm Tâm Kinh được trưng bày thường trực tại chùa Ryouin-ji. Từ ngày 21-11 đến 3-12-2018, chùa cũng sẽ tổ chức triển lãm thêm các tác phẩm thư pháp của Shoko Kanazawa.

(Buddhistdoor Global – October 9, 2018)



Shoko Kanazawa trước bản thư pháp 'Thần Gió và Thần Sấm', một trong những tác phẩm nổi tiếng của cô

Photo: straitstimes.com



*Tác phẩm thư pháp Tâm Kinh của Shoko tại chùa Ryouin-ji
Photo: kyodonews.net*

MÃ LAI: Tổ chức Phật giáo Bo Re của Mã Lai đã tổ chức giải Golf từ thiện Bo Re 2018 lần thứ hai tại Shah Alam

Shah Alam, Selangor - Tổ chức Phật giáo Bo Re của Mã Lai đã tổ chức giải Golf Bo Re 2018 lần thứ nhì tại Câu lạc bộ Golf&Đồng quê Kota Permai ở Shah Alma vào ngày 11-10-2018.

Sự kiện năm nay đã có 132 gôn thủ đến từ Mã Lai cũng như Singapore, Thái Lan, Hồng Kông, Trung Quốc và Úc.

Giải golf từ thiện khai mạc vào năm ngoái tại Câu lạc bộ Golf Vườn Cây cọ ở thành phố Putrajaya đã thu hút 116 gôn thủ.

Sự kiện gôn từ thiện nói trên đã được các sinh viên thảo luận để gây quỹ cho các nhu cầu hoạt động của Bo Re, bao gồm các lớp học đạo pháp miễn phí.

Một nửa của số tiền ròng quyền được từ giải golf từ thiện năm nay sẽ được chuyển về cho xã hội, cụ thể là cho trẻ em nghèo khổ từ các gia đình và các tổ chức cũng như trường học nông thôn.

Tổng cộng có 25 thanh niên từ tổ chức này đã đóng một vai trò then chốt trong việc tổ chức sự kiện. (thestar.com.my – October 11, 2018)



Các gôn thủ và tình nguyện viên chụp hình nhĩ tại Câu lạc bộ Golf&Đồng quê Kota Permai ở Shah Alma trước khi phát bóng—Photo: The Star

HOA KỲ: Bộ sưu tập lớn nhất của văn học Phật giáo Tây Tạng hiện đã có trên phần Lưu trữ Internet

Tuần trước, Trung tâm Giải trí Kỹ thuật số Phật giáo (BDRC) và Lưu trữ Internet (IA) đã công bố rằng bộ sưu tập văn học Phật giáo Tây Tạng lớn nhất thế giới hiện đã có trên Lưu trữ Internet. Họ nói rằng bộ sưu tập này là "hồ sơ hoàn chỉnh nhất của những lời Phật dạy có sẵn bằng bất cứ ngôn ngữ nào".

Từ khi thành lập vào năm 1999, BDRC đã định vị, số hóa và lưu trữ hơn 15 triệu trang các tác phẩm quan trọng và các văn bản hiếm có của Phật giáo. Tổ chức này có văn phòng tại Cambridge, Massachusetts (Hoa Kỳ), cũng như các văn phòng và các trung tâm số hóa ở Hàng Châu (Trung Quốc); Bangkok (Thái Lan); Kathmandu (Nepal); và tại Thư viện Quốc gia Mông Cổ ở Ulaanbaatar.

Các chuyên viên số hóa của BDRC đến các địa điểm và tu viện khác nhau để lưu trữ nội dung. Họ đã phát hiện ra các tác phẩm độc đáo như các

mộc bản kinh, bản thảo lá cọ, các bài viết của những tác giả chưa từng được biết đến, và các văn bản từng được giả định là đã mất.

Bộ sưu tập hiện đã có sẵn trên IA cũng bao gồm hàng triệu trang bình luận, giáo lý, và các tác phẩm về các môn học khác nhau như y học, lịch sử và triết học.

(Lion's Roar – October 10, 2018)

PAKISTAN: Hội thảo "Hyecho tại Gandhara- Bước chân của một nhà sư Triều Tiên" nhấn mạnh liên kết lịch sử giữa Hàn Quốc và Pakistan

Islamabad, Pakistan – Các sử gia, học giả và sinh viên nổi tiếng từ nhiều cơ sở giáo dục tại Pakistan và Hàn Quốc đã tập trung tại Islamabad để dự một hội thảo có tựa đề "Hyecho tại Gandhara- Bước chân của một nhà sư Triều Tiên". Được tổ chức vào ngày 8-10-2018 tại Phòng Nghiên cứu của Viện Di sản Dân gian và Truyền thống Quốc gia (Lok Virsa), cuộc hội thảo nhấn mạnh mối quan hệ lịch sử và văn hóa có từ nhiều thế kỷ giữa người Triều Tiên và Pakistan.

Cuộc hội thảo, do Đại sứ quán Hàn Quốc tại Pakistan và Lok Virsa tổ chức, tập trung vào cuộc du hành của nhà sư Triều Tiên Hyecho (704-876). Viếng thăm những vùng tại Pakistan và Ấn Độ ngày nay vào thời của nền văn minh Gandhara (thế kỷ thứ 8), sư Hyecho đã thuật lại các chuyến đi này trong nhật ký cá nhân 'Hồi ký của Người hành hương đến Ngũ Vương quốc Tentouk (Sindhu)' của ông.

Ba học giả nổi tiếng chuyên về chủ đề này - gồm Tiến sĩ So Gilsu, Tiến sĩ Muhammad Farooq Swati và Tiến sĩ Esther Park - đã được mời để thuyết trình về cuộc du hành này. Các bài nói chuyện của họ nhấn mạnh về tầm ảnh hưởng của những chuyến đi đầu tiên đối với sự truyền bá Phật giáo tại bán đảo Triều Tiên và phần còn lại của thế giới.

(Buddhistdoor Global – October 12, 2018)



Một điệu múa Sunbi cổ điển của Triều Tiên được trình diễn tại Hội thảo "Hyecho tại Gandhara- Bước chân của một nhà sư Triều Tiên"
Photo: dailytimes.com.pk



Hội thảo "Hyecho tại Gandhara- Bước chân của một nhà sư Triều Tiên"
Photo: pakistanatoday.com.pk

LÀO: Khai quật những tượng Phật 2,000 năm tuổi tại tỉnh Savannakhet

Gần đây, hàng trăm tượng Phật và các di tích cổ 2,000 năm tuổi khác đã được tìm thấy trong khuôn viên của Bảo tháp That Inghang (ở thành phố Kaisone Phomvahan, tỉnh Savannakhet) khi cư dân địa phương đang tiến hành cải tạo tại khu vực này.

Có chiều cao từ 8 đến 10 cm, số tượng nói trên được làm bằng vàng, bạc, đồng và các vật liệu khác.

Tất cả những tượng Phật, bình vại và cổ vật khác hiện đang được giữ tại một nơi an toàn, một viên chức Sở Thông tin, Văn hóa và Du lịch tỉnh cho biết.

Phát hiện bất ngờ này về những tượng Phật và cổ vật khác là khám phá khảo cổ học quan trọng đầu tiên trong nhiều năm tại thành phố Kaisone Phomvahan.

(tipitaka.net – October 14, 2018)



Các cổ vật Phật giáo 2,000 năm tuổi khai quật được trong khuôn viên của Bảo tháp That Inghang (Savannakhet, Lào)
Photo: tipitaka.net

TÍCH LAN: Tổng thống Maithripala Sirisena trao giải Hoàng gia Dhamma Chakka của chính phủ Thái Lan cho Hòa thượng Nayaka Thera

Ngày 16-10-2018, Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena nói ông sẽ cống hiến đời mình để truyền các giá trị của Phật giáo Nam Tông đến thế giới trong khi bảo vệ triết học cao quý này, chung tay với tất cả các nước trong khu vực.

Ông đã phát biểu như trên trong một buổi lễ được tổ chức tại trường Sri Chandananda Buddhist Vidyalyaya, Asgiriya (Kandy) để tôn vinh Hòa thượng Tiến sĩ Godagama Mangala Nayaka Thera, người được vinh danh với Giải thưởng Hoàng gia Dhamma Chakka từ Chính phủ Thái Lan.

Giải thưởng này của Thái Lan là để công nhận việc phụng sự lớn lao của Hòa thượng cho quốc gia Tích Lan và Phật giáo, và cũng cho những đóng góp mà hòa thượng đã thực hiện để truyền bá Phật giáo Nam Tông ở tầm quốc tế.

(NewsNow – October 16, 2018)



*Tổng thống Tích Lan trao giải
Hoàng gia Dhamma Chakka
của Thái Lan cho Hòa thượng
Nayaka Thera
Photo: Colombo Page*

**TÍCH LAN: Hoa Kỳ tài trợ
cho việc trùng tu bảo tháp
của tu viện Phật giáo Ra-
jagala**

Rajagala, Tích Lan – Ngày 16-10-2018, Thủ tướng Tích Lan Ranil Wickremesinghe đã khánh thành một bảo tháp đã được trùng tu - theo dự án do Bộ ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ thông qua Quỹ Đại sứ Quán Hoa Kỳ cho Bảo tồn Văn hóa (AFCP).

Được khởi xướng vào năm 2013, kinh phí cho dự án nói trên tổng cộng gần 43 triệu rupees Tích Lan (250,000 usd). Cố vấn về các vấn đề công cộng David McGuire đã đại diện cho Đại sứ Quán Hoa Kỳ tại sự kiện này.

Dự án bao gồm việc bảo tồn và phục hồi các nhà ở trong hang động, các di tích và các tòa nhà thuộc lâm viện Phật giáo Rajagala. Dự án cũng đã khôi phục các lối đi nối các bảo tháp, các tòa nhà chung, hang động có tranh thien và các công trình khác.

AFCP tài trợ cho việc bảo tồn các di tích văn hóa, hiện vật văn hóa và các loại hình biểu hiện văn hóa truyền thống tại hơn 100 quốc gia trên thế giới.

(Colombo Page – October 17, 2018)



**ẤN ĐỘ: Tàu hỏa đặc biệt
với các tiện nghi đẳng cấp
thế giới sẽ vận hành trên
mạng mạch Phật giáo vào
cuối năm nay**

Đường sắt Ấn Độ sẽ điều hành một tàu hỏa đặc biệt được trang bị các tiện nghi đẳng cấp thế giới trên mạng mạch Phật giáo để thu hút du khách từ Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan và Tích Lan vào cuối tháng 12 năm nay, một quan chức cho biết vào ngày 17-10-2018.

Trong khi kiểm tra các toa tàu đang được sản xuất cho tàu hỏa đặc biệt này tại Nhà máy Toa Tàu hỏa (RCF), thành viên Hội đồng quản trị Rajesh Agrawal cho biết tàu tốc hành nói trên sẽ bao gồm các điểm đến Phật giáo của Bồ Đề Đạo Tràng, Budh Vi-har, Sarnath và Kushi Nagar.

Ông cho biết Tổng công ty Dịch vụ ăn uống và Du lịch Đường sắt Ấn Độ (IRCTC) sẽ quản lý và điều hành tàu hỏa đặc biệt này, và cũng sẽ quyết định giá vé.

(Press Trust of India – October 18, 2018)

**NHẬT BẢN: Kim Chánh
điện tại ngôi chùa lịch sử
Kofuku-ji ở Nara được
phục hồi 301 năm sau khi
bị hỏa hoạn phá hủy**

301 năm sau khi bị tàn phá trong một vụ hỏa hoạn vào năm 1717, Kim Chánh điện tại ngôi chùa lịch sử

Kofuku-ji ở cổ đô Nara cuối cùng đã được khôi phục lại vinh quang xưa. Từ ngày 7 đến 11-10-2018, hàng ngàn tín đồ và các nhà hảo tâm đã tham dự buổi lễ chính thức chào mừng việc hoàn thành sự khôi phục ngôi chánh điện.

Được tôn trí như là biểu tượng chính của điện thờ mới phục hồi này là một tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, tạo tác vào năm 1811; chung quanh là các tượng Tứ Đại Thiên Vương, có niên đại từ thế kỷ 13; và hai bên là tượng các vị Bồ Tát Yakuo và Yakujo, được chế tác vào năm 1202.

Từ ngày 20-10-2018, Kim Chánh điện sẽ mở cửa cho công chúng 7 ngày một tuần, từ 9am đến 5pm.

(Buddhistdoor Global – October 19, 2018)



*Kim Chánh điện tại ngôi chùa
lịch sử Kofuku-ji ở Nara được
phục hồi*



*Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni và
các tượng Thiên Vương, Bồ Tát
được tôn trí trong Kim Chánh
điện —Photos: asahi.com.jp*

**NHẬT BẢN: Triển lãm 'Chùa
Daigoji: Một thế giới Phật
giáo Mật tông Chơn ngôn
tại Kyoto'**

Một bộ sưu tập đầy ấn tượng của các bảo vật có tựa đề 'Chùa Daigoji: Một thế giới Phật giáo Mật tông Chơn ngôn tại

*Bảo tháp được trùng tu của tu
viện Phật giáo Rajagala (Ấn
Độ)*

Photo: Colombo Page



Kyoto' được trưng bày cho đến ngày 11-11-2018 tại Bảo tàng Nghệ thuật Suntory ở Tokyo Midtown, Roppongi (Tokyo).

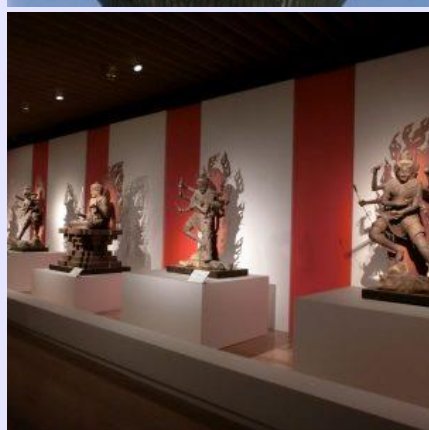
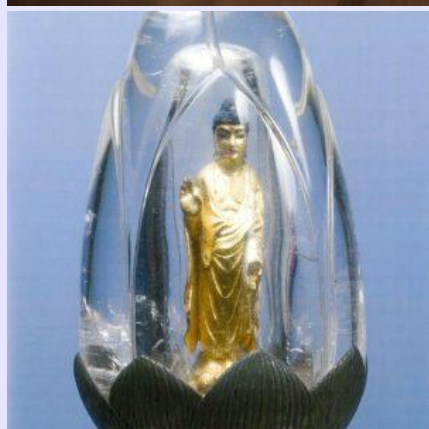
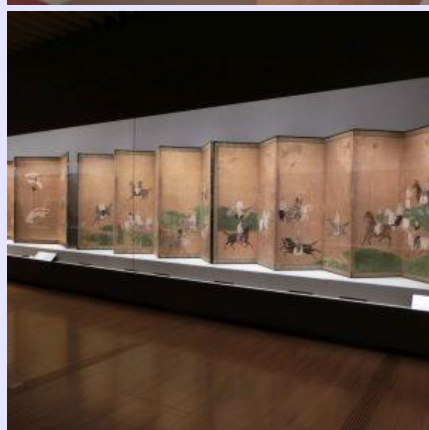
Sự kiện này mang đến cho khách tham quan cơ hội chiêm ngưỡng các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo tuyệt mỹ - mà thậm chí không cần phải đi Kyoto.

Triển lãm này cho thấy một hình thức riêng biệt của nghệ thuật Phật giáo Nhật Bản, giúp khách tham quan trải nghiệm sự biến đổi của đạo Phật ở Nhật và sự độc đáo của những pho tượng Phật giáo được tác bởi và cho người Nhật.

(Japan Forward - October 20, 2018)



Tranh, tượng Phật giáo tại triển lãm 'Chùa Daigoji: Một thế giới Phật giáo Mật tông Chơn ngôn ở Kyoto'
Photos: Japan Forward



NHẬT BẢN: Trà được phục vụ trong những tách lớn tại một buổi lễ ở chùa Saidaiji

Nara, Nhật Bản - Hàng chục người đã nhấm nháp trà từ những tách lớn tại ngôi chùa Saidaiji ở cố đô Nara của Nhật vào ngày 7-10-2018.

Một nhà sư đã pha trà bằng một đồ dùng đánh trứng ngoại cỡ, rồi rót trà vào những tách có đường kính khoảng 40 cm.

Khoảng 50 người tham dự sự kiện nói trên, trong số đó có vài người cần sự giúp đỡ để giữ tách của mình.

Truyền thuyết kể rằng cách đây gần 780 năm, một tu sĩ Phật giáo đã bắt đầu truyền thống này để tạo cơ hội cho người dân địa phương được nếm thử trà. Và đến nay các nhà sư chùa Saidaiji tổ chức sự kiện này 3 lần một năm.

(tipitaka.net - October 22, 2018)



Trà được phục vụ trong những tách lớn tại một buổi lễ ở chùa Saidaiji

Photo: nhk.or.jp

ĐỨC: Tích Lan tặng Ngôi nhà (Chùa) Phật giáo tại Berlin nhánh cây Bồ đề lịch sử

Ngày 21-10-2018, Đại sứ Tích Lan tại Đức là ông HE Karunasena Hettiarachchi và 9 nhà sư đã tặng Ngôi nhà Phật giáo ở Frohnau, Berlin, một nhánh của cây Bồ đề lịch sử.

Tại thư viện của Ngôi nhà Phật giáo, hai anh em Senaka và Tissa Weeraratna của Hội Dharmaduta Đức được Đại sứ Tích Lan trao nhánh cây Bồ đề thiêng liêng này.

Đây là món quà rất đặc biệt mà chính phủ Tích Lan gửi tặng trung tâm Phật giáo nói trên tại Frohnau. Nó là một nhánh của cây Bồ đề (Giác Ngộ) Sri Maha thiêng liêng ở

Anuradhapura, Tích Lan. Theo truyền thống, tương truyền Tất Đạt Đa Cồ Đàm đã trải nghiệm sự thức tỉnh vào năm 528 BC và trở thành Đức Phật ("Giác Ngộ"). Do đó, cây Bồ đề được xem là gốc rễ của tín ngưỡng Phật giáo ở Tích Lan và là cây được ghi nhận có tính lịch sử lâu đời nhất trên thế giới.

(NewsNow – October 22, 2018)



Đại sứ Sri Lanka Karunasena Hettiarachchi (bên phải) trao tặng Hội Dharmaduta Đức nhánh cây Bồ đề thiêng liêng tại thư viện Phật giáo Haus ở Frohnau

Photo: asiantribune.com

MIẾN ĐIỆN: "Chùa Rắn" ở thị trấn Twante, Yangon

Chùa Baung Daw Gyoke ở thị trấn Twante, Yagon, đã nhận được biệt danh là Hmwe Paya ("chùa rắn") từ người dân địa phương. Nằm giữa một cái hồ, ngôi chùa có khoảng 40 con rắn, một số có chiều dài từ 2 đến 3 mét.

Nhiều người dân địa phương xem sự hiện diện của những con rắn này là điềm lành của ngôi chùa, và họ thường xuyên ghé thăm nơi này để cầu nguyện và cúng dường cho chúng.

Chữ tăng ni tại chùa sẵn lòng chăm sóc những con rắn, nhiều con trong số đó đã được người dân địa phương thu thập từ khu vực xung quanh và mang đến ngôi chùa. Những con rắn này không hung dữ, được cho ăn sữa và trứng mua từ những khoản cúng dường dành cho chúng.

(Buddhistdoor Global – October 24, 2018)



Chùa Baung Daw Gyoke ở thị trấn Twante, Yagon, biệt danh là Hmwe Paya ("chùa rắn")



Trăn treo mình trên cửa sổ nhà chùa



Tiền cúng dường nằm rải rác trên mình trăn

Photos: Buddhistdoor Global

ĐÀI LOAN: Đối thoại quốc tế lần đầu tiên của nữ tu sĩ Phật giáo – Kitô giáo

Bảy mươi nữ tu sĩ từ 16 quốc gia đã họp mặt tại Đài Loan từ ngày 14 đến 18 -10-2018 để chia sẻ ý tưởng và đối thoại về cuộc sống suy niệm và tích cực trong tín ngưỡng tương ứng của họ.

Cuộc đối thoại quốc tế đầu tiên của nữ tu sĩ Phật giáo – Kitô giáo đã cam kết tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị giữa hai bên. Với chủ đề "Hành động chiêm niệm và suy gẫm tích cực: Đối thoại của nữ tu sĩ Phật giáo và Kitô giáo", cuộc đối thoại này đã tập hợp 70 nữ tu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật

Bản, Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Singapore, Hồng Kông, Cam Bốt, Phi Luật Tân, Brazil, Ý Đại Lợi, Đức, Na Uy và Hoa Kỳ. Ngoài ra còn có một đại diện đến từ Hội đồng giáo hội Thế giới.

Sự kiện kéo dài 4 ngày này đề cập đến các vấn đề như: nguồn gốc, sự tiến hóa và tình hình hiện nay của cuộc sống nữ tu sĩ Phật giáo và Kitô giáo; thiền định Phật giáo và chiêm niệm Kitô giáo; phụng sự nhân loại; và nữ tu sĩ phát huy 'Nữ Thiên tài'.

(vaticannews.va – October 24, 2018)

NHẬT BẢN: Triển lãm bộ tranh cuộn thế kỷ 13 về nhà sư nổi tiếng Ippen

Minh họa cuộc đời của nhà sư nổi tiếng Ippen (1239-1289) của tông phái Phật giáo Jishu, một tập hợp đầy đủ các tranh cuộn thế kỷ 13 sẽ được trưng bày cho công chúng tại bảo tàng Quốc gia Kyoto.

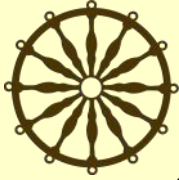
Với chủ đề "Ippen Hijiri-e", 12 tranh của họa sĩ En'i mô tả nhà sư Ippen trong những cảnh sống động cùng với rất nhiều nhà sư và người xem. Sư Ippen, người thành lập Phật phái Jishu, đã du hành vòng quanh Nhật Bản để truyền bá Phật giáo với dân chúng bằng cách vừa đọc kinh vừa nhảy múa.

Bộ tranh cuộn này được họa sĩ En'i hoàn thành vào năm 1299.

Triển lãm sẽ mở cửa vào ngày 13-4 và kéo dài đến ngày 9-6-2019, trưng bày hơn 200 bảo vật của giáo phái Jishu và các hiện vật có liên quan. (asahi.com – October 24, 2018)

Một cảnh từ tranh cuộn "Ippen Hijiri-e" thứ 7, mô tả các tu sĩ Phật giáo vừa nhảy múa vừa tụng kinh tại một sảnh chùa ở Kyoto — Photo: Bảo tàng Quốc gia Kyoto





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

Kính gửi: Hòa Thượng Thích Nguyên Trí và Môn Đồ Pháp Quyển Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Nguyên Trực

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật



Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH được ai tín Bào Huynh, cũng là Pháp Huynh của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Viện Chủ Chùa Bát Nhã, Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH, là:

Lâm Tế Chánh Tông, Tứ thập Tứ Thế Khai sơn Từ Nhãn Tổ Đình Đường Thượng Hỷ thượng **Nguyên** hạ **Trực**, tự **Trì Hành**, hiệu **Thiện Đức Đại lão Hòa thượng**, thọ sanh năm Quý mùi (nhằm ngày 08-03-1943), do tuổi cao sức yếu, sau thời gian bệnh duyên, đã thuận thế vô thường, thân thần viên tịch vào lúc 10 giờ 40 phút sáng, ngày 10 tháng 11 năm 2018 (nhằm ngày 04 tháng 10 năm Mậu Tuất) tại Chùa Từ Nhãn, khu phố Vạn Hạnh, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trụ thế 76 tuổi, Hạ lạp 54.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH nhất tâm cầu nguyện Trưởng Lão Hòa Thượng Tân Viên Tịch CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC; đồng thời thành kính phân ưu cùng Hòa Thượng Thích Nguyên Trí và Môn Đồ Pháp Quyển Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Nguyên Trực.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Santa Ana, ngày 10 tháng 11 năm 2018

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH

Chủ Tịch



Linghĩa

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA)

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

24.- PHẨM DIỆU ÂM BỒ TÁT:

Để tăng trưởng lòng tin của chúng sanh đối với diệu dụng của Kinh Pháp Hoa, đức Phật Thích Ca giới thiệu thêm một vị Bồ Tát đã chứng đắc tri kiến của Phật với pháp hiệu là Diệu Âm.

Về phương Đông, nơi quốc độ Tịnh Quang Trang, Nghiêm có một vị Bồ Tát pháp hiệu là Diệu Âm, đệ tử ưu tú của đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí. Phật Thích Ca dùng thần lực của Như Lai mời Bồ Tát Diệu Âm sang thăm nơi cõi Ta Bà để ra mắt cùng thánh chúng trong đạo tràng Pháp Hoa.

Bồ Tát Diệu Âm bạch với đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí muốn đến cõi Ta Bà cùng đường đức Phật Thích Ca, nghe Kinh Pháp Hoa và thăm Bồ Tát Văn Thù. Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí bảo Bồ Tát Diệu Âm rằng: "Thân của ông bốn mươi hai nghìn do tuần. Thân của ta sáu trăm năm mươi muôn do tuần, còn thân của Phật, thân của các Bồ Tát nơi cõi Ta Bà kia thì rất nhỏ và cao thấp không bằng nhau. Hơn nữa quốc độ nơi đó đầy dẫy sự nhơ xấu. Ông đến cõi ấy chớ sanh tâm khinh bỉ nhờn gớm."

Trước khi đến cõi Ta Bà, Bồ Tát Diệu Âm sử dụng Thần Lực Như Lai hóa hiện tám muôn bốn nghìn hoa sen báu nơi núi Kỳ Xà Quật ở cõi Ta Bà để giới thiệu sự mầu nhiệm của Kinh Pháp Hoa. Sau đó Bồ Tát cùng với tám muôn bốn nghìn Bồ Tát khác đến yết kiến đức Phật Thích Ca, đức Phật Đa Bảo và đồng thời ra mắt các Bồ Tát như Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Dược Vương v.v... Sau khi cùng đường đức Phật Thích Ca và đức Phật Đa Bảo xong, Bồ Tát Diệu Âm cùng các hàng Bồ Tát khác đều trở về bổn độ để báo cáo lên đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí sự thành quả của chuyến viếng thăm nơi cõi Ta Bà.

Khi ra mắt trước Thánh chúng trong đạo tràng Pháp Hoa đức Phật Thích Ca liền giới thiệu thể Bồ Tát Diệu Âm với Bồ Tát Hoa Đức và đại



chúng. Thuở quá khứ, thời đức Phật Vân Lô Âm Dương ra đời, Bồ Tát Diệu Âm là một nhạc sĩ nổi danh đương thời và phát nguyện tu diệu hạnh cúng dường Ba La Mật. Trong một vạn hai nghìn năm chuyên cúng dường mười muôn thứ kỹ nhạc và tám muôn bốn ngàn cái bát bảy báu lên đức Phật Vân Lô Âm Dương. Do nhân duyên đó, Bồ Tát chứng đắc "Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội Đà La Ni" giống như Bồ Tát

Được Vương và được sanh sang nước của Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí với danh hiệu là Bồ Tát Diệu Âm. Nhờ chứng được "Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội," Bồ Tát tùy duyên biến hiện rất nhiều loại thân nói Kinh Pháp Hoa để hóa độ chúng sanh. Những hình ảnh phi thường mà Bồ Tát Diệu Âm thể hiện ở trên chính là bày tỏ sự chứng đắc tri kiến của Phật trong Kinh Pháp Hoa.

Điều đặc biệt trong Phẩm Diệu Âm Bồ Tát thứ 24 là nói về sự sai biệt Báo Thân và Ứng Hóa Thân của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, của Bồ Tát Diệu Âm và của đức Phật Thích Ca trong các quốc độ nơi thế giới Ta Bà. Ngoài ra phẩm này còn trình bày pháp tu Diệu Hạnh của Bồ Tát Diệu Âm, đồng thời nói lên thái độ khiêm cung của một vị Bồ Tát là không khinh mạn khen chê những quốc độ và chúng sanh tốt xấu, nhơ sạch, sang hèn, khó dễ trong sự hành hoạt nhập thế độ sanh.

Sự sai biệt giữa Báo Thân và Ứng Hóa Thân như đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí trong cõi quốc độ Tịnh Quang Trang Nghiêm, đức Phật Thích Ca trong quốc độ Ta Bà v.v... cùng với Báo Thân của các Bồ Tát như Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Diệu Âm v.v... Sự sai biệt giữa Báo Thân và Ứng Hóa Thân có nhiều hạng cao thấp khác nhau, như thân thể của đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí thì cao sáu trăm năm mươi muôn do tuần, thân thể của Diệu Âm Bồ Tát thì cao bốn mươi hai nghìn do tuần v.v... (Một do tuần là một hải lý). Sự sai biệt thân tướng này được thấy trong Thập Đại Độ Tử của Thích Tinh Vân, do Như Đức dịch, trang 53-54 ghi rằng: Độ tử của đức Phật Thế Tự Tại Vương gọi ngài Mục Kiền Liên, đệ tử lớn của đức Phật Thích Ca, cao một thước tám tấc cho là con sáu lớn (Đại trùng), nói: "Đức Thế Tự Tại Vương thuyết pháp xong, một vị Bồ Tát hướng về Phật đảnh lễ và chỉ Mục Kiền Liên nói: Như Lai! trong khi ngài thuyết pháp, chẳng biết từ đâu bỏ đến một con đại trùng (sâu lớn), trông thật quái dị, chúng con muốn đuổi nó đi!" Đức Phật vội ngăn: "Đừng nói thế! đó là Mục Kiền Liên, đệ tử thân thông đệ nhất của đức Phật Thích Ca ở cõi Ta Bà!" Điều đó chứng tỏ thân thể của các đức Phật ở những cõi trên so với thân thể ngũ trước của các chúng sanh ở cõi Ta Bà này thật quá to lớn vô cùng tận.

Ứng Hóa Thân là những loại thân ứng hóa để tùy duyên độ sanh, như thân tướng của Phật Thích Ca hóa sanh nơi Ấn Độ, thân tướng của Quán Thế Âm ứng hiện nơi cõi Ta Bà để cứu khổ chúng sanh v.v... Theo như Bát Thức Quy Củ Tụng của ngài Khuy Cơ do Thích Thắng Hoan dịch, trang 37, Ứng Hóa Thân có ba loại: Hiện Đại Hóa Thân, Tiểu Hóa Thân và Tùy Loại Hóa Thân.

Hiện Đại Hóa Thân là một loại thân thể được hóa hiện để hóa độ hàng đại thừa Bồ Tát và thân này cao một ngàn tượng (một tượng là mười thước ta). Tiểu Hóa Thân là một loại thân thể được hóa hiện để hóa độ hàng Tam



Hiền, hàng Nhị Thừa và thân này cao một tượng sáu thước. Tùy Loại Hóa Thân là những thứ thân thể được hóa hiện nhiều hình tướng khác nhau, tùy theo chúng loại để hóa độ chúng sanh. Loại thân thể này có khi là hình tướng con người, có khi là hình tướng súc sanh v.v... tùy theo cơ duyên muôn loài hiện ra để hóa độ.

Ngoài ra Bồ Tát Diệu Âm tu hạnh Cúng Dường Ba La Mật tức là hạnh Bồ Thí Ba La Mật, một hạnh trong Lục Độ Ba La Mật của Bồ Tát hành trì. Bồ Tát suốt đời đem tất cả nghệ thuật siêu đẳng của âm nhạc biểu diễn qua Tam Muội dâng lên cúng dường Phật. Nhờ đó Bồ Tát được chứng quả với danh hiệu là Diệu Âm. Kinh ghi Bồ Tát Diệu Âm chứng được mười sáu Tam Muội (Chánh định của diệu tâm) và mỗi Tam Muội đều có diệu dụng riêng biệt để tùy cơ độ chúng sanh. Ngoài ra, mười sáu Tam Muội nói trên có công năng biến 84,000 phiền não trần lao trở thành 84,000 bảy báu diệu âm của nhạc lý để cúng dường mười phương chư Phật.

Tóm lại, Bồ Tát Diệu Âm trong một vạn hai nghìn năm nhờ tu diệu hạnh cúng dường mười muôn thứ kỹ nhạc và tám muôn bốn ngàn cái bát bảy báu dâng lên đức Phật Văn Lô Âm Dương nên chứng được Diệu Âm. Sau đó Bồ Tát sử dụng Hiện Nhứt Thiết Sắc Thân Tam Muội hiện ra rất nhiều loại thân nói Kinh Pháp Hoa trong các cõi bằng Pháp Hoa Tam Muội để tùy duyên hóa độ chúng sanh. Hơn nữa Bồ Tát còn hòa tấu 84,000 loại nhạc lý Diệu Âm của Tri Kiến Phật trong kinh Pháp để cúng dường các đức Phật trong mười phương.

(còn tiếp)

CHÁNH GIÁC VÀ GIẢI THOÁT

Đại Sư ẮN THUẬN

HT. Thích Minh Cảnh dịch

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Niết Bàn là sự tự chứng hiện đời, là sự giải thoát sanh tử ở thế gian của người tự giác, không luận là rốt ráo ở nhân gian hoặc rốt ráo ở chỗ khác, hễ giải thoát rốt ráo sanh tử thì gọi là "Bất Niết Bàn."

A. Giải thoát của Thanh Văn:

Những thứ bậc chứng quả:

Đệ tử của Đức Phật kẻ hiền người ngu muôn vàn sai khác, qua sự dạy dỗ của bậc Thiện Tri Thức, sự đào luyện của Tăng Đoàn, nếu y theo lời dạy của Phật mà tu hành thì ai cũng có thể giải thoát chứng được Chánh Giác. Chánh Giác (Tam Bồ Đề-Sambhodhi) cùng Giải Thoát là mục đích chung của Phật và các đệ tử Thanh Văn, nhưng chúng Thanh Văn chú trọng ở Giải thoát còn Đức Phật chú trọng ở Chánh Giác mà thôi. Chúng Thanh Văn tại gia, xuất gia vì bị khổ vô hạn sanh tử bức bách, hiểu rõ cội nguồn của sinh tử là vô minh, tham ái. Nướng nơi hạnh Trung Đạo mà tu hành liền có thể hướng đến Chánh Giác, đạt đến Giải thoát sanh tử. Đây ắt cần phải kiên quyết đòi hỏi tinh tấn, nỗ lực phi thường mới có thể hoát nhiên đại ngộ, siêu phàm nhập Thánh, chuyển đổi cuộc sống mê mờ trở thành cuộc sống Chánh Giác. Sự thật chứng tiến tu của học giả có thể chia ra bốn bậc:

1/ Tu Đà Hoàn: (Quả Dự Lưu) Đây là ở nội tâm mới được thể nghiệm: "Biết Pháp, nhập Pháp." Từ trước đến nay chưa từng có. Dù chưa đạt đến rốt ráo nhưng sanh tử đã có thể gọi là được Giải thoát. Bấy giờ dứt hết căn bản sanh tử, thấy suốt được Pháp tánh tịch diệt, như nói: "Ở pháp diệt này, thấy biết bằng Chánh Huệ như thật biết được Minh," đã dứt sạch "Ba kết" (Thân kiến, giới thủ và nghi). Đó gọi là quả Tu Đà Hoàn. Không đọa vào ba ác đạo, nhất định hướng đến Tam Bồ Đề (Chánh Giác). Bày lần qua lại chốn Nhân Thiên rồi mới dứt hết khổ biên (Tập A hàm quyển 3 - Kinh 61)

Ba kết là thứ trọng yếu nhất trói buộc trong phiền não sanh tử đó là:

Thân kiến: (tức là ngã kiến) do chứng được trí tuệ mà thấy được tính vô ngã, không

còn có ý tưởng thần ngã trong tự thân. Như Xiển Đà nói: Không còn thấy ngã, chỉ thấy Chánh pháp (Kinh 262 Tập A Hàm quyển 10)

Giới thủ: Chấp các thứ tà giới (như khổ hạnh, tế tự, chú thuật v.v...) cho là có thể giải thoát. Bậc Thánh giả không thể nào còn sinh ra giới thủ mà chủ trương những Tôn giáo tà hành bất hợp lý.

Nghi: Đối với Tam Bảo Phật Pháp Tăng còn do dự. Bậc Thánh giả (mới được Pháp thân) thì cùng với Phật và Tăng trong tâm khế hợp, đâu còn nghi hoặc nữa.

Cứ thể mà tiến tu sẽ tiến lên bậc II, là quả Tư Đà Hàm (Nhất Lai), Bậc thứ ba là A Na Hàm (Bất Hoàn) và tiến đến quả A La Hán, bậc Giải thoát sau cùng.

2/ A La Hán: Là bậc Giải thoát sanh tử (Vô sanh) Dứt sạch các phiền não (Sát tặc), là bậc Thánh xứng đáng được mọi người cúng dường (Ứng cúng). Như trong Kinh nói Tu Đà Hoàn dù phá trừ được phiền não nhưng hãy còn "Mạn" thừa chưa hết (Kinh 105 Tập A Hàm quyển 5) "Mạn" này hoặc gọi là Mạn loại. Đây tuy nhận nơi xuất trí vô ngã không còn khởi kiến chấp phân biệt "ngã" và "ngã sở" nhưng cái tập quán từ vô thi đến nay đã trở thành tánh "ngã tự thị" trong tâm chưa có thể dứt sạch, cho nên nói rằng còn thừa lại một số để trở thành sự sinh tử bảy đời và một đời. Vì vậy cần phải có sự nỗ lực liên tục mới có thể hoàn toàn dứt hẳn cội nguồn sanh tử đạt đến địa vị cứu cánh giải thoát. Sự chứng đắc của hàng Thanh Văn từ sơ quả đến tứ quả không phải tất cả đều giống nhau. Người có trí huệ lớn như Xá-lợi-phất, người ngu si như Châu-lợi-bàn-đa-dà, người lớn tuổi nhất (120 tuổi) như Tu Bạt Đà La, người nhỏ tuổi nhất như Sa Di Quân Đầu đều có thể chứng quả A La Hán. A Nan theo Phật rất lâu nhưng vẫn chưa chứng quả A La Hán mà các ông Xá Lợi Phất, Kiều Trần Như chẳng đầy một ngày đã chứng. Hơn nữa, có người sau khi chứng quả Tu Đà Hoàn, ngay hiện đời tiến tu liền chứng quả A La Hán, cũng có người sau khi chứng được sơ quả, hoặc nhị quả, tam quả rồi ngừng lại đó không tiến lên nữa, nhưng sinh

tử đã có hạn lượng, việc giải thoát rất ráo không còn vấn đề nữa. Tình hình chứng quả cũng không giống nhau, đại khái là căn cứ vào căn tính lợi độn và đức tin về Đạo (Tin sâu ở nơi Tam Bảo) và mong muốn thực hiện giải thoát mà xác định sự nhanh chậm. Đó là ai ai cũng có thể đạt đến, nhưng nếu đem tâm có chấp trước có thiên lệch thì không thể khế hợp với việc thực hành trong đạo, đặc biệt nếu loạn tâm, vọng chấp thì rất khó đạt đến được.

GIẢI THOÁT SANH TỬ:

Giải thoát sanh tử là sự tự giác chứng quả của bậc Thánh giả: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lại đời này nữa." Trí tự chứng Niết Bàn hiện đời. Đứng về mặt "Kiến pháp" thì từ nơi "Vô thường vô ngã" mà ngộ nhập mọi pháp, đều trở về với Tịch diệt, "Hiện giác," tức là hiện tiền thể nhận được "không có một mảy mai nào có thể dính mắc." Đó là sự giác chứng "Vô trước, vô lụy" (không dính mắc, không ràng buộc). Tức là Niết Bàn vô sanh (Xác chứng sanh tử bất khả đắc). Đứng về mặt "Ly dục" thì: "Chẳng phải chỉ ở trong hiện giác tính không như mặt trời sáng rỡ trên hư không, không có một chút bóng râm nào." Giả sử từ nơi đó mà quán sát trở lại tâm cảnh bình thường (ý thể tục), cũng tự giác (Cảm thấy) phiền não không khởi, điều này có thể thử nghiệm được, như Xá-lợi-phất nói: "Tôi tự nghĩ trong tâm tôi có ly dục không, vị Tỳ kheo ấy phải ở nơi cảnh giới hoặc là lấy tướng tịnh, tức là cố ý tưởng về sự thân ái của nam nữ, tâm vui thích về thanh sắc, nếu biết được tâm mình ở nơi kia xa lìa được, cứ thế xoáy sâu vào thì có thể tự ghi nhớ được rõ ràng: "Đối với ngũ dục, có công đức ly dục giải thoát" (Kinh 493 Tập A Hàm 18). Điều này chứng tỏ rằng phiền não của chính mình sạch hết, không thể nào còn có tư dục, tư kiến mà hành động nữa, tức là không thể nào còn có chiêu cảm nghiệp đời sau của sanh tử nữa. Như đèn sáng không còn chướng ngại thì không bao lâu sẽ tắt mất. Niết Bàn chứng đặc hiện tiền chẳng những là có thể xác chứng được giải thoát sanh tử vị lai mà đối với hiện tại lại có thể thực hiện được sự tự do của giải thoát. Đây là do thông đạt chân lý cứu cánh của nhân sinh: "Vô thường, vô ngã, vô sinh." Vị ấy biết rõ rằng tất cả vốn là rỗng lặng, tất cả xưa nay như thế mà tất nhiên là như thế. Như sự già, chết (tính vô thường). Tất nhiên phải đến, Phật cũng không có ngoại lệ, có gì phải buồn thương? Nghĩ tầm ấy đối với mọi pháp thì có thể giải thoát tất cả mọi khổ bức, bất cứ điều gì cũng không thể làm nhiều loạn tâm tình của bậc Thánh giả được. Tất cả sự khổ não vô hạn của nhân loại nếu quy nạp ra thì không ngoài hai thứ:

Tâm khổ: từ tâm mà có, tức là những gì liên hệ đến sinh lý như đói, lạnh v.v...

Tâm khổ: từ tâm mà có, như những lo buồn từ những được mất đối với sự vật bên ngoài, những cảm thương về sanh ly tử biệt, nhất là khi già chết đến rồi cảm thấy sự ảo diệt của chính mình, ăn năn về những tội ác đã làm, thống khổ về sự luyến tiếc gia đình, tài sản.

Hai thứ này tuy có ảnh hưởng lẫn nhau nhưng một bên nặng về sinh lý, một bên nặng về tâm lý.

Thân khổ thì ai ai cũng cùng cảm thấy, còn tâm khổ thì chẳng ai giống ai.

Xá-lợi-phất nói với trưởng giả Na-câu-la: Thân bị khổ nhưng tâm không có bị khổ (Kinh 107 Tập A Hàm, Q5). Điều này nói lên được yếu nghĩa tu theo pháp Phật mà được giải thoát. Sự huân tu Định Huệ của đệ tử Phật chỉ là đạt đến chỗ sáng sạch của tâm địa, rồi suốt được chân Huệ. Giả sử khi già chết đến, thân thống khổ đến bậc nào cũng vẫn sinh ra được tâm khổ ái luyến. Người được Huệ giải thoát thì sự đau khổ thân thể cũng giống như người thường nhưng nhờ sức định sâu mà thân khổ được giảm nhẹ hoặc không mảy may thấy khổ nữa. Tâm khổ là từ nơi trong sự chấp ngã và ngã sở mà khởi ra sự ưa thích bản thân dẫn đến các thứ tình cảm, bậc Thánh chứng được Vô ngã, liền có thể lìa ái dục mà tâm được tự tại giải thoát. Sự giải thoát từ sự tâm tịnh hóa là pháp môn căn bản nhất của pháp xuất thế gian, là vấn đề trọng yếu nhất của pháp xuất thế gian. Vì thế trong kinh thường nói khi tham dục hết gọi là tâm giải thoát. Ngài Xá-lợi-phất nói: "Bậc Đại sư chỉ nói pháp điều phục dục tham." (Kinh 108 Tập A Hàm, Q5) Dục tham tức là chiêu cảm thân tâm làm gốc của Tập Đế, đó là cội nguồn của sự khổ bức ở hiện tại, tham ái lại là cội nguồn lưu chuyển ở vị lai. Giải thoát tức là tự thân mình chứng đắc mà được giải thoát rốt ráo, đời sau không còn thọ sanh tử nữa. Hiện tại có thể lìa bỏ chấp tự ngã, giải thoát tự tại, từ trong hành vi tự tha và vui tạo thành sinh hoạt hợp lý của bậc Chánh Giác.

Niết Bàn:

Giải thoát sanh tử không phải là hiện đời không chết, không phải là sống mãi ở vị lai, mà là những khổ sanh tử ở vị lai không còn sanh khởi nữa, được tự tại trong những khổ bức của hiện đời. Đường thể giải thoát như thế tức là Niết Bàn. Niết Bàn có 2 thứ: Hữu dư và Vô dư khác nhau (theo Kinh A Hàm Hán dịch). Ý nghĩa của Niết Bàn là không còn trở lại nhân gian này nữa. Nhưng trong Kinh 957 (A Hàm, Q34) nói: "Chúng sanh ở chỗ này mạng chung nương theo ý sanh thân mà sanh ở chỗ khác. Đương khi ấy do nhơn nơi ái mà níu lấy, nhơn nơi ái mà trụ lại, cho nên nói hữu dư... Đức Thế Tôn được chứng Vô dư kia mà thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Phẩm Quả Diệt trong Tăng Nhất A Hàm cũng nói như thế này: Tỳ Kheo diệt hạ phần kiết sử tức là

được Niết Bàn kia, không còn trở lại đời này nữa. Đó gọi là cõi Hữu Dư Niết Bàn... Tỷ Kheo diệt hết hữu lậu thành vô lậu được ý giải thoát, trí chứng Huệ Giải Thoát mà tự vui lấy... Đó gọi là cõi Vô Dư Niết Bàn. Kinh Thiện Nhơn Trụ trong A Hàm nói: “Đối với người ít MAN - mạn chưa hết- năm phần kiết sử dưới đã dứt, lại chia làm 7 bậc Thiện Nhơn mà hiện đời rốt ráo không còn bị sanh tử nữa, gọi là Vô Dư Niết Bàn... Điều này có thể thấy Niết Bàn là không còn thọ sanh trở lại trong nhơn gian nữa. Bậc A Na Hàm, A-la-hán hay Phật — Phật cũng là A-la-hán — đều không trở lại nhơn gian cho nên đều gọi họ được Niết Bàn. Nhưng A Na Hàm còn có phiền não và sắc thân thừa dư, còn A La Hán mới là không còn dư.

Niết Bàn là sự tự chứng hiện đời, là sự giải thoát sanh tử ở thế gian của người tự giác, không luận là rốt ráo ở nhơn gian hoặc rốt ráo ở chỗ khác, hễ giải thoát rốt ráo sanh tử thì gọi là “Bát Niết Bàn.” Khi được Niết Bàn trừ ngoài “diệt hết các khổ” thì còn gì nữa? Cổ Đức có người nói rằng: “Còn có thân tâm”; có người nói có tâm mà không có thân. Nương theo Khế Kinh thì những lời đó chỉ là những hý luận của vọng tình mà thôi! (Kinh 905- Tập A Hàm Q32

nói: Đức Như Lai từ sắc (thọ, tưởng, hành, thức, động, lự, hư vọng, hữu vi, ái...) đã hết, tâm Thiện, Giải thoát sâu v.v... rộng lớn vô lượng, vô số, tịch diệt, Niết Bàn... Như Lai hoặc có, hoặc không; hoặc chẳng có chẳng không; hoặc chẳng phải có chẳng phải không. Sanh tử đời sau không thể ghi nhận được. Lại Kinh 962-Tập A Hàm Q34 nói: “Đã biết sắc đã dứt trừ; đã biết thọ, tưởng, hành, thức đã dứt trừ tận cội gốc như cây Ta-la bị đứt đầu không còn sống được, mãi đến đời vị lai không còn sinh khởi... Rất sâu, rất rộng, vô lượng vô số, dứt hẳn không còn: “Đoạn dứt hẳn tất cả kiến chấp, tất cả thọ, tất cả sanh, tất cả ngã, ngã sở, ngã mạn, kiết sử ràng buộc; vắng lặng, mát mẻ, chân thật. Giải thoát như thế ấy, sanh ra chẳng như thế, không sanh ra cũng chẳng như thế.” Đức Thế Tôn chỉ nói rõ “Niết Bàn là: những phiền não, nghiệp báo không sanh khởi” để người ta hình dung trạng thái “Sâu xa rộng lớn, vô lượng, vô số.” Mà trạng thái sâu xa, rộng lớn, vô lượng, vô số tức là “Pháp tánh không tịch” , vượt ra ngoài danh tướng, số lượng. Như Kinh 962-Tập A Hàm Q34 nói: “Như Pháp luật của Như Lai thì không nhánh, không cành lá, chỉ còn lại thân gỗ chắc chắn.” Trong phần biệt dịch nói: “Củ Đam cũng như thế, đã dứt trừ tất cả phiền não trói buộc, bốn đào tà hoặc đều dứt hết, chỉ còn lại Chân Pháp Thân bền chắc. Thân tâm ảo hóa dứt hẳn



HT. THÍCH MINH CẢNH
(1937—2018)

ruồi, chỉ là Tánh không, chỉ là Pháp thân, đó tức là Niết Bàn. Loài Hữu tình sở dĩ cá thể nối tiếp nhau mãi cho nên khổ sở vô hạn, đó chỉ là các hành mê tình làm gốc, mắc kẹt trong ngã chấp, trong trụ trước mà hình thành sinh mạng cá thể hòa hợp tiếp nối. Vì thế mà năm uẩn bùng dậy, chết sống mãi không thôi. Nếu như phá được ngã, trừ bỏ ái tức là cắt đứt được sợi dây trói buộc, ngũ uẩn trước diệt, mà ngũ uẩn sau không sanh khởi. Tức chỉ là một Pháp tánh mà không thể gọi là cái gì cả. Như nước trong biển lớn do lạnh quá mức mà đóng thành băng. Cá thể của khối băng trở ngại với nước biển, nếu như trời nóng băng tan thì đó chỉ là nước biển hoàn toàn, lại không có thể hình dung ra được cá tánh của khối băng là thế nào, ở đâu. Cũng như thế, như tướng tượng thân tâm trong Niết Bàn là như thế nào. Có người cho là đem tiểu ngã hòa tan trong đại ngã, mong muốn siêu việt cá thể không thể nghĩ bàn. Thực tại chỉ là suy xét theo vọng tình mà thôi. Cho nên từ hữu tình hướng đến Niết Bàn có thể nói là “đây diệt nên kia diệt” hoặc là như chặt đứt đầu cây Ta la, không còn sống lại được. Như bàn thẳng về Niết Bàn thì không thể nói là có thể tướng tượng là sanh, vì nó vượt ngoài danh tướng số lượng, không thể biểu thị được. Cho nên Diêm Ma Ca cho

là Đức Thế Tôn nói: “Vị A La Hán lậu tận khi thân hoại mạng chung không có gì cả.” Bị bài xích cho là tà kiến. Thử hỏi: “Đức Như Lai thấy pháp: “chơn thật như,” trụ nơi vô sở đắc làm sao có thể chỉ bày được” (Kinh 104 Tập A Hàm Q5). Như thế làm sao có thể tướng tượng được là không có gì ư? Kinh Quán Sự-Q3 cũng nói rất rõ ràng: “Hoàn toàn vắng lặng, rốt ráo mát mẻ, ẩn mật không hiện, chỉ vì thanh tịnh, không có thể hý luận?” Thực thể thanh tịnh không lý luận đó chẳng phải không, chẳng phải có mà chỉ có thể nói là chẳng thể chỉ bày trọn vẹn Niết Bàn là như thế nào.

B. CHÁNH GIÁC CỦA PHẬT:

Sự đặc thù của Chánh Giác và Giải Thoát:

Phật là người chứng được quả vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tức Vô Thượng Chánh Giác. Tính phổ biến tính cứu cánh của Chánh Giác siêu việt hơn các hàng Thanh Văn đệ tử, cho nên từ Phật Đà là sự Chánh Giác được lập lại một lần nữa. Người học Phật cũng không nói là phát tâm xuất ly mà nói là Phát tâm Bồ Đề. Từ Thanh Văn là chỉ người nghe tiếng (thanh) mà được giải thoát. Còn Phật thì “trước đó chưa nghe Pháp, nhưng có thể tự giác, tự tri, hiện Pháp Thân Trí, biết Pháp Thân hiện tại được Tam Bồ Đề (Chánh Giác)” (Kinh 684 Tập A Hàm Q26). Chánh

Giác của Phật là triển khai hoàn toàn rất ráo tron vẹn, vô tham, vô sân, vô si. Còn Chánh Giác của hàng Thanh Văn đệ tử thì chỉ ở một phần nào đó của vô tham, vô sân, vô si mà thôi. Chánh Giác của Phật và Thanh Văn có thể nói là có trình độ khác nhau. Chánh Giác của Phật là tâm ở trong trí tuệ hàm chứa cả vô tham, vô sân, vô si. Từ trong sinh hoạt, thân tâm tịnh hóa, mình người hòa vui mà được rất ráo tự tại. Như từ trong vô ngại của trí tuệ mà nói thì việc chứng Pháp tánh không của Vô lậu huệ cùng với Thanh Văn không có khác, đến rất ráo không thì không có điều gì khác nhau cả. Nếu có thể thực hiện "Trí Chứng Không Như" tức chuyển phàm thành Thánh, chuyển mê thành ngộ. Tam thừa Thánh nhân đồng tánh, không phải là thần, chỉ là người tự do dùng "Trí Chứng Không Tịch" mà ly dục giải thoát. Chẳng qua là từ bị không hại người mà thiên về mặt tiêu cực đó là Thanh Văn; còn trọng về mặt tích cực cứu hộ người khác tức là tu theo hạnh Bồ Tát mà thành Phật. Trong Tam Thừa, Phật là một bậc Thánh Nhân, giải thoát giống như các vị khác nhưng lại biểu lộ sự vĩ đại. Ở loài hữu tình thì thân tâm nương nhau, cũng là tự tha thành tựu lẫn nhau. Cho nên Chánh giác của Phật chẳng phải chỉ khế hợp với tánh không của duyên khởi mà còn thấu đạt được sự huyền hữu của duyên khởi nữa. Ngài còn phát huy đức hạnh Từ Bi lợi tha., không giống như là hạnh Vô tránh tiêu cực của hàng Thanh Văn. Vô thượng Chánh kiến giác của Phật ở nhân gian từ trong Chân tục vô ngại, Bi-Trí tương ứng mà phân biệt khác với hàng Thanh Văn.

Luận về giải thoát thì Phật và đệ tử Thanh Văn bình đẳng như nhau. Như trong Kinh Cù Mật Mục-kiến-liên ở Trung A Hàm nói: "Như Vô sở trước Đẳng chánh giác giải thoát của Như Lai cùng với Huệ giải thoát của A-la-hán, hai thứ giải thoát này không có khác nhau, cũng không có hơn kém. Bình đẳng của Giải thoát là sự Giải thoát căn cứ nơi sự chiêu cảm phiền não sanh tử và sanh tử mà nói. Như luận về tập khí của phiền não thì hai bên không giống nhau. Như ngài Xá-lợi-phất có thói quen hay giận, Tất-lăng-già-bà-ta có thói quen kêu mạn; đó là những cái thói quen của phiền não chấy chứa lâu ngày mà thành. Tuy nhiên, tâm địa thanh tịnh không có phiền não nữa, lại còn trong vô ý biểu lộ ra ở thân, khẩu, ý. Sự thanh tịnh giải thoát của Thanh Văn lại không thể sửa đổi những thói quen tốt để những dư tập trở thành tánh quen (tập quán). Thói quen này tuy không có quan hệ với sanh tử nhưng nó hoàn toàn là dư tập của phiền não, có sự trở ngại đến thanh tịnh rất ráo. Người xưa có một ví dụ: Hàng Thanh Văn gấp lo cho chính mình dứt trừ phiền não mà không dứt trừ tập khí. Cũng giống như khi cùm chân phạm nhân tự nhiên được mở ra, hai chân dù được tự

do mà chưa đứng, hãy còn lỏng lỏng (không thoải mái). Bồ Tát tu hành trong 3 đại A-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian đó tập khí được tiêu trừ dần, đến khi thành Phật thì phiền não và tập khí hoàn toàn dứt hẳn. Cũng như phạm nhân bị cùm chân, trước đã có cách khiến cho họ đã cắt bước đi được, tới chừng mở cùm ra, được tự do, hai chân không có chút cảm giác lỏng lỏng nào. Sự giải thoát này tuy đồng mà chẳng đồng. Đó là do hàng Thanh Văn gấp lo cho mình, còn Bồ Tát chú trọng lo cho người.

C. TÍNH TƯƠNG ĐỐI VÀ TUYỆT ĐỐI:

Đức Phật hiện thực ở nhân gian - như Phật Thích Ca Mâu Ni - khuyếch trương, quảng bá vô tham, vô sân, vô si. Đề cao sự tôn trọng chân lý, tôn trọng chính mình, tôn trọng thế gian mà hoàn thành đức hạnh ở mỗi thời đại. Nói như thế có nghĩa là trên tính đồng nhất của bậc Thánh giả Chánh giác còn có tính chân tục vô ngại, tính Bi-Trí tương ứng. Đạt đến địa vị ấy tức là Phật. Ở trong "Chánh giác Trí chứng Không tịch" không có kia đây sai khác, hoàn toàn triệt để, phát triển ba đức bình đẳng, hoàn toàn thánh thiện. Quả vị Chánh giác căn cứ hoàn toàn triệt để nơi Thánh thiện ấy, thích hợp với đương thời, đương địa, đương cơ. Bất cứ nơi đâu sự tốt đẹp cũng đều viên mãn. Đại thừa Phật Giáo nói: "Bồ Tát khi mới chứng được vô sanh pháp nhẫn, dù tương ứng với Từ-Bi, nhưng nói theo "Trí chứng tánh không" thì bình đẳng với Thanh Văn, tức có thể gọi là thành bậc Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức có thể thành Phật. Quả vị Phật rất ráo viên mãn không ngoài việc tịnh hóa nhân tính, phát triển đức năng con người mà đạt đến chỗ hoàn thiện nhất. Đó mới chính là quả Phật do cá nhân thành tựu. Phật thực hiện quả Phật ngay nơi nhân gian. Theo quan niệm của Đại thừa thì người đạt đến quả vị Phật không có điều nào chẳng biết, không việc nào chẳng làm được, ở cùng khắp tất cả, tuyệt đối không hạn lượng. Đức Phật hiện thực ở nhân gian, ít nhiều có thể khảo chứng điều đó. Đức Phật do nhiều kiếp tu hành có trí tuệ thế tục rộng lớn, có trí thẳng nghĩa tự phát, nhưng những việc không chỗ nào chẳng biết, không việc nào không làm được, ở cùng khắp tất cả, thật khó mà chứng minh được ở Đức Phật hiện thực. Trái lại, nếu được "không có điều gì chẳng biết," "không có việc nào chẳng làm được," ở cùng khắp tất cả, Phật cũng quyết không vì thế mà tự xưng là Phật Đà. Người trong thế gian, chỉ cần hiện thực tồn tại tức duyên khởi tồn tại. Duyên khởi có đặc tính tương đối không thể nào ở khắp tất cả, việc nào cũng làm được, điều nào cũng biết. Quan niệm về Đức Phật phát triển như thế, là vì Phật pháp phổ cập đến nhân gian, quan niệm đó bắt nguồn từ nơi tình cảm sùng kính của Tín đồ quy y theo Phật mà



phát triển ra. Từ khi Đức Thế Tôn nhập diệt, do sự diễn biến của không gian và thời gian, ý muốn của Tín chúng về tri thức, năng lực tồn tại phải vô hạn lượng. Đức Phật hiện thực không thể thích hợp với người nhân gian đương thời, vì thế, người ta mới tưởng tượng ra Đức Phật là không điều gì chẳng biết, không việc nào chẳng làm được, ở khắp mọi nơi và ở bất cứ thời đại hoàn cảnh nào, Tín chúng nào cũng không thể vượt qua Ngài được. Họ suy tôn Ngài là bậc viên mãn nhất, tuyệt đối nhất. Đó là Đức Phật lý tưởng, là khách quan hóa bản chất tự ngã. Các Tôn Giáo ảo tưởng cho đây là vị thần ngoại tại, còn Phật tử có cái nhìn đúng đắn thì biết đó là Đức Phật tự tâm, đó là khách quan hóa về ý muốn bản chất của tự ngã. Chúng ta biết rằng thành Phật là Trí chứng - tức là tánh không tịch của Tam pháp ấn. Nó không có tính kia đây (đối đãi) mà có thể nói là tuyệt đối, triệt để, chơn tục không ngăn ngại, Bi - Trí tương ứng. Đạt đến mức đó tức là Phật Đà. Tri thức, năng lực, tồn tại, tất cả duyên khởi vĩnh viễn là tương đối. Đó chẳng phải là sự thiếu sót của Đức Phật nhân gian mà đó mới là khế hợp với chân lý. Tuy nói là tương đối, nhưng không luận là Đức Phật xuất hiện ở thời đại nào, địa phương nào thì tri thức năng lực tồn tại của Ngài chắc chắn là thích ứng mọi trường hợp và đạt đến chỗ trọn vẹn nhất. Tính tuyệt đối của Đức Phật chính là hoàn thành ở trong tính tương đối.

(Suối Nguồn số 17)

NGÀI NGÔI ĐÓ

*Ngài ngôi đó trong nắng mưa sương gió
Thương chúng sanh trầm mịch với âu lo
Vẫn tịch mịch trong bể dâu biến động
Mà tâm vô cùng cao rộng mênh mông*

*Ngài ngôi đó thì thâm bao hoa lá
Miệng mỉm cười nghe muôn tiếng chim ca
Vui bình minh trong ánh nắng chan hoà
Và an nhiên trong xế tà bóng ngả*

*Ngài ngôi đó tháng năm dài chẳng đợi
Đến hay đi thấu rõ lý trong đời
Bầu trời xanh mây trắng mãi rong chơi
Đây phút giây sống thành thoi lạc trú*

*Ngài ngôi đó trăng đêm bàng bạc lăm
Ngọc lưu ly thanh tịnh tợ thân tâm
Trong lặng lẽ sấm động sư tử hồng
Một vàng dương tinh thức tự phương Đông*

*Ngài ngôi đó không gian vô cùng tận
Đã bao đời mà vẫn mãi thanh tân
Vĩ đại sao nhưng lại rất thật gần
Đáng trí huệ cả thiên nhân quy ngưỡng*

*Ngài ngôi đó pho tượng giữa vườn hoa
Bóng bao la cả vũ trụ sơn hà
Ánh sáng soi khắp ba ngàn thế giới
Đêm tàn canh phới phới ánh trăng rơi.*

thơ

ĐỒNG THIÊN

Ất Lã thành, 10/2018

PHƯƠNG TÂY SÁNG RỰC MỘT GÓC TRỜI

Ngày Về Nguồn Lần thứ 11

Điều Ngự Tử Tín Nghĩa

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Năm nay 2018, chùa Khánh Anh và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đã đứng ra tổ chức Ngày Về Nguồn năm thứ 11 và Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư. Âu châu tổ chức Ngày Về Nguồn bốn lần, nhưng có tầm cỡ (theo bản thân chúng tôi nhận xét) là:

- Ngày Về Nguồn lần thứ sáu, chùa Thiện Minh - Lyon, do Hòa thượng Thích Tánh Thiệt đương kim viện chủ đảm trách lo liệu; Cái lực để thành tựu vẫn là chư Tôn đức Giáo phẩm và đại khối Phật tử đã từng theo các khóa học Giáo lý của Giáo hội Âu Châu, đứng đầu vẫn là Hòa thượng Thích Minh Tâm, Chủ tịch Điều hành Giáo hội cùng chung lưng đấu cật với Hòa thượng Tánh Thiệt để có được kết quả mỹ mãn như chúng ta đã thấy qua hình ảnh, báo chí và kỷ yếu,... (xin đón đọc tập kỷ yếu này thì rõ hơn).

- Ngày Về Nguồn lần thứ 9 (2015): Đây là Ngày Về Nguồn lịch sử nhất trong tất cả các lần trước. Vì: Trong Đại lễ này có những lễ chính lớn:

- a.- Đại lễ Ngày Về Nguồn,
- b.- Đại lễ Hiệp kỳ Lịch Đại Tổ sư,
- c.- Đại lễ Cắt băng Khánh thành ngôi Đại tự và Đại tường cổ Hòa thượng Khai sơn Thích Minh Tâm,
- d.- Đại lễ Đại giới đàn Khánh Anh,
- e.- Đại lễ Thủ nguyện Chấn tế Bạt độ Cô hồn.

Điều chúng ta lưu tâm ở đây: Chư Tôn đức Tăng ni bốn phương quy tụ về cùng chung Phật sự; ngày mai là ngày trọng đại cho những lễ chính như đã nêu trên, mà tối hôm nay tất cả những ngổn ngang nào là làm cho xong những bậc thêm từng cấp của ngôi chùa từ chánh điện đến Tăng phòng, nào là thu xếp một nơi nhộp nhúa còn bề bộn khắp cả sân chùa, biến thành những lối đi đầy hoa lá, những tấm thảm đỏ lót ngăn nắp dành cho lễ cung nghinh lễ chính thức được trọn vẹn... Đó là cũng nhờ những khéo léo hướng dẫn của Hòa thượng Tánh Thiệt và một lớp Phật tử từ Canada và Âu châu chung lòng chung sức suốt tuần, người trộn hồ, kẻ lát gạch; một số thì thu dọn





những đồ phế thải... Kính nguyện hồi hướng công đức vô lượng vô biên này lên Tam Bảo chúng tri.

- Ngày Về Nguồn lần thứ 11 - 2018, do chùa Khánh Anh - Paris, và chính Hòa thượng Tánh Thiết đương kim Chủ tịch Điều hành Giáo hội làm Trưởng ban, Thượng tọa Trú trì Thích Quảng Đạo làm Phó trưởng ban đảm trách phần lớn, nhưng dưới sự hỗ trợ đặc lực của quý Thành viên trong Hội đồng Điều hành Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu; điển hình là: Hòa thượng Như Điển, Phương trưởng chùa Viên Giác, Hòa thượng Minh Giác, Hòa thượng Quảng Hiền, Thượng tọa Nguyên Lộc, Thượng tọa Hoảng Khai, Thượng tọa Tâm Huệ, Thượng tọa Thông Trí, Ni sư Diệu Trăm và một số lớn Tăng ni và Phật tử Âu Châu, chúng tôi không thể nhớ biết hết (*Xin hoan hỷ*).

- Một điều chúng ta cần ghi nhận nơi đây là: Trong lúc dầu sôi lửa bỏng của Giáo chỉ Số 9, mặc dầu nó đè nặng nhất là ở Hoa Kỳ, nhưng vẫn âm ỉ lan rộng đến trời Âu cũng như Úc và Canada. Phải thành thật mà nói: Hòa thượng Như Điển bên trong chứa đựng cái hùng tâm dũng chí, cho dù phong ba bão táp nhưng vẫn kiên cường đứng ra nhận lãnh để tổ chức cho được Ngày Về Nguồn V ở Đức quốc.

Nhận định Ngày Về Nguồn từ lần thứ nhất cho đến lần thứ 11 này, mỗi một lần tổ chức nó được tùy thuộc với những bối cảnh và cuộc điện rất khác nhau; tuy nhiên, nhìn vào tổng thể

chung thì bố cục rất hoàn thiện đầy nét đạo tình và đạo vị. Hầu hết chư Tôn đức đều cùng chung một tâm niệm là về với nhau để biết về nhau hơn trong tình đời nghĩa đạo. Về với nhau với chiếc choàng y mà mỗi vị dù Tăng hay Ni như chúng ta đã hơn một lần thành tâm phát nguyện vãng giữ kể từ khi quỳ xuống trước chánh điện được bốn sư đưa dao cạo bỏ mái tóc của trần thế, để từ đó đi vào nếp sống nghịch lưu với chiếc áo đơn sơ giải thoát; để rồi cùng nhau ngồi xuống trong những lần trao đổi "Ôn cố tri tân" của chư vị Lịch đại Tổ sư.

Những vị được chư Tôn Đức công cử nhận vai trò tổ chức cho Ngày Về Nguồn là muốn làm thế nào cho Đại chúng đều hoan hỷ như nhau, không thể lấy hình ảnh đã tổ chức của mình mà bao phủ rập khuôn cho những lần tổ chức sắp tới; cho nên phải tùy thuộc theo hoàn cảnh, tùy theo quốc độ, tức là phải tùy duyên vậy. Ý thức được tầm cỡ quan trọng như thế thì bất cứ Ngày Về Nguồn được trang trọng tổ chức bất cứ ở quốc độ nào thì chính bản thân mình cũng phải dẫn thân, cũng phải tùy duyên, đừng ngại hà là không giống như thế này, như thế nọ rồi để lẫn tránh vắng mặt tìm một lý do nào đó gần như thiếu chính đáng, hoặc có một tâm niệm hẹp hòi rằng không giống ý mình là không tham dự... Có ý nghĩ như vậy tức là không tùy duyên, không hòa đồng làm sao đứng trước chánh điện để thuyết giảng cho chúng đệ tử, cho học chúng nghe được.



Làm sao thể hiện được tinh thần tập thể Tăng Ni Hải Ngoại khi mang tâm nguyện xa xứ để hành xử của một vị Sư giả Như lai ? Làm sao để có được:

... "Kiến pháp tràng ư xứ xứ, phá nghi võng ư trùng trùng,..."

Và để rồi, làm sao mà:

... "Hàng phục chúng ma, thiêu long Thánh chúng,..."

Thật sự mà nói, một vị Tăng dù có tài ba, đức độ đến mấy chẳng nữa mà không có Giáo hội và tập thể Tăng già lưỡng bộ ủng hộ thì cũng khó mà thành tựu và dù cho nhân danh cái gì đi chăng nữa để vận động được tập thể Tăng già tề tựu cùng chung lo đại Phật sự với mình, thì đó chỉ là điều không tưởng; cho nên sự thành tựu nào của Ngày Về Nguồn đều do Đại Tăng hộ niệm mà đặc biệt là Giáo hội địa phương của vị Trưởng ban ấy.

Trở lại Ngày Về Nguồn lần thứ 11 và Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư cũng có những điều rất thú vị của chương trình. Tuy thế cũng có những man mác buồn vì đã trống vắng các bậc lãnh đạo Giáo hội các châu như: Cổ Hòa thượng Hạnh Đạo, Hòa thượng Trí Chơn, Hòa thượng Nguyên Lai, Hòa thượng Như Huệ và Hòa thượng Minh Tâm,... Và, một số chư Tôn đức tuy còn tại thế không biết vì tuổi già sức yếu, vì công tác Phật sự hay vì một vài duyên sự nào đó mà không thân lâm tham dự ?

Ngày Về Nguồn lần thứ 11 này chư Tôn đức vào khoảng 146 vị. Chi tiết được Hòa thượng Thích Nguyên Siêu, đương kim Tổng thư ký Hội đồng Điều hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, đại diện cho ngày đại lễ đã trình bày.

Đặc biệt lần này, chư Tôn Đức từ các châu lục, ngoại trừ Việt Nam là không có cờ từ trong nước. Ngoài ra, đơn vị của Giáo hội nào sinh hoạt thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu cũng có cờ của địa phương; nhiều nhất là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Một buổi chiều không nóng không lạnh của xứ Paris nhộn nhịp, sau khi hoàn tất chương trình Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư và cúng dường Trai Tăng xong; toàn thể Tăng ni Tín đồ trong ngày đại lễ này được năm chiếc xe bus mà Ban Tổ Chức đã thuê sẵn đưa đón tất cả về địa điểm cầu nguyện cho Đất Nước Việt Nam sớm qua cơn thống khổ, ách nạn; nhất là không bị xâm chiếm bởi phương Bắc của nước ta. Lãnh thổ và lãnh hải được nguyên vẹn do cha ông ta đã dày công dựng xây, đặc biệt là ba đặc khu kinh tế mới xảy ra gần đây.

Đoàn xe từ từ tiến về Thủ đô Ba Lê, công trường mang tên Tự Do (*Palais Du Trocadéro*).

Chư Tăng các châu lục tề tựu đầy đủ, chỉ còn quý thầy rất ít ở lại chùa để cúng Thí thực Cô hồn, thù nguyện hồi hướng cho những ngày Đại lễ vừa hoàn tất.

Tập trung tại công trường thì đã có sẵn một vài nước cũng phản đối sự nguy trang xâm



chiếm của phương Bắc như các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Miến Điện, Tây Tạng,... Ban Tổ chức lo liệu rất chu toàn nào là bàn Phật đầy đủ nghi tiết trang nghiêm. Phía sau bàn Phật là một biểu ngữ lớn của Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu của Giáo hội, hai bên là bốn biểu ngữ của bốn giáo hội Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi và Tân Lan, Âu châu và Canada.

Một rừng cờ Việt Nam Cộng Hòa cộng với cờ Hoa Kỳ, cờ Canada, cờ Úc Đại Lợi, cờ Tân Tây Lan và tất cả cờ của các quốc gia thuộc Giáo hội Âu châu.

Sau nghi thức cầu nguyện, mặc dầu những ngày sinh hoạt tại Khánh Anh mỗi lần hành lễ đều đã có cầu nguyện; Hòa thượng Thông Hải làm MC giới thiệu chương trình, những vị có trách nhiệm đại diện nói lên tâm nguyện chung. Mở đầu bằng Việt ngữ, Hòa thượng Bảo Lạc, kế đến một vị dịch lại bằng Anh ngữ, rồi một vị bằng Pháp ngữ; rồi những vị đại diện của hai nước Tây Tạng và Miến Điện cũng tụng kinh theo tiếng của họ và họ cũng phát biểu bằng Anh ngữ hay Pháp ngữ.

Có lẽ đây là Ngày Về Nguồn lịch sử, không thể tổ chức ở đâu được ngoại trừ Pháp quốc. Và, có thể nói Mười lần Ngày Về Nguồn trước đây tuy thật trang nghiêm, đầy đạo vị, đầy hiếu sự nhưng không thể nổi bật như lần này.

Sở dĩ có đầy đủ đủ kiện như thế này, một phần là ba chúng tôi Bảo Lạc, Tánh Thiệt và Tín Nghĩa đã liên lạc nhau rất chặt chẽ qua điện thoại viễn liên giữa Úc, Pháp, Hoa Kỳ về hình thức tạo biểu ngữ và khuyến khích quý tham dự viên (*quý thầy*), khi đi dự hội nhớ mang theo cờ địa phương, nơi mình sinh hoạt. Nhưng công đức lớn vẫn là Hòa thượng Tánh Thiệt, vì ngài đã trực tiếp hồi thúc các đơn vị địa phương phải cố gắng hết mình, nhờ thế mà Một Rừng Cờ đầy đủ sắc cờ.

Sau những nghi thức thông thường, chúng tôi hướng dẫn chư Tăng Ni và Phật tử sắp thành hàng hai, tay cầm cờ tùy theo quốc độ đi tuần hành quanh sân Tự Do ba vòng để cầu nguyện thật nhip nhàng.

Với niềm vui như còn mãi trong lòng, chúng tôi đã đặt cho một cái tên thật dễ thương: Ngày Về Nguồn Lần thứ 11: Phương Tây Rực Sáng Một Góc Trời.

Quý thu Mậu tuất - Oct. 10, 2018

CÂU CHUYỆN NGƯỜI KALAMA

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Phải nghi trước, rồi gỡ được nỗi nghi xong, bấy giờ tin tưởng mới chắc thật. Đó là chuyện của người tộc họ Kalama ở thành phố Kesaputta thời hơn 2,500 năm về trước. Thực tế, thời nào cũng có người Kalama, chứ không phải chỉ trong thời xa xưa. Có thể đoán rằng, những người mang dòng máu Kalama mạnh nhất, hẳn là các nhà khoa học – thí dụ, như các nhà vật lý thiên tài Albert Einstein, Stephen Hawking... Chớ hòng ai thuyết phục họ tin cái gì không thuận lý.

Đức Phật cũng đã dạy người Kalama qua Kinh Kalama Sutta (AN 3.65), bản dịch của HT Thích Minh Châu viết, trích:

"Này các Kalama, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng này các Kalama, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không đáng chê; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kalama, hãy tự đạt đến và an trú!"

Nhà vật lý lý thuyết Albert Einstein (1879 -1955) từ khi chưa nổi tiếng đã nghi ngờ lý thuyết của Isaac Newton, và rồi khi Einstein tự tính toán ra các công thức về lý thuyết tương đối, cũng tự nghi ngờ rằng có thể các bài toán của ông tính sai. Nhưng rồi, thế giới khoa học công nhận lý thuyết tương đối, và trao cho Einstein Giải Nobel Vật Lý 1921.

Điều chúng ta muốn nói nơi đây rằng, Einstein sinh trong gia đình truyền thống Đạo Do Thái Ashkenazi Jews, rồi cậu Einstein học ba năm bậc tiểu học ở một trường Công Giáo tại Munich.

Nhưng rồi, sau nhiều thập niên suy nghĩ với các lý thuyết khoa học, Einstein nói rằng

không hề có Thượng Đế sáng tạo nào cả.

Mới tuần trước, có bản tin ghi rằng một lá thư viết tay của Albert Einstein sẽ bán đấu giá ngày 4 tháng 12/2018 tại công ty đấu giá Christie's ở New York City. Thư này viết một năm trước khi Einstein từ trần năm 1955, dự kiến bán ra được giá từ 1 triệu tới 1.5 triệu đôla.

Einstein viết tay lá thư này, trong tháng 1/1954, gửi triết gia về tôn giáo học Erik Gutkind sau khi đọc nhiều sách của Gutkind về Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo. Thư viết bằng tiếng Đức, trước tiên là ca ngợi Gutkind đã có chung một nỗ lực muốn làm tốt đẹp cho cõi nhân sinh, và rồi viết:

"Chữ God (Thượng Đế) với tôi không có nghĩa là gì cả, chỉ duy là một bày tỏ và là sản phẩm của sự yếu đuối của nhân loại, còn Bible (Kinh Thánh) là một tuyển tập các huyền thoại đáng kính nhưng khá là sơ khai."

Cũng trong thư này, Einstein nói về huyết thống Do Thái của ông, chất vấn câu chuyện [trong Kinh Thánh] rằng Do Thái là "dân tộc được chọn."

Nơi đây, chúng ta không có ý làm tổn thương những người có niềm tin như Gutkind, cũng không bàn chuyện Einstein dựa vào công thức toán nào, đúng hay sai, để đưa ra kết luận như thế -- chỉ muốn nói rằng Einstein là một người Kalama tuyệt vời.

Một người Kalama nổi tiếng khác: nhà khoa học Anh quốc Stephen Hawking (1942 - 2018), từ thời thơ ấu đã được gọi là cậu bé Einstein. Thời trung học vào trường St Albans School, nơi đây chơi với một nhóm bạn và rồi tình thân này kéo dài trong đời, để rồi thường xuyên gặp nhau để chơi cờ, và có những cuộc thảo luận dài về Thiên Chúa Giáo và lĩnh vực ngoại cảm.

Cả Einstein và Hawking đều được gọi là những nhà vật lý lý thuyết thông minh nhất trong thế hệ của riêng họ, và đều là những người khai sáng các chân trời mới cho khoa học nhân loại.

Mới hôm Thứ Ba 16/10/2018, báo chí loan

tin rằng Hawking lên tiếng từ năm mờ: tác phẩm "Brief Answers to the Big Questions" gồm các bài ông viết trong vài tháng cuối đời, mới phát hành, ghi rằng: "**Không có Thượng Đế. Không ai chỉ huy vũ trụ này hết.**"

Hawking cũng là một người Kalama tuyệt vời. Và rất là tế nhị, không nở làm nhiều người bạn trong đời buồn: sau khi ông từ trần, mới cho in sách nói rằng chẳng có Thượng Đế sáng tạo nào cả.

Xin nhắc lại, bài viết này cũng không có ý tranh cãi gì khác, chỉ thuần thông tin thôi.

Còn một nhà khoa học khác hình như cũng có tiền thân là người Kalama: ông này tên là Lal Ariyaratna Pinnaduwege, từng là Khoa học gia cao cấp ở phòng thí nghiệm Oak Ridge National Laboratory và là giáo sư về nghiên cứu ở đại học University of Tennessee. Ông tâm sự rằng, ông sinh ra đã là Phật Tử (vì là người Sri Lanka) nhưng không tu tập gì, chỉ tới khi về hưu năm 2009 mới nghiên cứu trở lại Phật giáo.

Nơi đây, chúng ta không có ý nói rằng Pinnaduwege là một người Kalama tuyệt vời, vì ông dụng chạm khá nhiều, ngay cả trong Phật giáo. Ông lập trang web có tên là **Pure Dhamma**, nói rằng ông đọc hết các Tạng Kinh và kết luận rằng Phật pháp thuần túy là phải trước tiên loại trừ Đại Thừa, Kim Cang Thừa (PG Tây Tạng) và Thiền Tông.

Như thế, ông giáo về hưu này dụng chạm quá nhiều. Trước tiên là với bản thân tôi, người tu học cả ba truyền thống trên (theo học pháp từ Chùa Tây Tạng Bình Dương, với pháp phái Lâm Tế). Cũng không tranh cãi nơi đây làm chi, chỉ ghi để biết rằng, người Kalama trong cõi này rất nhiều, và chúng ta mỗi người đều phải tự tìm kiếm.

Ông giáo Pinnaduwege viết rằng ông đọc nhiều bản văn nhà Phật bằng tiếng Sinhala (ngôn ngữ của Sri Lanka) nhưng các bản văn này chưa ai dịch ra tiếng Pali hay Anh văn. Ông nói rằng, theo nghiên cứu của ông, nhiều luận thư cũng phải gạt bỏ ra, vì không phải Phật pháp thuần túy (ý muốn nói là tinh rỗng, không xen tạp) – trong đó phải gạt bỏ cả Thanh Tịnh Đạo Luận (Visuddhimagga) của ngài Buddhaghosa vì có pha tư tưởng Vệ Đà.

Tôi cũng không có ý tranh cãi với ông giáo Sri Lanka đó làm chi, vì chắc chắn rằng vị cư sĩ đó đọc quá nhiều (hiển nhiên, tôi không biết đọc các bản văn viết bằng ngôn ngữ Sinhala). Nơi đây, chỉ muốn nói rằng có rất nhiều người Kalama trong cõi này. Kể cả, trong số đó, cư sĩ Pinnaduwege không nổi tiếng như Einstein và Hawking.

Tới đây, xin nói sang chuyện mình. Bản thân tôi chỉ là người cư sĩ bình thường, không phải nhà vật lý lý thuyết, cũng không phải luận sư hay pháp sư hay bất cứ những gì đáng kính trong cõi này. Nhưng có bạn đọc chất vấn rằng sao tôi có vẻ như người Kalama.

Câu chuyện là như thế này: tôi không hoàn toàn tin vào luận thư, dù là tiếng Pali. Tôi tin vào kinh hơn, tuy rằng cũng có kinh pha

tạp. Lập trường này không xa lạ gì, vì thời xa xưa đã có quý ngài Sautrantikas không tin các bộ A Tỳ Đàm (Abhidhamma) vì cho là hậu tác. Sautrantikas còn gọi là Kinh lượng bộ, chỉ đặt nền tảng trên Kinh tạng, và đưa ra các luận cứ phản bác Luận tạng.

Nhìn lại, các luận thư vẫn có lợi, có nhiều chỗ phù hợp và làm sáng tỏ ý kinh, nhưng cũng có nhiều chỗ đi quá đà, nói những điểm không hề có trong kinh, nghĩa là đưa ra những ý

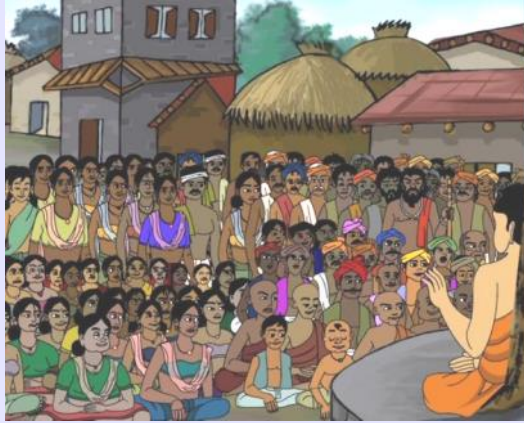
Đức Phật không hề nói.

Nhiều học giả nêu ra ý này: Đức Phật không hề nói gì về 17 khoảnh khắc của tâm (17 thought moments), trong khi Luận thư nói rằng một niệm (a single thought process) gồm 17 khoảnh khắc của tâm trải dài qua ba giai đoạn sinh khởi, trụ và diệt.

Một số học giả cũng nêu nghi vấn về chuyện nói rằng nghiệp người phụ nữ xấu tệ hại y hệt như người có nam căn bất toàn, người bị hoạn và người chuyển giới – trong khi Đức Phật trong kinh lại nói về tất cả những ai mang thân người đều là đại cơ duyên, đặc biệt nói về người phụ nữ rất đằm thắm, rất trân trọng, khi trả lời ngài A Nan rằng khi gặp phụ nữ (nếu có khởi dị tâm) thì nên xem họ như mẹ, như chị của mình...

Tôi cũng ngờ vực (nhưng không chứng minh được) rằng Kinh Pháp Hoa phải do một vị Thánh Ni viết, không phải chuyện nữ quyền đời thường, nhưng hẳn là để nói lại cho đúng ý Đức Phật mà xã hội trọng nam thời kỳ đó đã làm biến dạng ý kinh.

Có người nói rằng Luận thư là do các bậc đại tăng kết tập. Đúng vậy. Nên nghi vấn rằng, thử giả thuyết, nếu để cho các đại tăng Thái Lan thời nay kết tập kinh điển, hẳn là quý ngài sẽ cấm vĩnh viễn thành lập Ni đoàn. Chuyện này đã là một nan đề trong Vesak 2014 tại Việt Nam, khi ngài Ajahn Brahm (một trưởng lão ở Úc châu) được GHPGVN mời đọc bài diễn văn trong Vesak vào tháng 5/2014, nhưng rồi vì áp lực các đại tăng Thái Lan, nên giờ chót không cho ngài Ajahn Brahm đọc bài diễn văn. Bài diễn văn đó có chủ đề Bình Đẳng Tính Phái trong Theravada. Xem bản tin và bài diễn văn ở đây: <http://www.buddhistchannel.tv/>



[index.php?](#)

[id=70,11880,0,0,1,0#.W8e4TntKi70](#)

Như thế, nếu Luận thư do các đại tăng Thái Lan soạn, sẽ khác với Luận thư do các đại tăng từ Úc châu kết tập.

Thêm nữa, cũng có nghi vấn: nếu đại tăng Thái Lan kết tập kinh điển, hẳn là có áp lực từ vương triều Thái Lan (kiểu phong kiến là thế), trong khi đại tăng Úc châu kết tập sẽ tự do hơn.

Đó là chưa kể, nếu Luận thư do các đại tăng Việt Nam soạn, chắc gì quý ngài Tiến sĩ nơi phố thị có trình độ giác ngộ như một số vị ẩn tăng nơi núi rừng? Đó là chưa kể, Tiến sĩ Phật giáo học từ Miến Điện, sẽ khác với Tiến sĩ học từ Đài Loan, và hẳn sẽ khác với học từ Đại học Mỹ.

Nhắc lại, nơi đây không có ý làm cho chuyện mất vui, chỉ muốn nói rằng có khi nên thực hiện lời Đức Phật dạy trong Kinh Kalama.

Thí dụ như về Thiền Tông. Sách Vô Môn Quan nói rằng pháp này là cửa không cửa. Không cửa thì sao mà vào? Thêm nữa, Thiền Tông lại nói rằng pháp này nằm ngoài kinh điển (giáo ngoại biệt truyền)... Dĩ nhiên, quý Tổ sư tin thật như thế, và tôi đã tin thật như thế (tôi từng nghĩ, Đức Phật tuyệt vời, pháp này là không lời mà truyền dạy...).

Tôi từng đọc trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tông Thông, Quyển I, bản dịch của Nhãn Tể Thiền Sư, có chỗ ghi lời một vị sư hỏi Tổ Bá Trượng: "Trước đến giờ, chư Tổ đều có Mật Ngữ trao truyền cho nhau là thế nào?"

Tổ Bá Trượng mới đáp: "*Không có lời Mật. Như Lai không có Bí Mật Tạng. Chỉ như bây giờ soi tỏ ý nghĩa cho rõ ràng, tìm kiếm hình tướng, rõ là bất khả đắc, đó là Mật Ngữ... Chỉ có lời nói, tức chẳng được chấp nhận vậy. Liễu Nghĩa Giáo đều chẳng phải là gì hết thầy (Phi), thì còn tìm kiếm Mật Ngữ nào?*"

Trong phần Tông Thông có lời bình (hiểu là luận thư của Thiền Tông), có ghi câu: "*Theo chỗ thấy của Tổ Bá Trượng, thì một chữ Mật cũng phải mửa ra luôn, Liễu Nghĩa Giáo cũng chẳng lập, mới có thể gọi là hướng lên ngàn Phật Đảnh mà đi.*" (<https://thuvienhoasen.org/p17a1221/quyen-i>)

Đó là các lời của Tổ Bá Trượng thoát nghe cử tướng như Đức Phật không hề nói trong Kinh Tạng... Cho tới khi tôi (cũng là một người Kamala) đọc lại Tạng Pali, qua các bản dịch Anh văn, và rồi khám phá... Không ngờ Đức Phật cũng đã nói lời như thế. Từ rất xa xưa, và trở thành kinh nhật tụng xưa thật xưa. Tuyệt vời. Đâu có phải là giáo ngoại biệt truyền.

GUỜNG

*Trên tường nhà tôi có treo một chiếc gương
Nó đã treo ở đó tự bao giờ.*

Mỗi sớm chị soi gương vấn tóc

Mỗi chiều mẹ soi gương đi lễ chùa.

Những khi không có ai ở nhà

Gương phản chiếu lung linh vườn cũ

Ngày và đêm trôi qua gương lần lữa

Trong đáy sâu yên tĩnh vô cùng.

Đêm, tiếng cú kêu trong gương.

Tôi trở mình mơ màng trong giấc ngủ.

Bóng một con chim bay ngang qua cửa sổ

Mang tuổi thơ và giấc mộng đi xa.

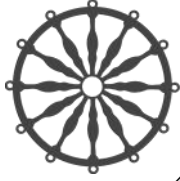
Ôm cả ký ức vào lòng gương bao la

Khi tôi treo nó trong căn nhà mới.

thơ

PHÁP HOAN





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

Kính gửi: Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH, và Ban Tang Lễ Sư Cô Thích Nữ Chứng Hạnh,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH nhận được ai tín Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Chứng Hạnh, sinh năm Quý Dậu 1933 đã thuận thế vô thường, xả bỏ huyễn thân, viên tịch vào ngày 7 tháng 11 năm 2018 (nhằm ngày 30 tháng 9 năm Mậu Tuất) tại San Jose, trụ thế 86 tuổi, Hạ lạp 7 năm.

Hội Đồng Điều Hành nhất tâm hộ niệm và cầu nguyện Giác Linh Tỳ Kheo Ni Tân Viên Tịch Cao Đăng Phật Quốc. Hội Đồng Điều Hành thành kính phân ưu cùng Trưởng Lão Hòa Thượng Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm và thành tâm phân ưu cùng hiếu đồ, thân quyến của Cố Sư Cô Thích Nữ Chứng Hạnh.

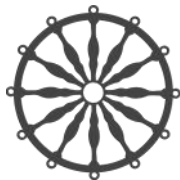
Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Santa Ana, ngày 11 tháng 11 năm 2018
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH
Chủ Tịch



Tín Nghĩa

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT

CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

DIỆN THƯ PHÂN ƯU

Kính gửi: Ban Tổ Chức Tang Lễ và Môn Đồ Pháp Quyển Cổ Thượng Tọa Thích Thiện Huyền,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK nhận được ai tín Thượng Tọa Thích Thiện Huyền, thế danh Huỳnh Văn Chúc, húy thượng Trung hạ Nguyên, hiệu Thiện Hiền, Dòng Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Nhị Thế, Viện chủ Chùa Bửu Quang, Wichita, Kansas; Viện chủ Đạo tràng Vô Lượng Quang, St. Louis, Missouri; Viện chủ Chùa Định Quang, Springfield, Missouri; Viện chủ Chùa Tịnh Nghiêm Quan Âm, Wichita, Kansas, đã thuận thế vô thường xả bỏ báo thân, viên tịch vào ngày 11 tháng 11 năm 2018 (nhằm ngày Mồng 4 tháng 10 năm Mậu Tuất), thọ thế 63, Hạ lạp 38.

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK nhất tâm hộ niệm và cầu nguyện Giác Linh Thượng Tọa Tân Viên Tịch Cao Đăng Phật Quốc. Đồng thành tâm phân ưu cùng môn đồ Pháp quyển của Cổ Thượng Tọa Thích Thiện Huyền.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

Santa Ana, ngày 11 tháng 11 năm 2018

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ Tịch



Sa Môn Thích Tín Nghĩa

QUÁN NIỆM VÔ THƯỜNG ĐỂ XẢ LY, BUÔNG BỎ

Quảng Tánh

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Vô thường là không có gì thường hằng, tồn tại mãi mà phải thay đổi. Đối thay từ hình thức đến nội dung, từ vật chất cho đến tinh thần, từ hiện tượng cho đến bản chất.

Trước thời Thế Tôn, nhân loại đã biết và nói đến vô thường của các sự vật hiện tượng. Tuy vậy, cái thấy biết về vô thường này chưa toàn triệt, bị giới hạn ngay nơi tự ngã; cái ta thuần nhất, bất biến của tiểu ngã hòa nhập với đại ngã của đấng sáng thể Phạm thiên.

Thế Tôn ra đời, với tuệ giác siêu việt vô thượng, Ngài thấy rõ không có cái ta (ngã) nào cả, tiểu ngã cũng không mà đại ngã cũng không. Bởi vô minh nên nhận lầm tự ngã đó thôi, đơn giản vì vô thường chính là biểu hiện của duyên sinh và vô ngã nên không có cái ta, cái tôi, cái một - duy nhất, cái quyền năng của đấng sáng thể, tạo vật. Vô thường ngay nơi thân tâm ngũ uẩn này thì cái ta làm sao tồn tại. Vì vô minh chấp ngã sâu dày chúng sinh cố bám víu, nắm giữ ngũ uẩn nên tham ái sinh ra, từ đây hình thành mọi khổ đau.

"Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Như có người bị lửa đốt đầu và áo, phải làm sao để cứu?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, phải gấp rút, nhanh chóng, nỗ lực tìm cách để dập tắt nó.

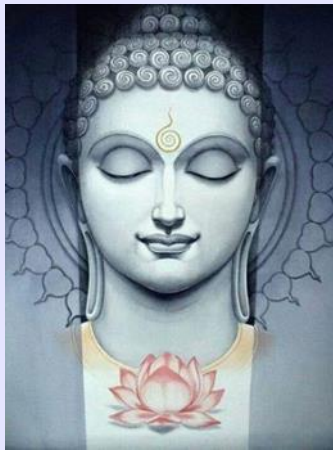
Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đầu và áo bị đốt cháy còn có thể tạm quên đi được, còn lửa vô thường mà hừng hực thì cần phải đoạn trừ tận diệt. Vì muốn đoạn trừ lửa vô thường, nên tu pháp cú không tham. Vậy để đoạn trừ những pháp vô thường nào

phải tu pháp cú không tham? Đoạn trừ sắc vô thường nên tu pháp cú vô tham; đoạn trừ thọ, tưởng, hành, thức vô thường nên tu pháp cú vô tham.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 185)



Thế Tôn đã dùng hình ảnh ngọn lửa dữ đang thiêu đốt tất cả, từ những sự vật to lớn như sơn hà đại địa cho đến nhỏ nhiệm như cát bụi, vì thế như sắt-na tâm để nói lên sự vô thường. Đã vô thường, biến hoại, đổi thay nhanh chóng như bị lửa dữ thiêu đốt như thế thì nắm giữ, bám víu, tham ái để làm gì? Bởi đó là điều không thể, lực bất tòng tâm nên càng mong muốn nắm giữ bao nhiêu thì khổ đau càng tăng thêm bấy nhiêu.

Thân này gọi là ngũ uẩn vì kết hợp năm yếu tố sắc (thân tứ đại), thọ (cảm giác), tưởng (tri giác), hành (tâm hành), thức (nhận thức). Ngay nơi mỗi uẩn đã là sự kết hợp của nhiều yếu tố khác nữa, bản chất của mỗi uẩn là vô thường, sinh diệt tương tục rồi huỷ hoại cả năm uẩn gộp chung lại thành thân này. Thấy rõ bản chất vô thường sinh diệt của năm uẩn nên không bám víu, không nắm giữ, không chấp thủ đó là tôi, của tôi. Xả ly hoàn toàn tham ái ngũ uẩn là bậc thành tựu ly tham, giải thoát.

Khi chúng ta còn tại phàm, nghiệp dĩ vô minh và tham ái sâu dày, dĩ nhiên chúng ta chưa buông bỏ hết được như các bậc Thánh. Tuy nhiên, người học Phật cần phải thấy rõ ngũ uẩn vô thường, thân tâm này luôn thay đổi để buông dần, xả bớt những gì trong khả năng có thể buông xả được. Bởi càng nắm giữ nhiều thì đau khổ nhiều, ngược lại buông xả thì bớt đau khổ, buông hết thì tham ái đoạn tận, khổ đau chấm dứt.

Nhận quả trường không

TN GIỚI HƯƠNG

TƯỜNG NIỆM GIÁC LINH SƯ BÀ
thượng DIỆU hạ TỬ



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu
Ni Phật

Chúng con là Tỷ Kheo Ni Giới Hương, chư ni và các Phật Tử Chùa Hương Sen, Perris, Cali, vừa hay tin *Sư Bà thượng Diệu hạ Tử*, nguyên Trụ Trì Chùa Diệu Quang, Rosemead, California, Hoa Kỳ, đã xả báo thân tại thế giới ta bà huyền hóa vào lúc 10 giờ chiều, ngày 20 tháng 10 năm 2018, nhằm ngày 12 tháng 09, năm Mậu Tuất, thế thọ 76, lập thọ 56.

Kính bạch Giác Linh Hòa
Thượng Ni Ân Sư,

Con đang đi hoằng pháp ở Việt Nam và nghe Ni sư Hạnh Quang (Chùa Diệu Giác, quận 2) điện thoại báo hung tin. Chúng con thật là buồn và sững sốt trước sự ra đi của thầy. Đây là một mất mát to lớn cho Phật Giáo hải ngoại và trong nước, nhất là hàng ni giới chúng con. Thầy là một bậc minh sư khả kính và là bậc nữ lưu anh tài đầy đủ hạnh đức. Với lòng lân mẫn, thương yêu, thầy chăm sóc và dạy bảo thân tình cho những ai được duyên diện kiến và học hỏi từ thầy. Con nhớ những ngày đầu mới đặt chân

tại nước Mỹ (năm 2005), thầy cùng Ni sư Tịnh Tâm đã nâng đỡ và chia sẻ kinh nghiệm cho con quen với cuộc sống mới. Thầy tặng cho con chiếc áo nhật bình nâu, áo ấm và quần áo mà bây giờ con vẫn còn giữ làm kỷ niệm. Khi con mới lập cơ sở mới Chùa Hương Sen (2010) tại Moreno Valley, Cali, dù thân thể đau yếu, thầy cũng cùng Phật tử Chùa Diệu Quang thân hành đến vùng xa để thăm và tham dự lễ, để sách tấn, trợ duyên tinh thần mạnh mẽ cho chư Ni chúng con. Những mùa hạ, thỉnh thoảng chúng con thường về Chùa Diệu Quang để tụng giới và được thầy cho gieo duyên thuyết pháp san sẻ đạo lý với Phật tử tại gia. Sau này, Phật sự ngày càng nhiều, con ít về Santa Ana và nghe nói thầy ngày càng yếu thường nhập thất tịnh tu, ít tiếp ai. Con thường gửi quà trà bánh và Card Mother Day (vào chủ nhật đầu tiên của tháng 5) để tặng thầy thay cho quà Vu Lan báo tứ trọng ân... và bao giờ cũng được thầy gọi điện thoại lại cảm ơn với giọng rất yếu ớt. Hôm nay con thật buồn khi nghe tin thầy đã **"Quay về tây."**

*Nhận quả trường không
Ảnh trầm hàn thủy.*

*Nhận vô di tích chi ý.
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.*

(Hương Hải Thiền Sư)

Nghĩa:

*Nhận bay mãi vượt qua tầng
không.*

*Bóng chìm dưới dòng nước
lạnh.*

*Nhận không có ý để lại vết
tích.*

Nước không có lòng lưu ảnh.

Thầy đã đến và đi, không

để lại dấu tích mà chỉ còn dư âm dĩ vãng. "Hữu sinh hữu diệt. Hữu hình tất hữu hoại" nghĩa là có sanh ra trong cuộc đời này thì sẽ có chết, có đến thì sẽ có đi, có hình thì sẽ có mất. Đó là nguyên lý muôn thuở, nhưng sao trong lòng chúng con như những người học trò nhỏ, không thể nào ngăn được lòng kính tiếc, nhớ thương một bậc Ân Sư từ tốn. Từ đây, cảnh thiền môn đã vắng bóng ung dung siêu thoát của Thầy; trong Ni giới hải ngoại mất đi một bậc Ni trưởng đạo cao đức trọng; chùa Diệu Quang đã mất đi một cội tùng già vững chãi tỏa bóng mát giải thoát cho tất cả. Chúng con cảm thấy bơ vơ, lạc lõng và ngỡ ngàng khi không có Thầy để dìu dắt và hướng dẫn trên con đường tâm linh phía trước...



Giờ phút thiêng liêng này, hướng về Giác Linh Đài, trước hương án khói nhang nghi ngút, chúng con kính nguyện Giác linh Thầy trực vãng Tây phương An-lạc thể giới và thương hàng hậu học Ni chúng mà mang đại nguyện thể nhập vô sinh, hoàn lai ta bà, hóa độ chúng sanh.

Nhân dịp này, chúng con cũng xin kính gửi đến Quý Ni sư, Sư Cô, cùng môn đồ pháp quyến của Giác linh Sư bà và quý Phật tử Chùa Diệu Quang lời chia buồn sâu sắc nhất trước sự mất mát to tát này.

Nam mô Thật Báo Trang

Nghiêm Độ A Di Đà Như Lai

Biến Pháp Giới Chư Phật.

Nhất tâm đánh lễ **Giác linh
Hòa Thượng Ni thượng Diệu
hạ Tử** thủy từ chứng giám.

KHẢO VỀ TANG NGHI CỦA HÀNG THÍCH TỬ

Sanh như đắp chần Đông, tử như cởi áo Hạ [1]

Chúc Phú

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Trong lịch sử nhân loại, tùy theo ảnh hưởng của tư tưởng, văn hóa... mà các thể thức tang nghi cũng như phương cách xử lý xác thân sau khi chết, được thực hiện với nhiều phương cách đặc thù.

Với Phật giáo, một tôn giáo nội sinh ở Ấn Độ, thông qua quá trình phát triển của mình, đã từng bước xuất hiện trên nhiều vùng lãnh thổ. Do ảnh hưởng bởi hệ tư tưởng văn hóa, tín ngưỡng bản địa, kể cả sự tác động có chủ ý của con người trên những vùng đất mới, thế nên đã xuất hiện nhiều điều dị biệt trong lễ nghi của Phật giáo, mà cụ thể ở đây là tang nghi của bậc xuất gia.

Để có một cái nhìn toàn cảnh và mang tính khách quan, chúng tôi sẽ lội ngược dòng từ hiện đại tìm về quá khứ, ngõ hầu tìm kiếm những cơ sở mang tính cội nguồn, trong tang nghi của bậc xuất sĩ.

1. Khái quát về các thể loại tang nghi Thích tử ngày nay.

Trong sinh hoạt thiền môn ngày nay, tùy theo môn quy, tông phái, ảnh hưởng đạo phong của bậc xuất gia... mà thể thức tang nghi đã được tổ chức với nhiều cách thức đa dạng. Nhân đây, chúng tôi xin tạm điểm qua những nét khác biệt căn bản, được khái quát từ bối cảnh thực tế.

Có những tang lễ quy mô, nhưng không trần thiết bàn Phật trước bàn thờ vị tân viên tịch và ngược lại.

Có những tang lễ mà môn nhân không khóc lóc, không đeo khăn tang ở mọi hình thức và ngược lại.

Có những tang lễ với trống kèn thiêng liêng, với đầy đủ lễ phẩm cúng dường và ngược lại.

Có những tang lễ trang nghiêm nhưng đơn giản, với việc chôn cất hay hỏa táng và ngược lại.

Lý do tạo nên sự khác biệt này,

theo chúng tôi là do quan điểm, chủ trương của từng tông phái, của từng chùa, viện nói chung, và tùy theo tâm nguyện của từng cá nhân nói riêng. Mặc dù mang tính khác biệt, nhưng các thể thức tang nghi đó đều có những cơ sở y cứ.

Theo chuẩn tắc của thiền lâm, được thể hiện cụ thể trong các tác phẩm như *Sắc tu bách trượng thanh quy*[2], *Thích thị yếu lãm*[3], *Thiền lâm tượng khí tiên*[4], *Thiền môn chánh độ viên tịch khoa nghi*[5]... thì khi một người xuất gia viên tịch, cần phải chuẩn bị các thứ cần dùng như tang phục, quan quách, hương hoa, ẩm thực, trà quả... được cung tiến cùng với các nghi thức như: sái tịnh, thành phục, yết Phật, yết Tổ, an linh, khai minh lộ, phát hành, nhập tháp... Những lễ tang tuân theo các bộ thanh quy này về cơ bản thường giống nhau, và được Phật giáo Bắc truyền ngày nay áp dụng.

Khách quan để nhìn nhận, có thể thấy rằng, tang nghi của hàng xuất gia ngày nay được kế thừa biên soạn từ những tác phẩm thanh quy trước đó, cũng như rút tỉa từ kho tàng kinh điển, và đôi chỗ tham dẫn các điển cổ Trung Hoa. Do vậy, chúng vừa mang hơi thở của niên đại hình thành, vừa có dấu ấn của kinh điển, kể cả sự hòa quyện các giá trị khác ngoài Phật giáo.

Trên phương diện tích cực, việc thực hiện tuân tự các nghi tiết trong tang lễ có tác dụng truyền thông, nối kết giữa các cảnh giới, chuyên chở và giữ gìn những giá trị đạo đức Phật giáo, và đôi khi tạo nên một sự chấn động tích cực, có tác dụng chuyển hóa trong tâm (Samvega सवेग)[6].

Không những vậy, nếu trong tang lễ của hàng xuất gia thời xưa, chú trọng đến việc đọc tụng các bài kinh liên quan đến *Vô thường* (S,iii.76)[7], quan điểm này có thể tìm thấy trong luật *Thiền kiến*[8], trong *Nam hải ký quy nội pháp truyền*[9], trong *Sắc tu bách trượng thanh quy*[10]...; thì trong tang lễ



HT. Thích Huyền Quang trong tang lễ Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, tại Chùa Linh Mục, Huế, năm 1992.

hàng xuất gia ngày nay, cũng chuyển tải rất nhiều bài kệ có nội dung tương tự. Trong không gian trầm mặc, khi bài kệ tán như: *Nhất điện mộng hoàng lương, nhân mạng vô thường, thân hình bảo ảnh tợ ngân sương...* được cất lên đúng cung bậc, cũng có tác dụng hướng người nghĩ đến thực tại vô thường.

Có thể nói, bằng nhiều phương cách khác nhau, các nghi quy dành cho hàng thích tử ngày nay về cơ bản cũng đơm chất thiền vị, nói như kinh điển, là có thể làm cho nhiều người chưa tin khởi lòng tin. Không những vậy, với nội dung giàu tính triết học Phật giáo, được chuyển tải qua nhiều văn kệ trong các tang nghi, đã có tác dụng thức tỉnh, trị liệu và an ủi cho cả người sống lẫn người vừa khuất.

Tuy nhiên, do các nghi lễ này phần lớn được hình thành dưới thời phong kiến, thể nên những dấu ấn của Nho, Lão thịnh thoảng cũng đan xen vào những nghi tiết trang trọng dành cho bậc người xuất gia. Không những vậy, trong một vài trường hợp, do chấp nhặt nặng nề vào tiểu tiết, được quy định trong thanh quy, một số tang lễ của người xuất gia đã được tổ chức không mấy khác biệt so với tang nghi của người thế tục như, hình thức rườm rà, tang phục tới tả, khóc lóc bị ai...

Bên cạnh đó, mặc dù không phải là số đông, nhưng trong thời đại ngày nay cũng có những bậc xuất gia, ở trong nước^[11] và ở nước ngoài^[12], đã lựa chọn cho mình một tang nghi giản tiện. Được biết, cơ sở lý luận của hình thức tang nghi này căn cứ vào thể thức tang nghi của các bậc Long tượng thuở trước, cũng như tham chiếu với kinh, y cứ với luật. Điều này, chúng tôi sẽ tiếp tục làm rõ ở phần sau.

Như vậy, có thể tạm khái quát, có hai hình thức tang lễ cho người xuất gia ngày nay, một hình thức căn cứ vào truyền thống thanh quy thiền môn, và một truyền thống tham chiếu vào kinh, luật.

2. Vài liên hệ cội nguồn của tang nghi Thích tử.

Có thể nói, các thể loại tang nghi của Phật giáo Bắc truyền hiện đang áp dụng tại Việt Nam ngày nay phần lớn có nguồn gốc từ *Sắc tu bách trượng thanh quy*^[13] (thế kỷ XIV). Xét về phương diện kế thừa, tác phẩm *Sắc tu bách trượng thanh quy* đã kế thừa quan điểm từ nhiều bộ thanh quy trước đó, cũng như các tác phẩm văn hiến Trung Hoa, mà trong đó có *Thích thị yếu lãm* ở thời Bắc Tống (960-1127).

Theo *Phật tổ thống kỷ*, quyển bốn mươi bốn, vào niên hiệu Thiên Hi năm thứ ba (1019) đời vua Tống Chân Tông (968-1022), số lượng Tăng, Ni phát triển rất lớn bao gồm 230,127 vị Tăng và 105,643 vị Ni.^[14] Cũng trong năm này, thể theo sự khuyến nghị của triều đình, Sa-môn Đạo Thành đã soạn bộ *Thích thị yếu lãm*, gồm ba quyển^[15]. Kể từ đây, sinh hoạt của Phật giáo nói chung và tang nghi Thích tử nói riêng đã có nhiều ảnh hưởng từ bộ sách này.

Có thể nói, xuyên qua 27 đề mục được đề cập trong ba quyển *Thích thị yếu lãm*, đã định nghĩa, giải thích và đưa vào khuôn khổ những sinh hoạt chính yếu của thiền môn như *xuất gia, thể phát, nhập chúng, lễ lạy, ...chợ đến thăm bệnh, tổng chung*. Đây là những nỗ lực rất lớn của ngài Đạo Thành. Tuy nhiên, do phụng mệnh triều đình biên soạn, do ảnh hưởng quan kiến cá nhân, thể nên tác phẩm đôi chỗ mang dấu ấn của Nho gia. Đơn cử như vấn đề tang phục.

Mặc dù tác giả là ngài Đạo Thành đã thừa nhận rằng, ngay cả kinh Niết-bàn và các bộ luật đều không đề cập đến tang phục; thể nhưng tác phẩm *Thích thị yếu lãm* lại dựa vào sách *Lễ ký*, được dẫn lại từ sách *Tăng huy ký*^[16] cho rằng có ba loại tang phục, gồm chánh phục, nghĩa phục và giáng phục (一正服.

二義服.三降服). Không những vậy, để bổ trợ cho quan điểm tang phục, *Thích thị yếu lãm* còn dẫn sách *Bách hổ thông*^[17] của Nho gia để cho rằng, hàng xuất gia nên sử dụng tang phục, gọi là *Giáng phục* (降服). Các thể loại như khăn tang bịt đầu (頭巾), gậy trong tang lễ (杖)... cũng được thừa tiếp từ các bộ cổ thư Trung Hoa.

Như vậy, có thể nói rằng, vấn đề tang phục của người xuất gia, mà sau này được quy định rõ trong *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, quyển ba, có nguồn gốc từ tư tưởng triết học Nho giáo.

Với Nho giáo, cụ thể là Tống Nho, có quan điểm cho rằng, Tống Nho đã tiếp biến tư tưởng của Phật và Lão, làm thành một bộ phận trong học thuyết của mình^[18]. Mặc dù vậy, theo chúng tôi, Tống Nho vẫn ngấm ngấm bài xích Phật giáo, cụ thể là ở hai nhà Tống Nho tiêu biểu là Trình Hạo (程颢: 1032-1085)

và Trình Di (程頤: 1033-1107).

Bằng chứng là, tranh biện về vấn đề xử lý thân xác sau khi chết. Theo truyền thống Ấn Độ và các nước có cùng ảnh hưởng văn hóa, có bốn táng thức: địa táng, lâm táng, hỏa táng và thủy táng. Theo truyền thống Phật giáo được ghi nhận từ kinh, luật, hỏa táng là táng pháp thường được sử dụng từ đức Phật cho đến tăng nhân. Trong xã hội ngày nay, táng pháp này được xem là xu hướng nhân bản, khoa học và văn minh. Thế nhưng, chủ trương này của Phật giáo đã bị hai anh em Trình Hạo và Trình Di (程顥, 程頤) cực lực phản đối, được ghi nhận trong tác phẩm *Nhị trình tập* (二程集):

Thời nay (thời Bắc Tống – người dịch chú), nếu gặp phải kẻ điên cuồng hay một gã say rượu tùy tiện va vào quan tài của tổ tiên, thì thân quyến sẽ khởi lên lòng oán thù chất ngất. Cũng thế, đã gọi là thân thích thì sao nỡ ném người thân của mình vào trong lửa đỏ, chỉ riêng điều đó thôi không thấy lạ lắm sao? Sao không thể thương thay? [19]

Đây chỉ là quan điểm của đại diện Tống Nho, thể hiện sự không đồng tình với chủ trương hỏa táng của Phật giáo. Xuyên qua 1.272 trang của tác phẩm *Nhị trình tập*, đã bộc lộ nhiều dấu hiệu cho thấy, hai nhà Nho này không những chống đối Phật giáo, mà còn cố sùỵ cho nhiều quan điểm đi ngược lại với những tư tưởng nhân bản, nhân văn của Nho gia thời tiền Tần.

Có thể nói, kế thừa những thành tựu trước đó, đến thời Bắc Tống, Phật giáo đã phát triển cực thịnh, với số lượng trên 300 ngàn Tăng Ni ở thời Tống Chân Tông. Yêu cầu bức thiết lúc này là cần phải có một cơ cấu tổ chức với những thiết định đặc thù, nhằm ổn định nề nếp sinh hoạt thiền gia. Việc củng cố bộ máy Tăng quan cùng với sự ra đời các bộ sách mang tính hướng dẫn sinh hoạt Tăng-già như *Thích thị yếu lãm*, *Ngũ sam tập*, *Tăng huy ký*, *Sắc tu bách trượng thanh quy*... là những nỗ lực nhằm đưa sinh hoạt Tăng-già vào khuôn khổ giáo luật và pháp luật.

Tuy nhiên, do hình thành trong dòng chảy văn hóa Trung Hoa, cộng với sự tác động của các bậc vương quyền vừa mộ Phật vừa sùng Nho, thế nên những tác phẩm nghi quy của thiền gia, mà cụ thể ở đây là tang nghi Thích tử, đã có sự thỏa ước và hòa quyền giữa Nho gia và Phật lý.

3. Tang nghi gần gũi với kinh, luật: vai trường hợp tiêu biểu

Nếu đếm ngược từ ngày nay đến thời Bắc Tống (960-1127) thì đã hơn một ngàn năm. Đây cũng là khoảng thời gian mà việc tổ chức tang nghi cho hàng Thích tử chịu ảnh hưởng từ các bộ thanh quy, với nhiều nghi tiết mang dấu ấn Nho giáo.

Thực ra, ở những thời kỳ trước đó, mặc



Tang lễ Trưởng lão HT. Thích Minh Châu, Saigon 2012

dù Nho giáo đã phát triển mạnh, đôi khi cũng tạo sức ép lên vương quyền, gây ra cho Phật giáo nhiều trở ngại to lớn [20]; thế nhưng, các bậc cao tăng vẫn giữ vững ngọn cờ chánh pháp, vẫn duy trì truyền thống thiền môn thanh sạch, không lẫn lộn tư tưởng Nho gia. Cụ thể ở đây chính là, các bậc cao tăng đã sắp xếp tang nghi của mình rất gần với kinh, luật. Để rõ hơn, chúng ta thử điểm qua những nét chính về tang sự, của ba bậc cao tăng là ngài Thiên Thai, ngài Huyền Tráng và ngài Bất Không.

Ngài Trí Nghi (智顗: 538-597), là vị tổ khai tông Thiên Thai ở Trung Quốc, do vậy cũng còn gọi là Thiên Thai Trí Giả. Theo *Tục Cao tăng truyện*, quyển 17 [21], ngài là một cao tăng, chứng Pháp Hoa tam muội (法華三昧), khai sơn 35 ngôi đại tự, hóa độ tăng chúng hơn bốn ngàn người. Với uy đức danh cao vọng trọng, nhưng khi lâm chung ngài đã cẩn thận dặn dò:

Con người khi đang lâm chung nghe được tiếng chuông thì họ sẽ tăng thêm chánh niệm. Thở dài hay ngắn nhưng ngưng thở là đến kỳ. Sao phải chờ thân lạnh mới khởi chung thanh? Khóc lóc hay thọ tang như thế gian đều là những việc không nên làm. Các người nên yên lặng, ta sắp sửa rời xa [22].

Với **ngài Huyền Tráng** (602-664), một bậc cao tăng cả đời tận hiến cho Tam Bảo, dẫn thân cầu pháp, miệt mài dịch kinh, được Đường Thái Tông đối đãi trọng hậu. Thế nhưng, trong việc lo hậu sự, ngài đã để lại di mệnh đơn giản là bó chiếu đem chôn (窆簾). Đại Đường đại Từ Ân tự tam tạng pháp sư truyền, ghi rằng: *môn nhân tuân theo di mạng của Ngài, lấy chiếu trúc bọc di thể, tôn trí trên xe tang rồi cung rước thân cữu về kinh đô, sau đó tôn trí tại viện phiên kinh Từ Ân [23].* Cùng với ngài Huyền Tráng, di nguyện bó chiếu đem chôn cũng được các vị cao tăng như ngài Thích Đàm Luân (釋曇倫) [24], Thích Chí Khoan (釋志寬) [25] dặn do môn nhân thực hiện sau khi quý



ngài viên tịch.

Với **ngài Bất Không** (705-774), là vị thầy của cả ba triều vua nhà Đường (三代帝師), tức là Đường Huyền Tông, Đường Túc Tông và Đường Đại Tông. Theo ngài, nếu không dấn dõ hậu sự, thì có lẽ cả quốc gia đều phủ trắng một màu khăn tang khi tiễn biệt ngài. Đọc những lời thống thiết trong di thư dành cho môn nhân đệ tử, đã chứng tỏ ngài không những xứng đáng với tôn hiệu *Tam đại đế sư*, mà còn là tấm gương sáng ngàn đời của bao hàng Thích tử:

Các ông nên biết, nhân thể vô thường, không ai tránh khỏi. Đạo nghĩa thầy trò lấy pháp nghĩa làm tình thân, khác thể tục hoàn toàn vì không hoài cốt nhục. Các ông nếu vâng lời ta dạy, tức là pháp tử của ta, nếu trái đi ngôn sẽ lạc vào phi pháp.

*Sau khi ta mất phần, quyết không được mặc tang phục sô gai, cũng không được thở than khóc lóc. Nếu nhớ ta thì siêng năng tụng niệm, mới xứng đáng gọi là báo ân. Không nên phung phí tiền tài vào các oai nghi tống táng, cũng không được xây dựng mồ mã mà uống phí nhân công. Chỉ nên tôn trí di thể của ta trên một chiếc giường và nhất tâm niệm tụng. Sau đó đưa ra ngoại thành và y pháp trà-tỳ, khi đã thành tro thì tức thời quăng bỏ. Không được lập linh vị hay họa vẽ chân dung của ta. Nho sinh có bảy mươi hai học trò còn thọ tâm tang, hưởng hồ một bậc quán đánh tương truyền như ta, thì tang nghi sao không hơn thế?***[26]**

Từ những di huấn của ba bậc cao tăng tiêu biểu như ngài Thiên Thai, ngài Huyền Tráng và ngài Bất Không, đã cho thấy các ngài chủ trương một tang nghi giản tiện. Di nguyện tôn quý đó không phải vì muốn tạo điều đặc dị, cầu danh, vì tôn danh của quý ngài đã cao chất ngất. Việc làm đó của quý ngài không phải là suy nghĩ nhất thời, bởi lẽ các ngài đã đạt đến chỗ tịch tĩnh, thậm thâm. Theo chúng tôi, những di nguyện khả kính của ba vị cao tăng nêu trên có liên hệ từ cội nguồn kinh, luật.

Trước hết, theo kinh *Tương Ưng* (S.v,161) **[27]**, khi biết đã đến thời, tôn giả Xá-lợi-phất

xin phép Đức Phật về quê nhà để viên tịch, mà xung quanh chỉ có vài người thân. Sau khi hỏa táng, đệ tử của ngài là tôn giả Cunda đã thu lấy xá-lợi bỏ vào bình bát, gói lại trong y và đem về trình với đức Thế Tôn. Sự ra đi nhẹ nhõm, đơn giản và yên bình của vị tướng quân chánh pháp, là bài học sống động cho nhiều thế hệ kế thừa, mà trong số đó có ba vị cao tăng nêu trên.

Không những vậy, theo *Phật thuyết Mục liên vấn giới luật trung ngũ bách kinh trọng sự*, cho biết rằng khi có vị tỳ kheo viên tịch, thì *chư Tăng nên dùng hai y Tăng-kỳ-chi* **[28]** và *Nê-hoàn-tăng* **[29]** phủ lên di thể, ngoài ra, các vật dụng khác nên sung vào vật của Tăng, không được chôn theo bất cứ thứ gì. Nếu chôn quá năm tiền thì phạm tội *Khí* (Một trong bốn tội nặng – người dịch chú) **[30]**.

Nội dung tác phẩm luật học này cũng được ngài Đạo Tuyên (596- 667) dẫn lại và bổ sung thêm trong *Tứ phần luật san phần bổ khuyết hành sự* sao, quyển Hạ:

Không được chôn theo những vật hơn năm tiền, nếu chôn như vậy thì phạm tội trọng. Thầy, đệ tử, hoặc bạn đồng học của người chết nên góp tiền làm chi phí an táng. Nếu không có, thì trong chúng tăng hoặc những người khác góp một ít tiền để cúng dường cổ thân. Nếu không có nữa thì mượn tạm y, đồ vật của người chết để làm chi phí chôn cất, rồi bồi thường lại cho phù hợp. Trước khi làm việc đó, phải tác pháp yết ma xin tăng **[31]**.

Có thể thấy, cả hai tác phẩm luật học nêu trên đều khẳng định, không được chôn cùng vị tỳ-kheo đã mất quá năm tiền. Vậy năm tiền là bao nhiêu?

Năm tiền (五錢), có khi được dịch âm là Ngũ-ma-sái (五磨灑) là đơn vị tiền tệ cực nhỏ ở thời Phật. Phạm ngữ ghi là Pañca-Māsaka, theo từ điển Pāli của PTS, thì Pañca-Māsaka có giá trị tương đương bằng một hạt đậu. Theo *Nhất thiết kinh âm nghĩa*, năm tiền chỉ có giá trị tương đương như năm hạt ngô đồng (梧桐子) **[32]**. Theo kinh *Hiển ngu*, quyển sáu, thì năm tiền có thể mua được một bó củi **[33]**.

Do đó, để tuân hành quy định không được chôn theo người chết quá năm tiền, thì chỉ còn phương cách là đơn giản hóa tang nghi đến mức có thể. Sự kiện cả ba vị cao tăng nêu trên, chủ trương đơn giản tang nghi, phải chăng quý ngài đã gián tiếp thực thi điều luật này?

Không những vậy, việc khóc than cho người chết cũng là việc không đúng pháp. Trong kinh *Tiểu Bộ*, Đức Phật phê phán vị tỳ kheo già đã khóc vì đệ tử chết khi còn quá trẻ **[34]**. Tham chiếu với luật, việc tỳ-kheo khóc ra tiếng cho người đã khuất như thầy tổ, cha mẹ, huynh đệ thì phạm tội *Đọa* **[35]**.

Như vậy, tang nghi nương theo kinh, luật là tang nghi đúng pháp. Từ công hạnh và kể cả di ngôn của ba vị cao tăng vừa dẫn ở trên,

đã chứng tỏ các ngài không những sống đúng theo kinh, mà khi ra đi cũng tuân hành theo giới luật.

4. Nhận định

Theo quan điểm của Đức Phật, thân thể chỉ là sự hòa hợp của bốn đại, năm uẩn, được hình thành trên cơ sở duyên sanh. Với ngài, thân thể của con người chỉ là phương tiện mang tính tạm bợ, nhất thời trong chuỗi luân hồi vô tận.

Cùng thời với Đức Phật, đã có những tôn giáo chủ trương xem tế lễ và các thể thức tang nghi là những thực hành trọng yếu. Đức Phật cũng thừa tiếp quan điểm này, nhưng đã có những thay đổi cần thiết.

Đi qua vùng đất mới, Phật giáo đối diện với nhiều thách thức, nguy cơ. Muốn tồn tại, yêu cầu bức thiết phải có sự uyển chuyển, tùy duyên. Tuy nhiên, uyển chuyển là chấp nhận sự thay đổi ở mức độ tiểu tiết. Tùy duyên không đồng nghĩa chấp nhận những điều trái với lời Phật dạy trong kinh.

Tang nghi của hàng Thích tử nói chung là ứng xử nghi lễ cần có trong phần cuối của cuộc đời, và cần được thống nhất trong thiền môn quy củ. Theo ngài Đạo Tuyên, *việc tang lễ, chôn cất, bắt nguồn từ các phong tục thế gian. Nếu quá đơn giản, tùy thời cho qua thì thành ra bất nhân. Nếu trang hoàng phung phí thì giống các nghi thức ở thế gian* [36].

Từ thực tế cho thấy, mãi đến hôm nay vẫn chưa có một khuôn mẫu tang nghi khả tín dành riêng cho bậc xuất sĩ. Hy vọng rằng, khi có nhiều bậc túc đức cùng trầm tư, thì ở tương lai không xa, tang nghi của hàng Thích tử sẽ trở về đúng nguồn cội.

Sống cái nhà, thác cái mồ là tín niệm mang tính bản địa. Phật giáo tôn trọng tín niệm này cũng như các tang nghi chuyển chở các giá trị nhân văn, nhưng không xem đó là mục tiêu tối hậu của đời tu. Vì suy đến cùng, việc quá chú trọng và chiều chuộng xác thân, dù khi sống hay sau khi chết, là những biểu hiện của tư duy hữu ngã.

[1] Ngạn ngữ Phật giáo. Nguyên tác xưa nhất của câu ngạn ngữ này được tìm thấy trong ngữ lục của thiền sư Viên Ngộ Phật Quả (1063-1135): *Sống như mặc thêm áo, chết như cởi hạ y* (sinh như mặc áo, chết như cởi áo). Xem, Đại tạng 47 冊 No. 1997 圓悟佛果禪師語錄, 卷第十三, 小參六. Ở Việt Nam, câu ngạn ngữ này cũng xuất hiện ở dòng đầu tiên trong bài thơ *Sanh tử* (sinh tử) của Trần Thánh Tông (1240-1290): *sinh như mặc áo, chết như cởi áo*

[2] Đại tạng 48 冊 No. 2025 敕修百丈清規

[3] Đại tạng 54 冊 No. 2127 釋氏要覽

[4] Đại tạng bổ biên 19 冊 No. 0103 禪林象器箋

[5] Thích Nguyên Tâm, *thâu lục, Thiền môn chánh*

độ viên tịch khoa nghi, bản lưu hành nội bộ, 2001.

[6] Monier-Williams, M. A *Sanskrit English Dictionary*. Springfield, VA: Nataraj Books, 2014. p. 1115.; Buddhadasa Mahāthera A.P. *Consice Pāli-English Dictionary*. Sri Lanka: University of Ceylon, 1949. p. 292.

[7] Hán tạng tương đương: 大正藏第 01 冊 No. 0026 中阿含經, 卷第二十九, 說無常經

[8] Đại tạng 24 冊 No. 1462 善見律毘婆沙, 卷第十一

[9] Đại tạng 54 冊 No. 2125 南海寄歸內法傳, 卷第二, 十二尼衣喪制

[10] Đại tạng 48 冊 No. 2025 敕修百丈清規, 卷第三

[11] Đơn cử gần nhất là tang lễ của HT. Thích Thông Lạc, ở Tây Ninh.

[12] Như tang lễ của HT. Thánh Nghiêm ở Đài Loan.

[13] Tác phẩm này dựa trên bộ Thanh quy của ngài Bách Trượng Hoài Hải (720- 784) biên soạn vào thế kỷ thứ 8, đời Đường. Do thất lạc nên đến thế kỷ XIV, cháu nối dòng là ngài Đông Dương Đức Huy, vâng sắc mệnh của nhà Nguyên biên soạn lại, lấy tên là *Sắc tu Bách trượng thanh quy*. Xem, *Sắc tu bách trượng thanh quy*, Thích Phước Sơn và Lý Việt Dũng, dịch, NXB. Tôn giáo, 2008

[14] Đại tạng 49 冊 No. 2035 佛祖統紀, 卷第四十四.

Nguyên văn: 僧二十三萬百二十七人. 尼萬五千六百四十三人

[15] Đại tạng 49 冊 No. 2035 佛祖統紀, 卷第四十四.

Nguyên văn: 錢唐月輪山沙門道誠. 以朝廷覃恩普度. 撰釋氏要覽三卷.

[16] *Tăng huy ký* gọi cho đủ là *Hành sự sao tăng huy ký* (行事鈔增暉紀), gồm 20 quyển, do ngài Hi Giác soạn. Theo *Tổng cao tăng truyện*, quyển 16, ngài Hi Giác ngoài kiến giải về Phật pháp còn rất am tường Dịch lý của Nho gia.

[17] *Bạch hổ thông* là một tác phẩm văn hiến quan trọng của Nho gia thời cổ đại. Theo *Phật tổ lịch đại thông tải*, quyển 5, vào thời Đông Hán (25-220) Hán Chương Đế ra lệnh cho Trịnh Huyền cùng những nho sinh khác biên soạn sách Bạch hổ thông. Xem, Đại tạng 49 冊 No. 2036 佛祖歷代通載, 卷第五. Nguyên văn: 帝命鄭玄等諸生作白虎通.

[18] Cao Xuân Huy, *Tư tưởng phương Đông - Gợi những điểm nhìn tham chiếu*, NXB. Văn Học, 1995, tr.197.

[19] 程顥, 程頤, 著. 二程集. 北京: 中華書局. 1981年版, 58 頁. Nguyên văn: 今有狂夫醉人, 妄以其先人棺槨一彈, 則便以為深讎臣怨, 及親拽其親而納之火中, 則略不以為怪, 可不哀哉.

[20] Bốn lần pháp nạn của Phật giáo Trung Hoa, được cô đọng trong bốn chữ: *Tam Vô nhất Tôn chí ách*.

[21] Đại tạng 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 第十七, 釋智顗.

[22] Đại tạng 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 卷第十七, 釋智顗. Nguyên văn: 人命將終. 聞鍾磬聲增其正念. 唯長唯久氣盡為期. 云何身冷方復響磬. 世間哭泣著服皆不應作. 且各默然. 吾將去矣.

[23] Đại tạng 50 冊 No. 2053 大唐大慈恩寺三藏法師傳, 卷第十. Nguyên văn: 於是門人遵其遺命, 以簾幕為輿, 奉神柩還京, 安置慈恩翻經堂內.

[24] 大正藏第 50 冊 No. 2060 續高僧傳, 卷第二十

[25] 大正藏第 50 冊 No. 2064 神僧傳, 卷第六.

[26] 大正藏第 52 冊 No. 2120 代宗朝贈司空大辨正廣智三藏和上表制集, 三藏和上遺書一首. Nguyên văn: 汝等須知.人代無常誰免此也.師資之道以法義情親不同骨肉.與俗全別.汝等若依吾語是吾法子.若違吾命則非法緣.吾壽終後.並不得著服及有哭泣攀慕.憶吾即勤加念誦.是報吾恩.亦不得枉破錢財威儀葬送.亦莫置其塋域虛棄人功.唯持一床.盡須念誦.送至郊外.依法荼毘.取灰加持.便即散却.亦不得立其靈機圖寫吾形.儒生七十二子尚有心喪.吾教灌頂相傳都不然也.

[27] Kinh Tương Ứng Bộ, tập 2, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2013, tr. 574-577.

[28] Áo lót phủ vai. Theo, 大正藏第 54 冊 No. 2130 翻梵語, 卷第三, 僧祇支

[29] Cái quần. Theo, 大正藏第 54 冊 No. 2130 翻梵語, 卷第三, 泥洹僧

[30] 大正藏第 24 冊 No. 1483a 佛說目連問戒律中五百輕重事. 問比丘死亡事品第十.

Nguyên văn: 僧與泥洹僧僧祇支自覆, 自餘盡入僧物, 一切不得埋. 埋滿五錢, 犯棄.

[31] Luật tổ Đạo Tuyên, Tứ phần luật san phồn bổ khuyết hành sự sao, tập 2, từ kho Thích Minh Thông chủ biên, NXB. Hồng Đức, 2017, Tr. 362

[32] 大正藏第 54 冊 No. 2128 一切經音義, 卷第六十, 五磨澀

[33] 大正藏第 04 冊 No. 0202 賢愚經, 卷第六

[34] Kinh Tiểu Bộ, tập 4, HT. Thích Minh Châu, dịch, NXB. Tôn giáo, 2015, tr. 644.

[35] 大正藏第 24 冊 No. 1483a 佛說目連問戒律中五百輕重事. 問比丘死亡事品第十.

Nguyên văn: 問: 師徒父母兄弟死, 得哭不? 答: 不得, 一舉聲犯墮.

[36] Luật tổ Đạo Tuyên, Tứ phần luật san phồn bổ khuyết hành sự sao, tập 2, từ kho Thích Minh Thông chủ biên, NXB. Hồng Đức, 2017, tr. 361



CHÚT TÌNH CHÂN

Mấy vần thơ đạo chút tình chân
Tặng khách tao nhân văn đạo Thiên
Đường trần vững bước tìm chân lý
Mén người, trọng đức gửi thi duyên
Mỹ quốc cờ hoa sương gió lạnh
Lòng như tuyết trắng phủ non cao
Tuệ trí sẵn đây nơi tự tính
Cát bụi hồng trần chẳng dính vương
Hồ hải vẫy vùng nay đã mỏi
Nghĩa cả từ bi đạo thấm nhuần
Tiếng lòng tự nhủ câu tình tẩn
Phật độ mai sau phúc quả viên!

VỊ ĐỜI DỊU NGỌT

Thế nhân đa số vẫn chưa hay
Duyên nghiệp vương mang mãi trả vay
Tình trường, bẻ ái ham đắm đuối
Hồi đầu thị ngạn thoát mê say
Đuốc tuệ soi đường xưa tăm tối
Chánh Pháp học rồi mới thấy hay
Phật Đạo dắt dìu bao kẻ khó
Vị đời dịu ngọt bớt chua cay!

thơ **DIỆU VIÊN**



ÁN TỬ CHUYỂN HÓA ĐƯỢC VỊ VUA NÓNG NÀY

(*Lá Thư Đầu Tuần* — tài liệu tu học của GDPTVN)

Anh chị em Lam viên thân mến,

Nhớ lại chuyện xưa, Án Tử chuyển hóa được một vị vua nóng nảy, hung dữ mà không động chạm gì đến vua, không nói một câu nào về vua. Thế mới hay.

Án Tử, một vị tướng tài giỏi phục vụ suốt ba triều: Linh Công, Trang Công và Cảnh Công, rất trung thành và cũng rất trung trực, lại là người thông minh, ứng xử nhanh nhẹn, khéo léo.

Vào thời vua Cảnh Công nước Tề, một lần, người phụ trách chăm sóc ngựa, bất cẩn để con ngựa quý của nhà vua đột nhiên lăn đùng ra chết. Vua tức giận lắm, truyền lệnh phanh thây tên giữ ngựa này. Lúc ấy Án Tử đang ngồi chầu, liền tâu vua: "Xin bệ hạ chậm lại một chút, ngày xưa vua Nghiêu, vua Thuấn, khi phanh thây người thì bắt đầu từ đâu trước? Để mình làm cho phải lẽ." Vua Cảnh Công hiểu ý, từ thời Nghiêu, Thuấn đến giờ chưa có hình phạt phanh thây như thế, nên truyền đem giam vào ngục rồi trị tội sau.

Án Tử lại tâu tiếp: "Tên tội phạm này chưa biết rõ tội mà phải bị giam vào ngục sẽ ngỡ là vua xử oan, xin mạn phép, vì bệ hạ vạch tội phạm nhân trước cho nó rõ rồi hãy tống giam." Vua nghe phải, liền chấp thuận.

Án Tử bèn kể tội hãm: "Nhà người có ba tội lớn, nhiệm vụ chăm nuôi mà để ngựa chết, không làm tròn phận sự là tội lớn thứ nhất. Con ngựa quý của Vua chết, xem như một bảo vật của triều

đình đã mất là tội thứ hai, lại là trọng tội, phải xử trảm. Để vua phải xử người tội chết, như vậy nhà vua sẽ mang tiếng với trăm họ, chỉ vì một con ngựa mà giết đi một mạng người, muôn dân sẽ oán thán, như vậy, người có phải là kẻ bất trung không?"

Cảnh Công nghe như thế, liền ra lệnh: "Thôi, tha cho nó, tha cho nó, kéo ta lại mang tiếng bất nhân."

Hay thật! Không động chạm gì đến vua và có làm gì phật ý vua đâu, thế mà chuyển hóa được lòng giận dữ hung ác của một ông vua, lại cứu được một mạng người! Đáng học tập Cảnh Công.

Gẫm lại, anh em mình đã thật tình thương yêu nhau, có khi hiểu rõ nhau nữa là khác, nhưng đã bao giờ thật tình góp ý xây dựng cho nhau những khuyết điểm, những lỗi lầm không đáng có. Vì thế, khuyết điểm càng ngày lại càng thêm, lỗi lầm càng ngày càng càng nhiều. Như vậy, e chưa hẳn là "thương," vì thương thật thì đâu cần ngăn ngại, sợ mình ăn nói vụng về; không đồng ý mà cứ giữ mãi trong lòng thì giúp nhau đâu chẳng thấy mà thêm gây ác cảm, sứt mẻ tình đoàn kết. Các anh chị nghĩ sao đây nhỉ?

Chiêm nghiệm bản thân mình, nhiều khuyết điểm lắm, lỗi lầm thì chồng chất, có ai thương góp ý cho mình đâu? Ai cũng nghĩ rằng: "Anh lớn mà," "Chị lớn mà," không dám động chạm. Thương thì thương thật đó, thương hết mình, nhưng kiểu ấy thì chưa "hết mình" đâu, thưa các anh

chị. Nên đổi cách suy nghĩ đi. Anh chị em mình có khuyết điểm gì, có sai sót gì thì đâu có lớn lao, ghê gớm như vua Cảnh Công?

Nhưng có những điểm nên thận trọng:

- 1) Thật sự có tấm lòng giúp nhau tiến bộ.
- 2) Trước tiên phải "hồi quang phản tỉnh," nếu mình lắm khuyết điểm mà không thấy, chỉ thấy lỗi của người là phản tác dụng.
- 3) Cần hiểu rõ tâm lý đối tượng (Cảnh Công đâu phải là vị vua nhân từ mà chỉ sợ "mang tiếng" nhưng về sau cũng dần dà chuyển hóa).
- 4) Biết sử dụng ái ngữ và ứng xử hợp lẽ, hợp tình.

Không muốn đâu, cần vận dụng "Chánh tư duy" vào phạm trù này, đừng để "tình trong như đã, mặt ngoài con e."

Đây cũng là vấn đề then chốt của người mang sứ mệnh giáo dục như chúng ta.

Thân ái.

(Trích "Những cánh Thư Lam" của Htr. Nguyễn Từ Nguyễn Đức Thương)



ĐOÀN KẾT (HÒA HIỆP CHÚNG)

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT

do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Dứng trước một sự kiện ở thế gian dù đúng lý hay nghịch lý cũng chưa hẳn là một sự kiện hoàn hảo. Hãy quán xét xa gần tìm mọi nguyên nhân bằng tâm hồn trong sáng thanh tịnh. Không dính mắc, vị tha, bình đẳng mới có thể tránh được những sai lầm do thái quá hay bất cập mà nên. Chính sự kiện này đem đến phiền não đau lòng.

Ở Thế gian không phiền não đau lòng nào trầm trọng tai hại cho bằng sự hiểu lầm và chia rẽ nội bộ. Nó là con trùng độc làm thối rửa cơ cấu và tiềm lực của tổ chức.

Là huynh trưởng là đoàn sinh Gia Đình Phật Tử, không thể quên câu chuyện dưới đây:

Ngày xưa, tại vùng Câu Xá Hi có một vị trưởng giả nhờ ngài A Thủ hướng dẫn mà thấm nhuần đạo lý nhà Phật. Ông thường cúng dường trai tăng, xuất kho bố thí cho kẻ nghèo khó. Ông chỉ có một con trai và nuôi thêm một đứa cháu trai con của người em gái, vợ mất sớm. Con và cháu tuổi cận kề nhau. Lúc sắp qua đời ông cho người mời ngài A Thủ đến và phó chúc rằng: "Tôi có một số báu vật riêng cất, chôn tại chỗ nọ, gia đình cháu con không ai biết đến. Mai kia hai đứa trẻ thành nhân, ngài thấy đứa nào có đức hạnh biết tin kính tam bảo, yêu thương kẻ nghèo khó, cô quả, tật nguyện, thì ngài chỉ chỗ chôn báu vật để

chúng có thêm phương tiện mà hành đạo giúp đời." Ngài A Thủ nhận lời và trưởng giả hoan hỉ lìa đời.



Khi hai trẻ lớn lên, con ruột trưởng giả giao du với hạng tà kiến, hoang lung phóng túng tiêu tán hết gia sản cha ông. Còn đứa cháu sống đời hạnh phúc siêng chăm học tập pháp Phật, yêu kính chúng sanh, bảo bọc đồng loại. Bởi vậy ngài A Thủ chỉ chỗ chôn báu vật. Chẳng mấy chốc người cháu trở nên giàu có lớn.

Sau khi gạn hỏi và biết được việc này, người con giận lắm, liền đến thưa cùng tôn giả A Nan rằng:

- Thưa ngài của cha mẹ để lại các con được hưởng hay các cháu ưu tiên được hưởng?

Ngài A Nan trả lời:

- Dĩ nhiên của cha mẹ

thì các con được hưởng.

Nó bèn nói:

- Thế sao của cha tôi để lại, ngài A Thủ lại lấy đem cho con của cô tôi cả?

Nghe xong ngài A Nan tức tốc đến trú xứ ngài A Thủ trách ngài là không có dạ công bình chưa xứng đáng là Sa Môn thích tử. Ngài A Thủ làm thinh nhưng không nhận lỗi. Các trưởng lão ở đây có biết chuyện đều xác chứng ngài A Thủ hành động đúng. Ngài A Nan trở về và hai ngài trở nên bất hòa hiệp với nhau. Trong một thời gian khá lâu. Sự kiện này làm tứ chúng môn đồ vô cùng đau buồn vì theo luật: Tăng bất hòa hiệp thì không thể tác tuyên luật định được, không nhận của đàn na tín thí, không giảng kinh thuyết pháp tạo sanh được.

Một hôm ngài La Hưu La du hóa qua vùng Ca Du Xa Vệ gần đó thấy khung cảnh toàn vùng u trệ kém vui. Hỏi ra được các tín nữ dòng họ Thích kể rõ đầu đuôi mọi chuyện. Nghe xong ngài La Hưu La bảo:

- Việc dễ ợt. Ít hôm nữa ngài A Nan sẽ đích thân qua đây, các người cứ làm như vậy, như vậy, mọi việc sẽ được an lành tốt đẹp.

Quả nhiên ít hôm sau ngài A Nan có du hóa qua đây. Khi ngài mới bước chân vào làng. Đoàn thiếu nữ đồng đạo kéo ra đánh lễ ngài. Họ phải để con xuống và khi đứng lên họ không chịu bồng con theo khiến chúng khóc thét lên. Thế nhưng họ vẫn nhất định đứng đó. Ngài A Nan trách: "Con là nùm ruột

của mình sinh ra, nghe các cháu khóc như vậy các người không xót sao?”

Năm trăm Thích nữ đồng bạch:

- Dĩ nhiên là chúng tôi đau lòng xót ruột, nhưng không thiết bằng sự bất hòa hiệp giữa hai ngài.

Ngài A Nan lạnh toát cả người, mồ hôi vã ra. Sau một phút xúc động nội tâm. Ngài vội vã quay gót trở về tịnh xá đánh lễ ngài Ưu Ba Ly xin hợp chúng. Khi chúng tăng cầu hội đã đủ, ngài Ưu Ba Ly hạ phủ xích hỏi:

- Ngài A Thủ có tội gì?

Ngài A Nan đánh lễ đại chúng bạch rằng:

- Ngài A Thủ không có tội gì cả. Chính tôi mới là người có lỗi.

Bạch xong ngài A Nan đến trước A Thủ đánh lễ. Tin ấy loan truyền rất nhanh. Mười phương thiện tín xiết đổi vui mừng, lũ lượt kéo nhau đến trụ xứ này cúng dường.

Anh chị em huynh trưởng và đoàn trưởng thương kính các bậc tôn túc thanh văn chỉ vì một lòng muốn được công bằng bình đẳng mà vướng mắc phải sai lầm hưởng hồ chúng ta phạm phu độn trí. Cho nên hãy sống và hành xử với nhau trong pháp chế Lục Hòa mới khử trừ được sân tâm cùng phát triển huệ trí trên con đường giáo dục trẻ hành đạo giúp đời vậy.

(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ—
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)



THÁNG CHẠP ĐÃ THẬT GẦN

*Em ơi tháng chạp đã thật gần
Hãy về đây!
Cùng ta trải hội mùa xuân
Hoa cỏ đơm bông dâng hương sắc cho đời
Người rộn ràng mơ một thời vận mới
Mùa xuân em ơi!
Trời đất thanh tân
Hồn tổ tiên miếu đường hiển hiện
Đời cháu con phát tiết tinh anh
Một sớm xuân xanh em mặc áo hồng
Rời phố thị về đồng tạo mộ
vạn đoá mai vàng điểm tô
Tình mang mang...
Con tim yêu thương ngập tràn
Mắt long lanh mà không nói nên lời
Em ơi, quê hương vẫn mãi mãi muôn đời
Gã du tử rong chơi
Hình bóng cô quận chưa hề rời tâm tưởng
Dù đi muôn phương vẫn chỉ một nơi quay về
Em ơi, mùa xuân trong trang thơ
Hay phơi phới giữa giòng đời xuôi ngược
Một sáng mùa xuân áo vàng hoa tha thướt
Mình gặp nhau, tỏa nắng nụ em cười
Tạ ơn đời!
Mình có mặt ở nơi này
Lãng đãng tháng ngày qua
Mình đến đây rồi sẽ sớm ra đi
Và mùa xuân thì ở lại
Tiếng hát bay cao đất trời chao cánh én
Hạnh phúc thì thăm ở bên em.*

thơ **HIỀN NGUYỄN**

Ất Lãng thành, 2018



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

TỔNG VỤ NI BỘ

10660 Rosalie Drive, Northglenn, CO 80233 – U.S.A.

Tel.: (303) 350-3570 ; (303) 350-7252

NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT
Thư Mời Tham Dự Hai Ngày Ôn Tập
“GIỚI LUẬT VÀ CÁC PHÁP YẾT MA”

Kính gửi Quý Ni Sư, Quý Sư Cô,

Để nâng cao tinh thần tu học và phát triển tinh đoàn kết của Ni giới Hoa-Kỳ, chúng con thay mặt Ban-điều-hành Tổng vụ Ni Bộ thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, thành kính cung thỉnh quý Ni Sư, quý Sư Cô tham dự hai ngày ôn tập Giới Luật Tỳ-Kheo-Ni và đặc biệt là các Pháp Yết Ma.

Buổi học sẽ được tổ chức tại chùa Bát Nhã:

4717 W. 1st. Street., Santa Ana, California, 92703

Hai ngày, từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều.

Thứ Tư & thứ Năm, ngày 5 & 6 tháng 12 năm 2018

Chúng con thành kính cung thỉnh quý Ni Sư và quý Sư Cô. Và xin hồi báo càng sớm càng tốt, để Ban tổ chức chúng con chuẩn bị thức ăn sáng và trưa. Kính xin Quý Sư, vui lòng gọi Sư Trưởng Giới Châu.

Cell. (303) 350-7252 – hoặc – Sư Cô Nguyễn Giác. Cell. (714) 277-7843.

Kính chúc quý Ni Sư, quý Sư Cô thân tâm thường lạc, Phật sự viên thành.

Thành kính cung thỉnh,

Colorado. PL. 2561– ngày 17 tháng 10 năm 2018

Quyển Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ



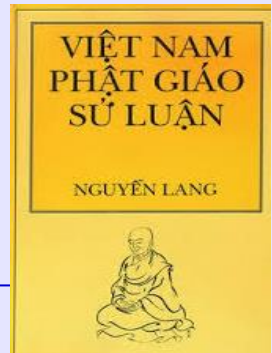
Thích Nữ Giới Châu
TKN. Thích Nữ Giới Châu

LÝ HỌC VÀ PHẬT GIÁO

(Chương XXIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo kỳ trước)

MỘT TỔNG HỢP NHO PHẬT ĐỘC ĐÁO

Những sở đắc về Nho học của Hải Lượng được ông đưa vào trong các đề tài thiền quán ấy; vì vậy nhiều lúc ta thấy những giáo lý của Phật Giáo được trình bày qua cái nhìn của một nhà Nho học, ta hãy thử xét đề tài thiền quán thứ nhất để thấy rõ điều ấy.

Đề tài thiền quán thứ nhất là không thanh, âm thanh của cái Không. Không (Sunyata) là một ý niệm căn bản trong Phật Giáo Đại Thừa. Nó cũng là một ý niệm quan trọng trong Lão học. Phía Nho học thì Không tương đương với Vô Cực của Chu Liêm Khê, với Hư của Trương Hoành Cừ, với Lý của Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên. Thật là một đề tài lớn. Đề tài được nêu ra như sau:

"Tiếng là do ở sự đập gõ mà phát sinh. Gõ lớn thì tiếng lớn, gõ nhỏ thì tiếng nhỏ – đều có duyên cớ mới có thể phát sinh. Tiếng đã do duyên cớ mà phát sinh thì cũng có lúc phải im lặng. Nhưng nếu giữa khoảng không trung mà tự nhiên có tiếng, thì tiếng ấy không từ đâu lại cũng chẳng đi về đâu cả: muốn đón nó cũng không biết nó bắt đầu từ đâu, mà muốn theo nó cũng không biết nó đi về đâu. Nó choang choang xoang xoảng không lúc nào ngừng.

"Khi vận Tý chưa khai, vận Sửu chưa đóng thì tiếng đó còn ở trong chỗ hỗn độn mịt mờ. Khi khí Dương đã giáng thì Âm đã thăng thì tiếng đó ở khắp vũ trụ bao la. Hành thức của ta từ xưa đến nay chỉ có thể nghe nó mà không có thể tìm nó, cho nên mới gọi là Không. Không tức là cái tiếng không tiếng chứa ở trên đời vậy."

Đứng về phía Phật học mà nói thì không là thể tính của vạn hữu, bất sinh bất diệt, không từ đâu tới cũng không đi về đâu (vô sở tòng lai diệt vô sở khứ), không thể diễn tả bằng ngôn ngữ khái niệm (vô thanh chi danh). Đứng về

phái Nho học mà nói thì Không là Thái Cực là khí hỗn nguyên (hỗ độn). Đó là âm thanh thứ nhất mà nhóm Hải Lượng muốn đánh lên. Khởi điểm như vậy thì Nho Thích có thể được gọi là đồng nguyên hay không, đó là vấn đề đặt ra. Ta thử đọc thêm phần thứ hai để thấy rõ thêm nữa ý hướng dung hợp Nho Phật.

Phần thứ hai, như đã nói, tương đương với phần Tụng trong lối văn Tụng Cổ, nhằm nhắc lại đề tài một lối khác, mong hướng dẫn người tư duy đạt tới sự hiểu biết. Hãy để ý ngôn ngữ nửa Thiền nửa Nho trong đoạn này:

"Hải Lượng đại thiên sư đánh lễ ba vị tổ Trúc Lâm ở quán Huyền Thiên, bên tả có tăng sĩ Hải Hòa, bên hữu có tăng sĩ Hải Thịnh cùng 24 người đồ đệ. Các đồ đệ bạch với sư rằng: Nho gia nói về Dục, vậy Dục là gì? Sư đáp: Dục cũng như là khuynh hướng đi xuống của nước và đi lên của lửa. Bạch: Khi ta theo đúng Lý thì thế nào? Đáp: Không thể nào theo Lý một cách tuyệt đối được.

"Nghe nói vậy, tăng chúng liền quay lưng lại mà ngồi. Sư thở ra một cái, rồi ngồi co lên một chân. Vị tăng Hải Hòa ngồi bên tả bạch rằng:

– Sao đại sư lại co lên một chân?

Đáp:

Muôn nước về Đông, nước Nhược Tây Ngàn hoa với cúc sánh sao tày?

Vị tăng tiếp:

Nước chảy Đông Tây xe chuyển trục
Sớm chiều hoa nở kiển đi quanh.

Đại sư nói lớn:

Dậy, dậy, dậy đánh không dậy,
Ngủ, ngủ, ngủ, mắng mới ngủ

Vị tăng bên hữu rời khỏi chỗ ngồi, tiến tới trước mặt sư, hỏi:

Thuyền đi xuôi dòng

Ngựa dừng nẻo bí

Một ngừng một đi

Nào ta cố ý?

Mới đây Điều Ngự Giác Hoàng ở dưới gốc cây Cồ Đàm biến tác vô số hoa đàm. Những hoa này nở mà không nở, gói thối mới nở rộ, rụng mà không rụng, mưa sa mới rụng. Có một con chim xanh ngậm hoa bay đi. Hoa bỗng lặn vào cánh chim, và cánh chim lại đều biến ra hao. Sự bèn quan sát chim để phân biệt đầu là chim đầu là hoa và đọc bài kệ:

Thân chim không phải chim

Cánh hoa không phải hoa

Bay hay ngừng tự ý

Wướng bận gì lòng ta?

Vị tăng bên hữu chấp tay niệm:

- Sắc không phải sắc, ấy là không

Vị tăng bên tả tiến lên nói:

Ngựa trên đường phẳng đi không vấp

Cây nhắm gốc cứng nhỏ không lên

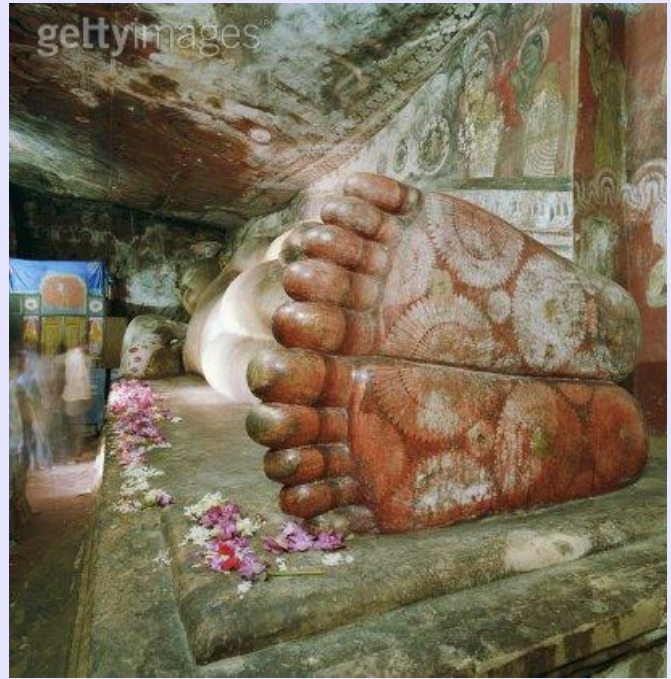
Vị tăng bên hữu trật vai áo bên hữu ra mà trả lời:

- Đường phẳng là ngựa thuận với Lý, gốc cứng là cây nghịch với Lý. Lý có thuận có nghịch; nếu ta không biết áp dụng thái độ vô chấp trước thì không thể theo Lý được.

"Lúc đó thiền sư liền chống ngược cây gây trúc, tiến lên Am mà đánh lễ đức Thế Tôn."

Ta nhận thấy đứng về hình thức, cuộc đối thoại đã mang sắc thái của một cuộc tham vấn thiền học. Hải Lượng ngồi ghế thiền sư, còn những người tham dự là thiền sinh. Những câu trả lời cũng vẫn tắt và mang tính chất ngụ ý. Hình ảnh được chọn lựa và đưa ra, nhiều hình ảnh được trình bày bằng hình thức kệ. Tuy vậy, đứng về phương diện nội dung, ngôn ngữ này vẫn còn là ngôn ngữ triết học hơn là thiền học. Hình ảnh "mắt cây" mới thấy tưởng là một hình ảnh có tính chất "chỉ vật truyền tâm" (như hình ảnh "cây tùng trước sân" của Lâm Tế) kỳ thực chỉ là một thí dụ theo kiểu thí dụ trong kinh Pháp Hoa. Hình ảnh nước Nhược chi và hoa Cúc, hình ảnh Chim và Hoa, v.v... cũng chỉ là những thí dụ. Cái khác nhau giữa một thí dụ và một công án (hay một vật dùng để truyền tâm) là ở chỗ thí dụ dùng để chở một ý tưởng, còn công án thì không phải chuyên chở gì hết, nhưng lại có công năng đập vỡ màn vô minh, đưa người thiền sinh vào thẳng thực tại, không cần đi qua cánh cửa suy luận. Nói một cách khác, những hình ảnh của cuộc đối thoại trên đây đại diện cho những ý tưởng có thể diễn tả được bằng ngôn ngữ và khái niệm.

Đặt câu hỏi về Lý ở chương này, nhóm Hải Lượng đã đồng nhất lý với vô cực, với đạo, tức cái phần hình nhi thượng của vũ trụ, của khí, theo nghĩa của Trình Minh Đạo. Trình Minh Đạo đã viết: *"Cái nào mà làm cho có Âm có Dương nghĩa là Đạo, và bản thân của Âm Dương là khí. Khí là cái hình nhi hạ. Đạo là hình nhi thượng..."* Theo Hải Lượng, lý là không, là vô cực, là cái mà *"khí vận Tỳ chưa khai, vận Sửu chưa đóng thì vẫn còn ở trong chỗ hỗn độn mịt mờ."* Lý cũng là Đạo, là đường lối vận hành của vũ trụ vạn vật. Con người phải thuận theo đường lối ấy, bởi vì thuận theo thiên nhiên mới



tồn tại được (thuận thiên giả tồn). Tuy nhiên Hải Lượng bảo: không thể thuận theo lý một cách tuyệt đối được. Điều này làm cho mọi người ngạc nhiên, không thể chấp nhận, cho nên ngồi quay lưng lại. Lời tuyên bố động trời của Tuệ Trung: "Sắc chẳng phải không, không chẳng phải sắc," do đó, có tính cách gây xúc động cho người nghe. Điều này drát gần gũi với Thiền học.

Giải đáp của Hải Lượng thế nào? Ông nói có những trường hợp phải đi ngược với Đạo. Sự đi ngược này, nếu cạn cợt mà xét thì chỉ là một sự đi ngược, nhưng nếu xét nó trong ánh sáng của đục, nghĩa là tính chất và khuynh hướng nằm sẵn trong tự thân của sự vật (như nước chảy xuống, lửa cháy lên) thì sự đi ngược vẫn nằm trong Lý. Mọi loài hoa đều nở trong mùa Xuân mùa Hạ, Hoa cúc đơn độc nở trong tiết thu lạnh lẽo. Hoa cúc đơn độc nở trong tiết thu lạnh lẽo, hòa Cúc không cần vâng theo Lý bởi vì nó là một loài hoa đặc biệt. Nếu hoa Cúc nở vào mùa xuân thì nó không còn là hoa Cúc nữa. Vì vậy, đối với hoa cúc nở ào mùa xuân là theo Lý mà kỳ thực là không theo Lý. Muôn dòng đều chảy về Đông, duy dòng Nhược chảy về Tây. Nhìn sâu vào thực tại, ta thấy Lý có thuận và có nghịch: nhờ những nghịch lý mà ta khám phá ra rằng cái Lý mà ta tưởng là Lý tuyệt đối kia chẳng qua chỉ là Lý tương đối. Cái lý tuyệt đối, bao gồm cả thuận cả nghịch. Nước xuôi thuyền đi, lối bí ngựa dừng, một co một duỗi một bế một thông, có thuận có nghịch... các điều đó không trái chống gì nhau cả. Không theo lý mà là theo lý, hoa lặn vào chim, chim trở lại thành hoa; sắc tức là không, không tức là sắc. Điều đó chỉ có thể nhận thức được, và Lý có thể thuận theo được khi đạt đến thái độ phá chấp. *"Nếu không áp dụng được thái độ phá chấp thì không thể theo Lý được."*

Ta thấy rằng lối tổng hợp Nho Phật trên đây cũng gây được khá nhiều hứng thú. Để giới thiệu các thiền sư Hải Âu, Hải Hòa, hai vị tăng sĩ đã biên tập Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh, chúng ta hãy đọc vài lời bình luận của hai người về vấn đề này.

Hải Âu là vị tăng sĩ lớn tuổi nhất, được gọi là Hải Âu hòa thượng. Lời bàn của ông bao giờ cũng được đặt trước lời bàn của Hải Hòa. Hải Âu viết:

"Nói rằng không thể làm theo Lý một cách tuyệt đối, là khi mình nhìn vào sự vật mà nói. Tuy nhiên, có người có thể ứng sự mà không kẹt vào sự, tiếp vật mà không kẹt vào vật: điều này chỉ có những bậc Bồ Tát thực sự mới có thể làm được. Chim ngậm hoa mà bay, hoa hóa thành cánh chim, huyền cảnh lằng xằng làm mê loạn tâm mục của người; nếu không có linh căn và tuệ nghiệp thì mấy ai thoát khỏi sự lằm lẩn trong khi phải ứng tiếp cảnh vật chân chân huyền huyền của hoa và chim. Đại thiền sư quan sát chim mà nhận thực được đâu là cánh chim, đâu là bông hoa, biết rằng:

Thân chim chẳng phải là chim
Hồn hoa không phải là hoa
Ngậm hoa, chim ấy bay đi mất
Đàm hoa tự tại vẫn là hoa
Chim vẫn là chim, hoa vẫn hoa
Lại qua trước mắt đâu bận lòng ta?

"Nhờ thế cho nên vị tăng ngồi bên cạnh mới ngộ được lý sắc không và thấy được sự phá chấp, và Đại sư mới chống ngược gây trúc, tiến lên am lễ Thế Tôn. Tất cả tinh thần nằm ở chữ ngược và chữ tiến lên. Những chi tiết đó chứng minh cho sự biện luận về Lý và Dục, Thuận và Nghịch, sự thích nghi giữa Có và Không, Đi và Ngừng, là nguyên tắc tùy cảnh ngộ mà an, cùng sự vật mà hóa tuy mình ở ngay trong đó mà chân tính của mình không vì thế mà lu mờ được."

Hải Hòa có lẽ cũng thuộc môn phái Chân Nguyên vì ông có nói đến "thiền sư Chuyết Chuyết của ta" trong chương thứ 11 nói về Trác Thanh. Về vấn đề Lý và Dục ông viết:

"Xiển minh cái áo nghĩa của Lý, khai thị cánh cửa của Tâm, đó là phận sự đầu của thiền gia vậy... Đem thuyết của nho gia ra mà bàn cũng chỉ là để thành khăn mà nói rằng đạo Phật là một mà thôi: chỗ huyền diệu của Nho và Thiền mà chỗ tác dụng của Thiền là Nho. Gạt bỏ những chi tiết rườm rà tầm thường về văn tự và cấm giới để tìm tòi, thì cái đạo ấy có thể gọi là cái đạo nhất quán.

"Lý là gì? Lý là sự thích hợp và thỏa đáng, nhìn về khía cạnh sự vật mà nói. Dục là gì? Dục là {sự thích hợp thỏa

TRONG CÔI SINH LINH

*Trầm lặng giữa hồng trần
Tâm người không buông lung
Trắng thanh cội tịch mịch
"Nhi Hưng Đại Bi Tâm"!*

thơ BẠCH X. PHÊ



đáng}, nhìn về phương diện tâm tính mà nói. Lý mà sở dĩ là lý, vì nó có ngang dọc, thẳng cong, cũng như cái lý của {các cảnh} cây vậy. Nếu có thể theo Lý một cách tuyệt đối, thì cần chi phải có mực thước quy củ? Và còn cần chi đến những hạng người như Lỗ Ban, Ly Lâu và Công Thâu nữa?

"Đại sư khi xử thế thì theo Nho, khi xuất thế thì theo thiền, đâu có phải là nói ra những lời biện luận, cố làm cho người đời kinh ngạc. Đó là vì đại sư có thể ưu du trong lý ấy mà cũng có thể siêu xuất ra ngoài Lý ấy. Chỉ có điều cái thấy của mình đã chân thật, cho nên lời nói của mình có thể phá được {mọi sự chấp trước}.

"Lý có thuận có nghịch, không thể cái gì cũng theo Lý, những gì thuận thì có thể theo. Há chẳng thấy cây trúc thuận lý tự nhiên mà mọc thẳng lên sao? Tuy nhiên khi chặt ra làm chiếc gậy, thì tay cầm đằng gốc phía trên mà ngọn quay xuống đất. Như vậy thì Lý hay chẳng phải Lý? Chống ngược gậy trúc là Lý hay không là Lý?"

(còn tiếp)

Quyển sổ Phật ghi điểm

TN. DIỆU PHÚC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mỗi ngày má phải ra chợ bán hàng từ sáng đến chiều tối mới về. Thường thường cả nhà cơm nước, dọn dẹp xong ai có phần việc nấy. Riêng má đêm nào cũng vậy, cỡ tám giờ tối là khoác chiếc áo màu lam đi thắp hương bàn Phật và ông bà rồi ngồi xếp bằng ngay ngắn trước bàn thờ niệm Phật.

Tối nay má không ngồi niệm Phật như mọi lần mà cứ loay hoay như đang tìm cái gì đó. Tôi lo lắng hỏi:

"Má bị mất cái gì hờ má?"

"Má tìm quyển sổ."

Tâm vội hỏi:

"Sổ nợ hờ má?"

Má nhẹ nhàng:

"Không, quyển sổ Niệm Phật Công Cứ má để trên kệ đầu giường mà nãy giờ tìm hoài không thấy."

Ut nhanh nhẹn chạy đến bàn học lấy quyển sổ có bìa màu trắng chạy đến hí hửng:

"Phải quyển này không má?"

Má mừng rỡ:

"Đúng rồi. Mà con lấy làm gì vậy?"

Ut gãi đầu, bẽn lễn:

"Thì tại con thấy má tỏ màu gì mà xấu hoắc nên con tỏ lại, sẵn tỏ hết quyển tập giùm má luôn."

Tưởng sẽ được khen hay lời cảm ơn, ai ngờ mọi người nghe giọng má hốt hoảng:

"Thôi chết má rồi."

Mọi người đồng thanh:

"Sao vậy má? Bộ có gì nghiêm trọng trong quyển sổ đó sao?"

Giọng má nghiêm thật:

"Đây là quyển Niệm Phật Công Cứ thầy trú trì trên chùa cho má. Thầy nói bản niệm Phật này giống như chứng chỉ thông hành để đến cảnh giới cực lạc. Khi nào niệm xong hết quyển thì đem trình thầy ký tên đóng dấu chứng nhận, má niệm được gần nửa quyển rồi đó. Bấy giờ Ut tô màu lên hết trơn má sao nhớ được đã niệm tới đâu."

Ut lí nhí:

"Con xin lỗi. Con đâu biết đó là quyển sổ Phật ghi điểm cho má."

"Má lên xin thầy quyển khác, thầy hiền khô không bắt tội má đâu mà sợ," Thư lên tiếng.

"Má sợ đắc tội với Phật con à." Rồi má trầm ngâm:

"Nếu thầy cho quyển mới thì uống công má niệm lâu nay. Hơn nữa mấy bà bạn trên chùa chê má lười sao."

"Không sao đâu, má xin quyển mới về mấy chị em con niệm phụ cho, chắc chắn sẽ hơn mấy người bạn của má," Tâm nhanh nhẩu nói.

"Í đâu có được, thầy nói ai tu nấy chứng sao mà tu giùm được."

Tâm còn chèo kéo thêm:

"Thì má con giúp đỡ nhau là chuyện phải đạo mà."

"Thôi tui con đi nghỉ đi, để rằm má lên chùa bạch với thầy xem sao."

Chiều rằm và ba mươi

âm lịch hàng tháng má thường nghỉ bán hàng để đi chùa lạy sám hối, thỉnh thoảng mấy chị em tôi cũng đi theo. Rằm này như để ủng hộ tinh thần cho má nên cả nhà cùng đi chùa. Má dắt cả nhà vào lạy Phật và ra sau nhà tổ chào thầy trú trì. Má kể hết sự tình về quyển sổ niệm Phật cho thầy nghe. Thầy không rầy mà còn xoa đầu Ut là cố hiếu với mẹ rồi thầy giảng cho cả nhà nghe về ý nghĩa của sự niệm Phật. Thầy nói quyển sổ mà con gọi là Phật ghi điểm, thật ra đó là chữ Tổ phương tiện bày ra cho những người mới phát tâm tâm hướng về cõi Tịnh độ thì phải nương theo bảng công đức này mà hành trì.

Thầy đưa tay chỉ vào bức tranh có 20 hoa sen, mỗi đóa sen có 10 vòng, mỗi vòng có 5 chấm, mỗi chấm tương đương với niệm 100 xâu chuỗi tràng 108 hạt. Như vậy tổng cộng là 10.000 tràng chuỗi. Phía dưới quyển sổ có ghi họ tên, pháp danh của người niệm Phật và pháp hiệu của Bốn sư. Trước khi ra về thầy hoan hỷ trao cho mỗi người một quyển sổ và dặn nhớ tinh tấn niệm Phật. Cả nhà Ut hôn hờ vái tạ cảm ơn thầy, có lẽ má là người vui nhất trần đời. Tôi thầm nghĩ má có liên tưởng đến câu chuyện "Tái ông thất mã" không ta, rồi cười một mình.

Từ đó nhà tôi như có thêm niềm vui là nhắc nhau niệm Phật, thỉnh thoảng nói khích

nhau về sự giải đãi của từng người: Tâm và Thư bị tổ khổ - hai người chống chế:

"Tại đi làm về mệt quá."

Tôi địa thêm:

"Lười cũng có con ma đó nha, ma thấy người niệm Phật nó đâu có thích, nên ai mà lười là nó mừng lắm vì ma có thêm bạn."

Nghe tới đó Út le lưỡi:

"Éo ui, ghê quá!"

Cả nhà như chột nhớ cô nàng Út lâu nay sao thấy im re. Má hỏi:

"Mấy nay con có niệm Phật không? Thầy trú trì hỏi thăm con đó."

Út cười tùm tùm lòi trong cặp sách quyển sổ niệm Phật công cú có đề tên mình ngoài bìa, chậm rãi lật từng trang rồi nghe mặt:

"Ngạc nhiên chưa?"

Thư "đập" lại ngay:

"Khỏi ngạc nhiên đi. Cả nhà có ai thấy Út lần chuỗi rột rột đâu mà nhanh hết vậy? Chỉ có nước Út mang lên trường rủ bạn ngồi tô cho đẹp thôi. Đúng không?"

Út cứng rắn:

"Mọi người không ai tin con hở? Không niệm mà dám tô vào cánh sen này mang tội chết."

"Vậy chớ Út niệm giắc nào?" Má nhẹ nhàng hỏi.

"Dạ, Út không niệm nhưng bà Bảy niệm còn Út tô màu."

Mọi người cười ồ:

"Thì ra là vậy."

Út nói:

"Để con kể cho nghe: Gần trường con có bà cụ già mặt hiền queo à. Mỗi lần học về con thấy bà hay ngồi trên chiếc võng đong đưa cột giữa cây khế và cây ổi trước nhà, bà nghe tai như lắng nghe chim hót. Bữa đó con thấy cây khế trái chín vàng lủng lẳng, rủ nhỏ bạn vào tính xin bà chùm khế, khi vào tới nơi mới biết bà bị mù. Từ đó tụi con quen và biết bà tên bà Bảy. Mỗi lần tụi con muốn vào nhà phải lên tiếng để bà bảo hai đứa chớ cò ngưng sữa và nằm im vầy đuôi bên chân bà. Một hôm con cầm bàn tay khô đét như que củi của bà hỏi: 'Bà



Bảy ngồi đây có buồn không?' Bà nói: 'cũng có khi buồn vì nhớ mấy đứa cháu ở xa.' Con dụ khí: 'Ngày mai con sẽ chỉ cho bà một chiêu đặc biệt bà sẽ hết buồn ngay.' Bà cười móm mém: 'Chiêu gì nghe hấp dẫn vậy? Thường trước cho hai đứa con bốn trái khế đó.' Hôm sau con đem đến cho bà 10 que nhựa. Mới cầm bà la lên: 'Bà đâu có học toán như bây mà đưa cái này.' Con nói: 'Từ từ, bà bình tĩnh.' Con lôi tiếp trong cặp ra tràng chuỗi 108 hạt đặt vào tay bà và dặn: 'Đây là bửu bối của con, con cho bà mượn. Bà cứ lần một hạt niệm một câu "Nam mô A Di Đà Phật" đến cái bình hồ lô này bà ngưng và lấy một que đặt qua một bên. Mỗi ngày bà niệm cho con 10 tràng, chiều học về con sẽ tô cho bà một cánh sen...' Nghe con nói một hồi bà bật cười: 'Nào tới giờ bà đâu có biết niệm Phật, giờ bây bắt bà niệm chi vậy?' 'Bà biết không' con nói, 'thầy trú trì dạy: "Ai niệm Phật sẽ được về với Phật. Ở cõi Tịnh độ không có khổ mà rất vui, muốn gì được nấy.' Thí dụ bà niệm Phật nhiều mắt bà sẽ sáng ra.' Bà Bảy cười: 'Xạo hoài.' 'Con nói thiệt mà không tin, bà thử đi rồi biết.'"

Tâm cắt ngang:

"Bà Bảy đâu có biết là Út bần một mũi tên mà trúng tới hai đích đâu."

"Là sao hở anh Tâm?" Út hỏi.

"Là Út vừa dụ bà Bảy có khế, có ổi để ăn khỏi tốn tiền, rồi khỏi tốn công niệm Phật mà có sổ trình thầy chớ sao."

"Hi, hi... điều này anh nói mới đúng một nửa. Lúc đầu em cũng có ý đó thiệt, tính nhờ bà Bảy tu giúp nhưng từ khi có xâu chuỗi niệm Phật

em thấy bà Bảy vui nên em đã chuyển ý. Chứng minh là mỗi khi tụi em ghé nhà bà cười luôn miệng, có bữa bà khoe: 'Bữa nay, bà niệm tới 20 que lận đó. Ủ mà con nói con tô màu vào cánh sen cho bà là sao? Con giải thích cho bà rồi về thêm bức tranh bằng lời nữa chứ.' Nhà mình biết tranh bằng lời là sao không? Con nói bà Bảy nhắm mắt lại và hình dung đức Phật đứng giữa mây trời, hào quang năm sắc rực rỡ xung quanh, cánh tay phải ngài duỗi thẳng ra mà thầy bảo là đức Phật đưa tay cứu vớt mọi loài đau khổ để giúp họ được về cõi Tịnh độ an vui đó bà. Còn tay trái đức Phật cầm một đóa sen hồng để ngang ngực. Nghe tới đó bà Bảy nheo nheo đôi mắt: 'Ồ đẹp quá!' Con nói: 'Bà thấy Phật rồi phải không? Vậy thì mỗi lần niệm Phật bà hãy nhắm mắt lại và nhớ ngẩng mặt lên một chút bà sẽ thấy Phật ngay. Bà nhớ niệm Phật cho nhiều, con sẽ tô cánh sen thiệt đẹp cho bà. Khi nào tô xong quyển sổ con sẽ trình thầy trú trì để thầy cầu nguyện cho bà.' Bà Bảy mỉm cười gục gặc đầu. Con thấy thương bà Bảy quá. Con thiệt lòng muốn tạo cho bà niềm vui chứ không phải vì mấy trái khế trái ổi đậu nha. Con đã tặng luôn chuỗi 108 hạt của con cho bà, con còn đọc cho bà câu thơ gì mà má hay đọc mỗi khi lạy Phật: "*Kính lạy Phật Di Đà / Con nay xin phát nguyện / Thường niệm danh hiệu Ngài / Sống an vui tự tại.*" Bà thích quá năn nỉ con chỉ bà học cho thuộc. Con hẹn bà bữa khác, về trễ sợ chị Hai rầy."

Má ấp hai bàn tay nhỏ của Út ngang ngực, giọng cảm động:

"Con biết thương người già yếu như vậy là tốt lắm. Để má thỉnh cho con xâu chuỗi khác."

Út cười:

"Dạ thôi má, con niệm xâu chuỗi tay này cũng được vì con còn phải học bài. Mà má nhớ đừng méc thầy chuyện con nhờ bà Bảy tu giúp nha. Quê lắm!"

Chùm tứ cú lục bát tiền năm cũ

SẮP QUA

*Sắp qua lững thững năm cùng
Trôi đi tháng tận có buồn có vui
Lịch tờ mai sớm lặng rơi
Bài thơ tình cũ mới rời khỏi tim.*

HÃY QUÊN

*Ưu phiền đã đến sẽ đi
Soi gương bắt nắng, phủi tay mà cười
Xuân tươi mới mẻ đất trời
Nửa đêm tắm gội cất lời tinh toanh.*

ÔM ĐÀN

*Nhện giăng góc tối cũ càng
Nặng lòng thịn thít cây đàn lãng quên
Mai vàng rộ nở chợ đêm
Ôm đàn tôi ngỡ ôm em mà mừng.*

HOA TẾT

*Ngàn hoa héo úa chập chùng
Để ngàn búp nụ nở mừng xuân sang
Phố phường thơm bước lang thang
Dừng chân tôi mới ngỡ ngàng ngắm em.*

HÔN TRANH

*Bóng hình treo mảnh tường rêu
Vòn mưa đùa nắng gác nghèo lặng câm
Nét xưa đậm sắc phong trần
Cuối năm hạ xuống ba lần hôn lên.*

THƠ XUÂN

*Nhịp xuân lục đục trong lòng
Vần xuân chút chút đêm hôm gọi bày
Chữ mơn đập cánh đòi bay
Ý xuân vừa thoáng đã đầy bỏ thơ.*



thơ

MÃN ĐƯỜNG HỒNG



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada
Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9
BAN TỔ CHỨC
CHÙA ĐẠI BẢO TRANG NGHIÊM - CALIFORNIA
2553 Darwin Street, Hayward, CA 94545 * Tel.: (916) 346- 6583
Email: daibaotrangnghiem@gmail.com

THÔNG BẠCH SỐ 1

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật Tử,

Đức Phật và chư Tổ đã từng khuyến thị rằng đời người ngắn ngủi, vô thường lão bệnh đến không hẹn người, sớm còn tối mất khó ai biết trước, đến khi lâm chung thì tài sản vật chất không còn là của mang theo. Duy chỉ có nghiệp lực đuổi theo chúng ta như bóng với hình. Do nghiệp lực làm chánh nhân dẫn dắt chúng ta thọ sanh trong thế giới muôn vàn bất an và khổ lụy này. Để giải thoát khổ đau, không có con đường nào khác hơn là tu học Phật Pháp.

Chính vì lẽ đó, chư tôn đức giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm để tạo thắng duyên tu học cho đồng hương Phật Tử.

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9 năm tới - 2019 sẽ do Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm – Hayward, California đảm nhiệm việc tổ chức, địa điểm và thời gian được sắp xếp như sau:



Địa điểm:

DOUBLE TREE BY HILTON NEWARK
39900 BALENTINE DRIVE, NEWARK, CA
94560

Thời gian:

Từ Thứ Năm đến Thứ Hai, ngày 25 - 29 tháng 7
năm 2019

Khách sạn này có đầy đủ phòng ốc và phương tiện sinh hoạt cần thiết để tham dự viên được an tâm và hoan hỷ tập trung vào việc tu học.

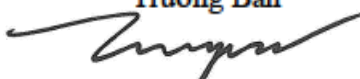
Quý Phật tử nào phát tâm muốn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9 xin lưu tâm một số điểm như sau:

- 1- Gửi phiếu Ghi Danh và Hồi Báo về cho Ban Tổ Chức bằng thư hay email tại địa chỉ như trên letterhead đã ghi, kể từ ngày ra thông bạch này đến ngày 30 tháng 6 năm 2019;
- 2- Để giúp Ban Tổ Chức có đủ tài chánh trang trải chi phí thuê khách sạn trong suốt 5 ngày 4 đêm tham dự Khóa Tu Học, mỗi Phật tử tham dự xin đóng \$300 USD (ba trăm Mỹ Kim), nếu là vợ chồng thì xin đóng \$500 USD (năm trăm Mỹ Kim), và mỗi con em dưới 14 tuổi đi theo xin đóng thêm \$200 USD (hai trăm Mỹ Kim);
- 3- Ban Tổ Chức sẽ đài thọ việc ăn uống trong suốt thời gian Khóa Tu Học;
- 4- Khóa Tu Học cũng có lớp đặc biệt miễn phí dành cho chư Tăng, Ni. Vì vậy chư Tăng, Ni nào muốn tham dự Khóa Tu Học xin gửi phiếu Ghi Danh và Hồi Báo về Ban Tổ Chức kể từ ngày ra thông bạch này đến ngày 30 tháng 6 năm 2019;
- 5- Quý Phật tử ở xa đi bằng máy bay, xin mua vé máy bay về 1 trong 3 phi trường sau đây: Phi Trường San Jose, San Francisco, và Oakland để tiện việc đưa đón;
- 6- Để tiện việc đưa đón cho kịp thời gian sắp xếp phòng khách sạn và tham dự khóa học đầu tiên thông qua Chương Trình và Nội Quy Khóa Tu Học, xin quý Phật tử mua vé đến 3 phi trường nói trên trước 3 giờ chiều ngày 25 tháng 7 năm 2019;

Quý Phật tử đã có thiện duyên tham dự các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ 8 lần trước đây, chắc chắn cảm nhận được những lợi lạc vô giá cho con đường tu tập. Mong rằng năm nay quý Phật tử không những không bỏ qua cơ hội quý báu này cho bản thân mà còn giúp Ban Tổ Chức khuyến tấn những người thân và bằng hữu cùng tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9.

Vì lợi lạc tâm linh cho con đường giải thoát và giác ngộ, mong quý Phật tử ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 9. Cầu nguyện chư Phật thù từ chứng minh và gia bị cho tất cả quý Phật tử bỏ đề tâm kiên cố và thân tâm thường an lạc.

Nay Thông Bạch,
Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, ngày 01 tháng 11 năm 2018,
Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9
Trưởng Ban



Tỳ Kheo Đồng Tuyên



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada

**Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 9 &
Tham Quan Vạn Phật Thánh Thành và Cầu Golden Gate**
BAN TỔ CHỨC

CHÙA ĐẠI BẢO TRẠNG NGHIÊM - CALIFORNIA

2553 Darwin Street, Hayward, CA 94545 * Tel.: (916) 346- 6583

Email: daibaotrangnghiem@gmail.com

PHIẾU GHI DANH

TỪ NGÀY 25 - 07 - 2019 ĐẾN NGÀY 29 - 07 - 2019

(Dành cho quý Phật Tử)

HỌ VÀ TÊN: PHÁP DANH:

ĐỊA CHỈ:

CELL: TỰ TÚC: ☐ CÁN ĐƯA RƯỚC: ☐

HÃNG BAY: CHUYẾN BAY:

NGÀY ĐẾN: GIỜ ĐẾN:

NGÀY VỀ: GIỜ VỀ:

SỐ TIỀN ĐÓNG BẰNG: ☐ CASH ☐ CHECK TỔNG CỘNG SỐ TIỀN

PHÒNG NGỦ CHO: ☐ 2 NGƯỜI ☐ 3 NGƯỜI ☐ 4 NGƯỜI

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶC BIỆT:

LIÊN LẠC TRONG TRƯỜNG HỢP KHẢ CẤP:

Chi phí cho mỗi đầu người là \$300 USA (Phòng ngủ cho 4 người)

Chi phí cho mỗi đầu người là \$350 USA (Phòng ngủ cho 3 người)

Chi phí cho mỗi đầu người là \$400 USA (Phòng ngủ cho 2 người)

* Mỗi học viên tham dự xin đóng \$300, vợ chồng \$500, trẻ em dưới 14 tuổi đóng \$200.

* Vị nào muốn ở lại sau khoá tu học, tự mình book phòng.

* Vị nào muốn tham quan Vạn Phật Thánh Thành và cầu Golden Gate, xin ghi tên bây giờ. \$50 tiền xe và ăn trưa. Ngân phiếu xin đề ĐẠI BẢO TRẠNG NGHIÊM BUDDHIST TEMPLE. Memo: Khoá Tu Học Bắc Mỹ Lần 9, và gửi về: 2553 Darwin St. Hayward, CA 94545.

Mọi chi tiết xin liên lạc: (916)-346-6583 hoặc (408)-382-1059

NGÀY: NGÀY:

NGƯỜI NHẬN NGƯỜI GHI DANH:

KÝ TÊN: KÝ TÊN:

Tiếng chim rừng trúc

TOẠI KHANH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Phật giáo đã có ít nhất 2500 năm lịch sử; và có lẽ, cũng đã có chừng ấy lần các thế hệ Phật giáo đổ xao lòng nhớ lại câu chuyện Phật dự hứa ngày viên tịch, bảo trước giây phút bỏ lại trần gian. Theo kinh xưa, chuyện đó xảy ra vào ngày rằm tháng Giêng cuối cùng trong đời Thế Tôn, để ba tháng sau đó, Ngài đi xa không về nữa. Bốn mươi lăm năm trước đó, cũng vào ngày rằm tháng Giêng, lần đầu tiên đức Phật xác nhận sự ra đời của Tăng đoàn với một lời giáo hối được xem là toàn bộ tinh thần Phật pháp về sau: **Lánh ác, làm lành, thanh lọc nội tâm.**

Tôi nhớ từng nghe thấy đâu đó một nhận xét thật xác đáng rằng, điều vi diệu trong Phật pháp nằm ở chỗ, dù Thế Tôn có nói nhiều bao nhiêu cũng nhằm vào một lý, và có nói ít bao nhiêu cũng bao hàm vạn sự. Một vài bài kinh ngắn trăm chữ lúc Ngài vừa thành đạo hay dăm ba câu dặn dò trước lúc viên tịch – đều gói trọn toàn bộ tinh hoa chánh pháp. Đệ tử ngày sau chỉ theo đó mà tu học cũng đủ thành Phật, chẳng cần đòi hỏi gì hơn. Thật lạ, đang viết đến đây, tôi bỗng quên mất kinh Phật để nhớ về lời Chúa một cách thấm thía.

Chuyện kể rằng vào một mùa mưa đông, giáo xứ xa xôi kia phải gánh chịu một trận bão lụt thật dữ dội. Tất cả thầy giáo dân dẫn nhau đi lánh nạn, và khi chạy ngang nhà

thờ, họ nhìn thấy vị linh mục khả kính của mình đang đứng cầu nguyện trong mưa. Họ giục ông cùng đi để chăm sóc cho nhau. Ông một mực từ chối và bảo: *Cha không tin Chúa bỏ chúng ta!* Lát sau một giáo dân chạy xe hơi ngang, ông ta giục vị linh mục lên xe đi lánh nạn và lại cũng nghe câu trả lời tương tự: *Cha không tin Chúa bỏ chúng ta!* Vài giờ đồng hồ tiếp theo, nước dâng cao ngang ngực người lớn, một nhóm giáo dân chống thuyền ngang nhà thờ, họ giành nhau kéo vị linh mục lên thuyền, nhưng lại cũng thất bại trước niềm tin mãnh liệt của ông. Hai tiếng sau đó, cảnh sát huy động trực thăng cứu hộ những cư dân còn sót lại trong vùng. Lúc này nước đã dâng cao khỏi cổ người lớn và vị linh mục vẫn kiên trì đứng yên trong nước để cầu nguyện. Tôn trọng tự do tín ngưỡng, các nhân viên cứu hộ không dám cưỡng bức vị linh mục khả kính lên trực thăng. Vài phút sau, ông lên thiên đàng. Mình mấy ướt đầm, cặp mắt mờ lệ, vị linh mục ngước nhìn Thiên Chúa:

- Vì sao Thiên Chúa bỏ mặc con, hay ngài đã không nghe được lời con cầu nguyện?

Thiên Chúa ngao ngán nhìn vị linh mục thuần tín kia rồi lắc đầu:

- Ta đã là trời, nghe con hỏi, ta còn biết kêu trời nào nữa đây chứ! Ta đã nghe thấy lời cầu nguyện đầu tiên của con và liên tục gửi đến cả

đoàn giáo dân với xe cộ, thuyền bè và cả trực thăng cứu hộ, nhưng chẳng hiểu sao con cứ từ chối!

Câu chuyện trên tuyệt không có ý nghĩa châm biếm, chỉ là một cách mô tả sinh động những thái độ đạo học cần tránh và nên có. Ngay trước khi viên tịch, đức Phật cũng từng nhấn mạnh: *Các tỷ-kheo còn trông đợi gì ở ta nữa? Những gì mà bậc đạo sư cần phải làm cho đệ tử bằng lòng bị mất, ta đã làm tròn. Đây là những cội cây, nhà vắng, hãy tinh tấn thiền định, chờ để mình phải hối tiếc về sau.* Và một trong những điều tuyệt đối quan trọng mà đức Phật luôn đặc biệt nhắc tới đó là sự nỗ lực tự thân. Tây phương cũng có một câu nói tương tự: *Trời chỉ cứu kẻ biết tự cứu.* Từng người tu Phật phải tự cầm đuốc và bước đi bằng đôi chân của chính mình. Chư Phật chỉ là người dẫn đường. Thờ Phật như thờ thần không phải là thái độ sáng suốt của người tâm đạo giải thoát.

Một cách nôm na, mỗi người học Phật chỉ có cơ duyên thích hợp với một vài môn trong vô số pháp môn tu học. Bất luận kẻ học ít hay người đa văn đều phải có thời gian thân chứng, thể nghiệm pháp môn thích hợp với mình. Kết quả cao thấp, ít nhiều, dĩ nhiên tùy thuộc vào nhiều yếu tố như sự nỗ lực của bản thân, sự trợ lực gián tiếp hay trực tiếp của mình sư, thiện hữu cùng

những điều kiện sinh hoạt, bối cảnh tu học. Sự gia trì của Tam Bảo cần được hiểu là những kết quả tu học hơn là sự phù hộ của một thần tượng linh thiêng nào đó. Sự tu học hôm nay cho ta ít nhất hai lợi ích: Nguồn đạo lực hiện tại và cần bản cho mai sau. Nếu cố thêm phước cũ đời trước, đời sống và cuộc tu sẽ được nhiều điều như ý. Kẻ cần chuyên nhưng kém túc duyên, thì ngoài chút khó khăn riêng tư – cũng thành tựu được những kết quả tương tự. Và có nói gì, chung quy, chuyện siêu hay đạo luôn nằm ở trong tay từng người. Nếu trăm sự có thể trông cậy vào một ai đó ngoài mình, chẳng hạn chư Phật, thì hôm nay ai cũng thành Phật cả rồi. Bởi theo kinh xưa, đã từng có vô lượng chư Phật xuất hiện ở đời, mà nay kẻ trăm luân vẫn còn đây ra đó. Nói cho dễ nghe, chư Phật có nhiều khả năng để giúp đỡ chúng sanh, nhưng khả năng đó chỉ có tác dụng đối với những người có một công phu tu học đang hoàng.

Dù ta muốn hay không, thời gian cũng trôi đi qua. Giây phút nào cũng là cuối cùng, vì một đi không trở lại. Từ hai năm nay, mỗi lần nhớ ra mình đang có mặt trong một cuộc vui, tôi lại tự nhủ không bỏ sót một giây nào. Vì tôi biết, giây phút đó sẽ vĩnh viễn mất đi. Sau này có may mắn tìm thấy những giây phút tương tự thì đó cũng chỉ là cái mới. Tưởng tiếc, hoài niệm nhiều khi là một kiểu sống hoang phí, dù sống kiểu nào thì cũng là sống. Tôi không có ý xúi ai ham chơi, chỉ muốn mượn cách nói dễ hiểu lắm này để nhắc lại chút tinh thần Niệm Xứ: *Tại đây và bây giờ*. Thế thôi. Và bỗng dưng tôi muốn chấm hết ở đây với chút suy tư trong một bài viết cũ của mình: *Mặc ta vô minh, đời lặng lẽ vô thường!*



MỞ LÒNG RA

Kính tặng bốn Pháp hữu kính quý: Tâm Huy, Như Hùng, Tâm Quang (Vĩnh Hảo), Nguyên Thế.

*Rời tất cả tan theo làn mây khói
Bao thăng trầm thế sự cũng qua đi
Tử và sanh tiếp diễn chẳng kể chi
Cứ mặc kệ hãy sống đời thanh thản.*

*Tin nhân quả ta không thù chuốc oán
Chẳng nghĩ suy mà hãy mở lòng ra
Sống cuộc đời theo dấu Phật Thích Ca
Thương kính quý mãi trọn lòng chung thủy.*

*Yêu mến Đạo ta chẳng còn vị kỷ
Sẻ chia thêm nguồn ý đạo thâm sâu
Tiếng chuông chùa vang vọng lại từ lâu
Trong tiền kiếp không bao giờ mất cả.*

thơ

TÁNH THIÊN

Dallas Texas, 25-10-2018

XƯƠNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Nếu tính chất tiêu biểu của da là sự uyển chuyển, dẻo dai bề ngoài thì xương là biểu tượng cho sự kiên cố bên trong của cơ thể con người.

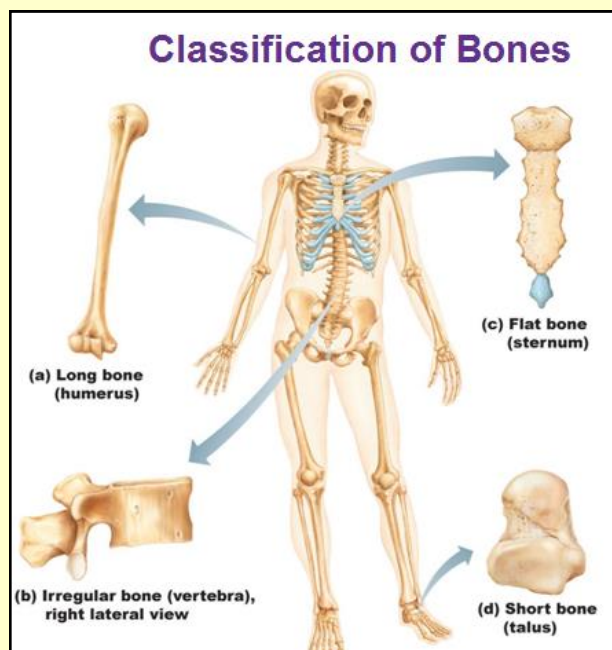
Cơ thể một người trưởng thành có 206 chiếc xương, chiếm 14% tổng trọng lượng cơ thể. Một xương có thể xếp vào loại dài, ngắn, dẹp hay không đều.

Xương có thể ở trạng thái đặc hoặc xốp.

Xương đặc là lớp ngoài của xương gồm một khối cứng và rất chắc có các mô xương xếp thành các lớp đồng tâm.

Xương xốp thấy ở dưới lớp xương đặc và ở phần cuối của các xương dài. Xương này gồm một mạng lưới các thanh xương thông với nhau và có chứa tủy.

Mặc dù xương đặc chiếm 85% tổng số xương, nhưng xương xốp có sự biến hóa quan trọng hơn và thường nằm ở nơi mà xương hay bị gãy như cột sống, xương hông, xương cổ tay...



Xương là một cấu trúc tạo ra hình dáng và chống đỡ cho cơ thể.

Xương có những nhiệm vụ chính như che chở cho các bộ phận quan trọng nhưng dễ bị tổn thương như não bộ và tủy sống; có tác dụng như một cái đòn bẩy, phối hợp với bắp thịt để tạo ra cử động và di chuyển của cơ thể; là nơi dự trữ các muối khoáng và giữ vai trò quan trọng trong việc tạo thành tế bào máu.

Cấu tạo của Xương

Thành phần hóa học của xương là hỗn hợp chất hữu cơ và vô cơ theo tỷ lệ 1:2.

Xương được cấu tạo với ba chất căn bản: 45% khoáng chất mà calcium chiếm đa số; 30% là các mô mềm collagen với tế bào, mạch máu và 25% nước.

Khoáng chất chính là calcium phosphate (5/6), số còn lại là calcium carbonate, fluoride, chloride, magnesium, một ít sodium chloride và sulfate.

Collagen là chất hữu cơ và có thể tách riêng khi ngâm xương vào dung dịch acid

Có tới 98% tổng lượng calcium trong cơ thể được dự trữ ở xương và 2% ở răng các tế bào và lưu hành trong máu. Khi calcium trong máu xuống thấp thì xương sẽ nhả ra một ít calcium để nâng cao mức độ calcium trong máu.

Calcium tạo cho xương sự rắn chắc còn các mô mềm giúp xương bền bỉ.

Trên bề mặt, 1cm vuông của xương có thể chịu đựng sức ép của 6000kg, nhưng khi lấy hết khoáng chất, xương chỉ còn là một sợi dây mềm nhũn.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.nguyenyduc.com

VIÊM CUÔNG BAO TỬ

bỗng dưng bao tử giật mình
liên hồi sóng bủa thân kinh mấy vòng
ào ra một đợt hư không
trắng đen sắp ngửa long rong chạy về
nửa chừng tỉnh dội ra mê
tôi lừa mộng dữ ra rìa sắc không.

SỰC TỈNH LÚC SAY

con nâng cha dậy lúc cha say
tình thâm phụ tử ở lúc này
sao cha không biết con còn đó
quanh quẩn bên cha giấc mộng đầy.



BIÊN KIẾN

tôi tìm sâu chìa khóa
của ký ức mất màu
chắc rơi vào đâu đó
trong đáy thăm vực sâu
tôi mua đời nửa giấc
ngủ muộn bên rặng chiều
tôi bán đời nửa cuộc
chút thành tựa rong rêu.

LÀ THỂ

đời như một bến tàu
hạnh phúc lẫn thương đau
bao nhiêu tàu cập bến
trút xuống, cứ nhận vào

đời như giấc ngủ chiều
thức giấc, mộng xanh rêu
bao vui buồn phát tán
làn khói thuốc bay vào

đời như ly rượu đắng
uống chậm, khó say mềm
chẳng dám tu hơi, cạn
chậm chậm choáng say men.

thơ

PHÙ DU

Chim thuyết pháp

TN. HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Đất lành, chim đậu.
Đất vườn sau nhà tôi
chẳng biết có lành không
nhưng rất nhiều
chim thăm viếng. Từ giống
Hummingbird nhỏ xíu, giống
Sẻ hiền lành, tới Oanh, Yến và
cả những con Cu Đất lông đen
mượt, lớn hơn những loài kia
nhưng lại nhát như cáy!

Không biết ở những nơi
khác chúng có đánh nhau hay
không, nhưng khi đến vườn
sau nhà tôi thì tuy khác giống,
chúng đều có vẻ rất “biết
điều.” Con nào hót cứ hót, con
nào đậu bên cạnh rìa lông cứ
rìa lông. Con đang hót
không bắt mắt “Tôi hót hay
như thế, anh không
biết thưởng thức mà đứng rìa
lông hả?” Ngược lại, con đang
rìa lông cũng không phiền “Tôi
đang bận rộn chải đầu rũ áo,
anh đi chỗ khác hát hò được
không?”

Khi tôi rải cơm nguội trên
bờ tường thì đám Sẻ bao giờ
cũng xà xuống trước nhất.
Chúng rất lịch sự, con tới trước
ăn trước, con tới sau ăn
sau, kiên nhẫn xếp hàng như
người Mỹ vậy. Oanh và Yến thì
chê cơm, chờ tôi rắc hột ở
vườn rau, bên hông hồ sen.
Chỉ có đám Cu Đất là ăn tạp,
bánh trái gì còn dư tôi thả ra
bãi cỏ hay trên mái nhà là
chúng gọi nhau thanh
toán ngay.

Đất nơi đây không chỉ lành
với chim mà có lẽ lành cả với
tôi vì từ khi lưu lạc xứ người,
luôn luôn nay dọn, mai dời, thì
căn nhà này là nơi tôi “đậu”
lâu nhất, gần hai mươi năm
rồi.

Cứ cho như thế là lành
đi!

Vì “đậu” lâu nên có
những hàng cây trồng từ hột,
vừa nhú mầm lên khỏi mặt
đất, chúng đã nhìn thấy
tôi. Chúng tôi thấy nhau,
tưởng như tình cờ (nhưng vạn
hữu mẫu nhiệm này làm gì
có tình cờ, phải từ những
duyên ngầm mới thấy được
bằng mắt ưa phân biệt, bằng
tâm ưa lý luận).

Không chỉ những hàng
cây mà những bờ cỏ, những
viên sỏi, những ụ đất... Tôi
biết chúng và chúng biết tôi
rất rõ, có khi biết hơn cả
những người tưởng là thân
yêu, ruột thịt!

Nghe có vẻ hơi cay
đắng nhưng bình tâm một
chút thì thấy sự thật này rất
khách quan. Vì sao ư? Vì giữa
tôi và chim muông, cây cỏ có

đòi hỏi gì nhau đâu! Nghĩ đến
nhau thì tử tế với nhau, không
thì cũng chẳng ai trách ai! Vì
không đòi hỏi nhau, ta mới có
nhau một cách nhẹ nhàng
hơn, dễ chịu hơn, thân
thiện hơn.

Thế giới của chúng tôi ở
nơi “đất lành” này, vì thế
mà tương đối êm đềm.

Nơi đây, tôi thích mùa hè
hơn mùa đông vì nắng ấm tôi
có thể thơ thẩn ngoài vườn
nhiều hơn trong nhà. Thường
thì buổi sáng, rải thức ăn cho
chim và rắc bóng cho cá xong,
tôi đãi mình một ly cà phê
hoặc trà xanh; rồi ôm một,
trong những cuốn sách đang
đọc dở, ra ghế xích đu dưới
gốc bưởi ngồi đọc.

Thế là đủ thấy Thiên Thai,
cần gì phải “lạc lối” mới tới
được Thiên Thai như hai ông
Lưu Nguyễn lơ mơ nào đó!

Cũng từ những sinh
hoạt thăm lặng với vạn
hữu nơi đất lành này mà thỉnh
thoảng tôi may mắn bắt gặp
những “tia chớp cảm xúc”. Tôi
gọi là những tia chớp, vì cảm
xúc khi có, đều tới rất mạnh
và qua rất nhanh. Sau đó, tôi
thường ngồi thừ ra, chày nước
mắt vì cảm động. Chẳng hạn
như, trong Kinh A Di Đà, tôi đã
tụng ngàn lần câu:

“Phục thứ Xá Lợi Phất! Bỉ
quốc thường hữu chủng
chủng kỳ diêu, tạp sắc chi
diêu: Bạch-hạc, Khổng-tước,
Anh-võ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-
già, Cống-mạng chi diêu, thị
chư chủng diêu, trú dạ lục
thời, xuất hòa nhĩ âm, kỳ âm
diễn xướng: ngũ căn, ngũ
lực, thất bồ đề phần, bát



thánh đạo phần, như thị đẳng pháp, kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.”

Vì tụng nhiều lần, tôi đã thuộc lòng. Chính sự thuộc lòng này là con dao hai lưỡi; nghĩa là thuộc, nên miệng nhanh nhẹn đọc lên mà tâm chưa đọc kịp! Nếu tôi sớm đọc được trọn vẹn bằng tâm thì ngay đoạn kinh này cũng đã quá đủ để kẻ vô minh như tôi nhận ra là tôi đang được sống trong cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Ngay nơi đây, ngay nơi “đất lành chim đậu” này chứ có phải phương Đông, Tây, Nam, Bắc nào đâu!

Sau khi làm lễ cầu siêu tuần thứ tư cho Mẹ, từ chùa về, tôi ra vườn ngồi.

Không đọc sách,

Không uống trà.

Chỉ ngồi im như pho tượng.

Trong im lặng cả thân và tâm ấy, tôi nghe thấy tiếng chim.

Tiếng chim ư? Chắc chắn là thế. Tôi đã từng nghe tiếng chúng gần hai mươi năm nay rồi mà. Chúng đang trên cành bưởi, cành trúc kia! Những chiếc mỏ nhỏ xíu đang ríu rít làm lay động lá trúc, làm ngạt ngào hương bưởi.

Hôm nay chúng hót rất dịu dàng, trầm bổng như một bản hợp xướng đang chăm chú theo một giọng nhạc nào. Rồi tiếng chúng bỗng nhỏ dần và ngưng. Không gian bỗng vút lên âm thanh trong trẻo và réo rắt của giọng nhạc khác.

A! Đó là cặp chim yến vừa ghé cánh trên khóm quỳnh lan. Chúng chờ đám sè im tiếng mới cất giọng hót, hay là tất cả đã cùng nhau tập dượt bản hợp xướng này? Bản hợp xướng này là gì mà có thể khiến người-thính-giả-tình-cờ cảm thấy như có giọng suối mật chảy lan trên từng tế bào? Ôi, thật là ngọt ngào! Thật là kỳ diệu! Thật là tử bi! Thật là ... bất khả tư nghĩ! Thính giả mơ màng nghe thấy đâu đây:

“Này Xá Lợi Phất, ở nước Cực Lạc của Phật A Di Đà thường có những loài chim

màu sắc xinh đẹp như Hạc trắng, Khổng-tước, Anh-vũ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Cộng-mạng. Những giống chim đó ngày đêm sáu thời, thường hót lên tiếng hót thanh tao, diễn xướng các pháp môn như Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần v.v... khiến người nghe được những âm thanh ấy đều khởi lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.”

Đó là đoạn kinh mà tôi đã thuộc lòng bằng Hán văn, giờ phút này, tâm tôi lại đang khởi lên rõ ràng từng nét chữ Việt, như có ai vừa phiên dịch và trải ra trước mặt. Chẳng những thế, những giọng kinh không chỉ im lìm trên mặt phẳng của giấy mực mà tận cùng sâu thẳm tâm thức, tôi tưởng như mình đang nghe tiếng tụng kinh A Di Đà.

Khu vườn vắng lặng.

Chỉ có bầy chim quen thuộc và tôi, với lòng thương nhớ mẹ dạt dào, đứt đoạn ... Lời kinh này từ đâu mà mỗi lúc mỗi rõ nét như vậy?

Phút giây, tôi bỗng sững sờ.

Ồ, có phải Mẹ vừa sàng sẩy những ưu phiền, buồn bã trong con, để con nghe được tiếng CHIM THUYẾT PHÁP?

Vẫn bầy chim nơi vườn sau.

Vẫn những tiếng hót ấy

Vẫn lá trúc lay.

Vẫn bông hoa nở.

Nhưng Mẹ ơi, bằng tâm không ô nhiễm, con như đang được ở đất Phật.

Chim đang thuyết Pháp.

Gió đang hòa nhạc.

Con chắc chắn đang được nghe chim thuyết Pháp vì chỉ những lời pháp diệu âm mới chan hòa ánh sáng, thức tỉnh con và cho con những lạc thọ vô biên này, khi lòng con đang quặn quại bi thương vì xa mẹ, xa mãi mãi, thiên thu, nghìn trùng...

Mẹ đã từng dạy con “Nếu biết nhìn sâu sắc thì vạn hữu, muôn loài đều có ứng thân và pháp thân. Ứng

thân là thân hiện hữu nơi cõi ta-bà, nhìn thấy được bằng mắt trần. Pháp thân là biểu hiện nhiệm mầu mà khi tâm đạt tới thể trong sáng nguyên thủy thì ta sẽ cảm nhận được. Sự cảm nhận này là kinh nghiệm của từng cá nhân, không ai diễn tả lại cho ai mà cảm được.”

Ôi, Mẹ nói khó hiểu thế, con nghe rồi, và cũng tưởng đã quên rồi. Có ngờ đâu, lời Mẹ là những hạt bồ-đề gieo xuống ruộng-tâm-con đầy cỏ dại. Một lúc nào tỉnh ngộ, khai quang thì hạt lành ấy có cơ duyên nảy mầm, phải không Mẹ?

Tôi thầm hứa với Mẹ là tôi sẽ cố gắng thanh tịnh thân tâm, nương lời Phật dạy, nhìn sự việc bằng sự tỉnh giác và sâu sắc hơn để sau bốn mươi chín ngày, Mẹ tôi có thể tạm yên tâm về đứa con vô minh, đã mạnh dạn tự thách cho mình một ngọn đuốc, dù mới chỉ là ngọn đuốc nhỏ như đóm lửa. Tôi cũng xin Chư Phật, Chư Bồ Tát gia hộ và chứng minh cho lời hứa từ sơ tâm này.

Hồi bầy chim thân yêu ngoài vườn sau, các bạn không cần phải mang những tên gọi đẹp để như Bạch-hạc, Khổng-tước, Anh-vũ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già... nhưng tôi cũng đã nghe được các bạn thuyết pháp rồi.

Còn các bạn, có cảm nhận được sự biết ơn của tôi không?

Vạn hữu mệnh mông, không gian vô tận mà chúng ta có được sự giao cảm này - dù chỉ như lần chớp - cũng đủ để trân quý là tặng phẩm bất khả tư nghĩ, là điều chúng ta đã từng được nghe lời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết trong Pháp-hội Liên-Trì:

“Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cổ thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.”

Huệ Trân
(Như-Thị-Am, ngày không còn Mẹ!)

Ở GIỮA SÀI GÒN

Đêm ở Saigon
Ngập ánh đèn hoa
Đến chiếc lá
Cũng say màu chéng choáng.
Nhịp sống dồn lên sau mùa gió loạn,
Ngất lâu cao
Không thấy ánh sao xa!

Ở giữa Saigon
Người đến muôn phương
Từ thưở máu tim xanh màu đất mới
Những cánh chim trời Nam vang tiếng gọi
Ba trăm năm,
Còn mãi một mùa hương!

Ở giữa Saigon,
Một thoáng đêm đông
Ta lắng nghe những dòng đời đang chảy.
Có vụn nỗi niềm
Còn trăn trở mãi!
Khi hoàng hôn thế kỷ tắt bên sông.

THƯA EM

Thưa em,
Một việc này thôi!
Từ lâu, ta đã trót lời cưu mang,
Đâu cần đến chuyện **làm sang**
Miễn sao để được xóm làng ta thương!

Áo com,
Tuy giữa đời thường,
Mà thơm, mà sạch
Cho hương cuộc đời.
Phải đâu **son phấn** em ơi!
Sắc màu chi... để rã rời một phen!

Nếp nhà,
Trước đã làm nên,
Nghĩa nhân giữ lấy, kéo quên mối giềng!
Cái thân khi đã lụy phiền,
Chắc gì em, buổi kim tiền dễ đâu!

Để lòng lắng với đêm thâu
Nghe dư âm vọng ngàn câu tự tình.
Đời cho nhau một **niềm tin**
Gương trong một thoáng,
Soi mình trong gương.

thơ MẶC PHƯƠNG TỬ



Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



TA BÀ

Chị em thương nhau ra rít nhưng đời mà, cũng đôi khi xích mích nhưng rồi cũng qua. Nhà từ khi có dâu mới về thì việc lại khác. Người ta bảo: "Đàn bà chung đụng không việc nọ cũng việc kia." Dâu thế thọt, thêm bớt với Dì:

- Đùi chị trắng hơn đùi em nên Dì đổ ky.

Lời qua tiếng lại không xong rồi lơ nhau, con cháu hai nhà cũng theo mẹ lơ luôn. Thầy và gia tộc nhiều lần khuyên giải nhưng không tới đâu. Ngày rằm cả gia đình lên chùa, thầy cảm thán:

- Ta Bà khổ, bà ta khổ, khổ bà ta.

QUÝ HAY TIỆN

Thầy thầy chân chất và có vẻ xuề xòa, nên sanh tâm cống cao. Y hỏi trống:

- Nhon thân nan đắc" nhưng rồi bảo "Túi da thối" vậy thì quý hay tiện?

Thầy cười hiền hòa không để ý đến thái độ của y:

- Người đi rừng mịt mờ lối, con dao dùng phát quang mà đi thì quý! Cũng con dao ấy nếu nó ở trong tay, bọn cướp của giết người thì nó nguy hiểm lắm!

Y giạt mình lấm bắm:

- Chùa đất Phật vàng!

Nói xong vội vàng đánh lễ, thầy vẫn cười:

- Phút trước tiện mà phút sau quý, tất cả từ một tâm.

NÓI VÀ LÀM

Cộng đồng ngày càng đông đảo và lớn mạnh. Ai ai cũng hồ hào:

"Yêu văn hoá dân tộc, giữ gìn ngôn ngữ và bản sắc riêng của mình."

Ấy vậy mà mỗi năm chỉ chừng trăm đầu sách được viết ra chẳng mấy ai thêm đọc. Có

tác giả in xong để mấy năm chẳng biết làm gì cho hết. Đồng hương gặp nhau thì xỏ toan tiếng Tây, làm như sợ người ta cười mình không biết tiếng Tây vậy! Có kẻ thán:

- Tàu, Hàn lưu lạc lâu vẫn xài tiếng của họ. Còn ta thì vờ quên! Xem ra yêu cái gì, giữ cái gì?

TRỘM HƯƠNG

Trung thu năm ấy Quỳnh nở từng bùng trong vườn, những đóa hoa như vầng trăng hương hoa man mác. Bọn nữ liêu trai kéo đến múa hát thưởng hoa. Bọn đồng nam cũng lảng xăng vây quanh, quang cảnh như địa đàng. Bất ngờ thần giữ vườn đến:

- Ai cho các người đến trộm hương?

Chúng sợ hãi van xin mà không xong, bỗng một đại nhân xuất hiện:

- Bọn họ múa hát thưởng hoa chỉ làm tôn thêm vẻ đẹp chẳng mất gì hương của đất trời, hà cớ gì ngăn cản?

Thần vườn lẳng lẽ lui ra, vườn Quỳnh dưới trăng biếc sắc ngát hương.

TÂY NGỘ HƠN TA

Nhà hàng Tàu cuối tuần khá đông, hai cặp vợ chồng già ngồi tâm sự với nhau:

- Tui rầu thúi ruột, ai đời trai tơ đi lấy nạ dòng. Tui dọa từ mà nó không đổi ý!

Người bạn kia giọng thê thảm:

- Tuần rồi thằng con nó dắt đứa con trai lạ về bảo đây là vợ nó. Tui dọa tự tử mà nó không sợ!

Bàn bên có hai vợ chồng Mỹ trắng già và hai cậu trai nắm tay nhau tình tứ lắm. Ông bà già nói:

- Chúc mừng hạnh phúc

hai con, hãy gạt lấy những gì mình gieo.

Cả bốn người nhìn nhau.

VỆ TÔNG VIÊU "*"

Nước Vệ thời Tông Viêu lạ lắm, cả triều bồng dưng mặc váy và không ai đi thẳng cả, tất cả bò lổm ngổm hoặc đi bằng đầu gối. Người Ngô ra vào như chốn không người, lại còn lập cứ địa cấm cả người Vệ vào. Chúng còn mĩa mai triều đình là "Vệ phụ nhân." Bọn con trẻ chạy chơi khắp nơi hát đồng dao:

"Ngô tề lưu hành

Cấm chỉ đỏ xanh

Dân mang đổi bán

Quan cướp thật nhanh"

Sĩ phu, hào kiệt bất bình lắm. Có người giữa kinh kỳ ngựa cổ khóc rống:

- Vệ Tông Viêu mất mũ, nguy tai, nguy tai!

HẮC CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Năm ấy ngài tuần du xứ Đông hải, đi đến đâu cũng được thiên hạ long trọng đón chào. Họ biết ngài mến mộ Phật Pháp nên còn đưa đi viếng các chùa thiêng, Bồ Đề đạo tràng... Ấy vậy mà khi đến xứ Đông Miên thì vua quan trốn biệt, vì họ nhận chỉ thị của đại ca:

- Các nị không được kết thân với đối thủ của ngô!

Riêng dân chúng thì từng bừng như mở hội. Bọn lon ton còn đưa ngài viếng miếu Ngọc Hoàng để cầu sanh con trai. Ngài nhếch mép cười thương hại:

- Ta có hai con gái tuyệt vời rồi!

Georgia, Oct. 2018

(*) Vệ Tông Viêu mất mũ (^) và nói lái là Vệ tiêu vong.

Bá hộ làng Cảnh Dương

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Năm ấy lụt lớn chưa từng thấy, nước ngập như biển. Nhà bá hộ lu nổi lênh phênh từ trong nhà ra ngoài sân, bá hộ cho người đóng cổng kéo nó trôi ra ngoài hết. Giáo Ngử vốn hay chữ đọc nhiều, ổng bảo:

- Nhà bá hộ giống truyện Alibaba và bốn mươi tên cướp quá, lu nổi lênh khênh dễ cũng đủ bốn mươi á!

Bá hộ vốn là tay lanh lợi, biết cách làm ăn. Ông mượn người đúc lu bằng xi măng để trữ đường, đi gom đường ở các lò ép, khi hết mùa mía thì bán ra; vậy là ông trúng lớn. Bá hộ Thì giỏi và lanh lẹ lắm, trong nhà ngoài các lu đường nước còn trữ nào là đường thề, đường bánh to như cối xay bột, đường cát... đường của ông bán ra Hải Phòng, vào Sài Gòn lên tận Nam Vang luôn! Ai ai cũng khen đường của ông bá hộ ngon và tốt. Năm nay bán hết đường sớm mà chưa đến mùa mía nên gặp lụt các lu trống nổi lên.

Làng Cảnh Dương nổi tiếng: *"Nhất Thì nhì Liên tam Kiên tứ Cự."* Bá hộ Thì không chỉ nổi tiếng giàu có ruộng đất *"cò bay thẳng cánh, chó chạy ngay đuôi"* mà còn nhân đức hơn hết. Cái thời thân phận chủ-tổ còn ngặt nghèo nặng nề lắm, ấy vậy mà ông đối xử với tá điền rất tử tế, thậm chí kẻ ăn người ở trong nhà ông còn cho phép ăn chung. Nhiều người không thích hay ghen ghét thì bảo:

- Thằng chả làm màu đó mà!

Mặc ai nói gì thì nói, bá hộ

Thì vẫn không thay đổi cách ăn ở của mình. Nhà bá hộ Thì lớn và đẹp nhất làng Cảnh Dương, vừa nhà thờ gia tộc vừa là nơi ở luôn; vườn tược quanh nhà rộng cả mẫu. Sát hàng rào cây duối ông bá hộ cho trồng mấy mươi cây dừa nên phong cảnh rất đẹp và thanh bình. Gian nhà thờ là quan trọng nhất và cũng được chăm chút nhất, toàn danh mộc; cái phản gỗ nơi ông thường nằm bằng gỗ lim lên nước bóng loáng như gương. Ông bá hộ Thì không mộ Phật Pháp nhưng em gái là cô Mười thì tin Phật lắm. Ngày rằm, mừng một cô đều mang lễ vật lên chùa và rất thành tâm cúng bái. Quãng đường từ nhà ông bá hộ lên chùa phải qua cổng Thầy Tư bắc qua con mương nước trong xanh, bên này mương là trường cô Bản. Trường nhỏ nằm bên bờ mương nép dưới lũy tre, ngày ngày tiếng trẻ ê a đánh vần nghe rộn rã đồng quê. Cô Bản dạy bọn trẻ không biết bao nhiêu năm rồi, hết lứa này đến lứa khác. Cô Bản cũng xinh nhưng sao mãi chẳng lấy chồng. Người ta xì xầm, có kẻ còn nói:

- Tuổi dần cao số!

Có lần cô Mười nói với thầy, thầy quả:

- Đừng nói vậy mà gây khẩu nghiệp xấu; canh, kỷ là người Tàu đặt ra chẳng có tuổi nào cao số hay thấp số cả. Người sanh cùng ngày giờ cô Bản nhiều biết bao, sao chỉ cô Bản cao số? Ấy là chưa nói bọn Tây, họ có coi ngày giờ tướng số chi đâu mà vẫn

phát triển, vẫn sống hạnh phúc!

Cô Mười nghe và phục thầy lắm. Thầy sống một mình ở chùa, ngày ăn một bữa, nếu hôm nào lỡ việc mà quá Ngọ là thầy dứt khoát không ăn. Thầy công phu tinh tấn, giữ giới nghiêm ngặt, đạo hạnh thanh minh, người làng Cảnh Dương và các tổng đều mến mộ thầy. Việc ma chay, cưới hỏi, cúng kiếng... đều nhờ thầy, thầy từ bi không từ chối ai nhưng luôn dụng thời cơ để chỉ rõ những chuyện sai vạy mà người làng không biết. Có lần cô Mười cùng các bà mang vàng mã lên chùa, thầy kêu lại bảo:

- Không lẽ ma quỷ cô hồn Tàu, Việt mới có tiền để xài còn cô hồn Âu-Mỹ nó không có sao?

Mọi người cười rần rần chịu là thầy có lý, bất chợt thấy khóc tí tí trách các bà hết sức thống thiết:

- Các bà nhẫn tâm lắm, các bà hại chúng rồi!

Bấy giờ các bà giạt mình áy náy không biết mình làm gì sai, có kẻ đánh liều thưa:

- Bạch thầy, chúng con có gì sai xin thầy dạy bảo, mong thầy hoan hỷ bỏ qua cho.

Ngưng giây lát rồi thầy mới nói:

- Lẽ ra cửu huyền thất tổ, thân nhân của các bà đã siêu thoát từ lâu nhưng vì các bà đốt tiền, vàng, vàng mã... nhiều quá nên bọn họ ở mãi dưới ôm đồng của mà không chịu đi đầu thai!

Bấy giờ mọi người ngó ra, không ai nó ai lời nào tất cả lặng lẽ đem hết số vàng mã bỏ



đi. Cô Mười về kể với ông bá hộ, ông bá hộ cười và đặc ý:

- Ông thầy được lắm, vậy mới xứng là thầy để dạy chúng chứ!

Có lần ông giáo Ngử nói với người làng rằng:

- Tui đọc sách thấy năm nọ ở đâu tận ngoài kia có ông trùm viết bài cây đặng trên báo là: "Địa chủ ác ghê," nào là bóc lột, cướp đoạt, lừa dối, biếng, độc ác... Nhưng sao ông bá hộ Cảnh Dương lại hiền thế, tử tế với tá điền và kẻ ăn người ở, ông còn trợ giúp cho việc làng. Ông là người ủng hộ tài vật để cúng đình, cúng miếu, hát bội... Hồng có ông lấy ai làm những việc này, hồng có ông làng Cảnh Dương chắc vắng như chùa Bà Đanh!

Người làng ai cũng công nhận giáo Ngử nói đúng. Họ nổi lời giáo Ngử:

Bởi vậy ông bà ta mới dạy: "Có đức mặc sức mà ăn." Nhà bá hộ Thì lắm lúa to nhất làng, lụt ngập cỡ đó mà cũng chưa tới được lắm lúa của ông!

Bá hộ Thì không sanh

được con trai nên bá hộ Kiên và bá hộ Cự luôn tìm cách cạnh khoé:

- "Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô" hoặc tỷ như "Nữ nhân ngoại tộc."

Người ta nghe được mách với ông thì ông cười khi:

- Có con trai như chứa giặc, có con gái như hũ mả. Cái nào hại hơn cái nào? Con cái cũng là duyên nợ, có duyên thì đến hết duyên thì thôi. Hà có gì phải phân biệt trai với gái!

Thầy trên chùa tán thán lắm:

- Nếu ai cũng có chánh kiến như ông hộ Thì thì đời này bớt khổ, bớt nhọc. Người ở quê khổ về vật chất, chân lấm tay bùn đã đành mà còn cái khổ khác nó khắc nghiệt hơn, đó là những quan niệm, tục lệ làng; những lời cay độc, bóng gió, xía xoi... Họ tự làm khổ mình rồi làm khổ lẫn nhau, đày đoạ nhau, trói buộc nhau cuối cùng cả đám dính mắc với nhau hết đời này sang đời khác! Mọi người cứ gây ra rồi lên chùa cầu xin Phật-Bồ Tát giúp, vậy là

không thể được. Phật-Bồ Tát không giải quyết được việc của các người đâu. Các người phải tự sửa mình, tự mình thay đổi cái quan niệm thì cuộc đời số phận sẽ đổi thay theo!

Ngày cô Mười lấy chồng ra riêng, ông bá hộ cho mảnh đất kế bên để cất nhà. Cô Mười lên chùa mời thầy xuống coi hướng, làm lễ đặt móng. Thầy cũng xuống, xong thời kinh thầy kêu cô Mười và người nhà lại:

Tục ngữ có câu: "Vợ hiền hoà nhà hướng nam" cứ thế mà làm, ngày nào giờ nào cũng tốt cũng hưng vượng cả nếu tâm ý trong sạch hiền thiện!

Ông bá hộ Thì bước ra chấp tay vái thầy:

- Bạch thầy, con xin cảm ơn và danh lễ thầy!

Hôm ấy cả làng đồn um lên:

Lần đầu tiên thấy ông bá hộ vái tạ thầy!

TIỂU LỤC THẦN PHONG
Ất Lăng thành, 10/2018

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

MIẾN XÀO BẮP CẢI, NẤM KIM CHÂM

Cùng vào bếp với các nguyên liệu chính là mướp và nấm kim châm để tạo nên món miến xào thơm ngon, hấp dẫn.

Nguyên liệu:

- Miến
- Rau bắp cải hoặc cải thảo
- Nấm kim châm
- Nước tương, muối
- Đường, tỏi băm, ớt
- Gia vị

Cách làm:

- Rau bắp cải tách lá, rửa sạch, cho vào nước sôi luộc chín.
- Nấm kim châm rửa sạch, sau đó cũng chần chín trong nước sôi, khi lấy nấm ra khỏi nước sôi thì tốt nhất nên ngâm lại vào nước lạnh để nấm không bị nhũn.
- Miến ngâm mềm rồi cho vào chần chín, vớt ra tô.
- Lấy một cái tô khác hòa tan muối, đường, dấm, tỏi.
- Nấm kim và lá bắp cải đã nguội, dùng đũa gấp nấm kim đặt vào trong lá bắp cải rồi cuộn lại.
- Tưới nước sốt vừa hòa vào tô **miến xào bắp cải, nấm kim châm**, trộn đều và thưởng thức, bắp cải và nấm châm thêm với nước tương rất ngon.



(Nguồn: Huyền Châu)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

SỰ KHÔN NGOAN CỦA HOÀNG HẬU TỪ TÂM

Ngày xưa có một gia đình
Tiền rường bạc bể quả tình giàu sang
Con trai sinh được một chàng
Trưởng thành, học vấn vững vàng vừa xong
Chàng bèn quyết chí một lòng
Bao nhiêu tham dục chàng không còn màng
Xuất gia vào chốn rừng hoang
Sống đời ẩn sĩ đạo vàng chuyên tâm.

*

Một ngày thiếu muối để ăn
Chàng rời núi Tuyết về thăm kinh thành
Ngủ qua đêm rất an lành
Trong vườn thượng uyển cây cảnh tốt tươi,
Hôm sau vào lúc sáng trời
Sau khi tắm rửa, tóc thời cột lên
Chiếc y chàng xếp một bên
Áo da dê núi khoác lên thân rồi
Ra đi khát thực khắp nơi
Bước chân thư thái, dáng người ung dung,
Khi chàng tới cổng hoàng cung
Vua nhìn ẩn sĩ vô cùng oai nghi
Lòng thán phục, tâm nể vì
Truyền mời hiền sĩ ghé về trong cung
Tiếp người long trọng, tiệc tùng
Cao lương, mỹ vị cúng dường thành tâm
Chàng bèn cảm tạ ân cần.
Vua mời chàng hãy dừng chân chốn này
Vào hoa viên ở luôn đây
Vua cung cấp bốn thứ ngay cúng dường:
“Thức ăn, quần áo thông thường
Tiện nghi chỗ ở, sẵn sàng thuốc men.”
Nhận lời lưu lại hoa viên
Chàng trong mười sáu năm liễn tĩnh tâm
Trở nên thanh tịnh vô ngần,
Đạo vàng thuyết giảng, vua quan thán phục.

*

Một ngày vua phải mang quân
Ra nơi biên địa dẹp mầm loạn ly
Trước khi cất bước ra đi
Vua chăm sóc ẩn sĩ kia tận tình
Rồi truyền hoàng hậu đẹp xinh
Khi mình vắng mặt thay mình trông coi.
Từ Tâm hoàng hậu tuyệt vời
Thông minh, khôn khéo, thao đài, đảm đang
Thay vua chăm sóc đàn hoàng
Để ông hiền sĩ dễ dàng tu thân.

Một ngày bày sẵn thức ăn
Nhưng ông hiền sĩ bất thần chậm sang
Trong khi chờ đợi cúng dường
Từ Tâm hoàng hậu điểm trang mặt mà
Thân người tắm rửa nước hoa
Xiêm y lộng lẫy, dáng bà tốt tươi
Bà nằm trên ghế thành thoi
Đợi chờ hiền sĩ tới nơi cúng dường.
Sau khi chậm trễ bất thường
Thế là hiền sĩ vội vàng tới ngay
Vào cung điện chột ngất ngây
Thấy bà hoàng hậu tại đây tuyệt vời,
Khi nghe vọng tiếng chân người
Bà bèn ngồi dậy, xiêm roi vô tình
Phô ra lồ lộ thân hình
Chao ơi quyến rũ đẹp xinh cực kỳ
Ôi thôi thanh tịnh còn chi
Lòng người ô uế chỉ vì nữ nhân,
Dục tình nhen nhúm trong tâm
Bốc ngùn ngụt tựa lửa thần khác chi
Tựa như rắn hổ mang kia
Ngóc đầu khỏi giỏ mỗi khi nghe kèn
Thế là mất hết lực thiền
Tâm hồn sa đọa đảo điên rối bời
Như là quạ cụt cánh rơi
Trong khi bay lượn giữa trời thênh thang.
Không ăn nổi bữa cúng dường
Ông mang thực phẩm tìm đường trở lui
Về nơi am thất mình rồi
Lên giường nằm liệt thân người thảm thay
Bỏ ăn bỏ uống bảy ngày
Bóng hình hoàng hậu cuồn quay não nề.

*

Sau khi dẹp loạn trở về
Ghé thăm hiền sĩ vua thì ngạc nhiên
Thấy ông nằm liệt giường bên
Tưởng ông đau ốm vua liền vỗ chân
Hỏi thăm sức khỏe ân cần
Chân thành hiền sĩ trút tâm sự mình:
“Nhìn hoàng hậu, khởi dục tình.”
Vua cười: “Hoàng hậu xin dành cho ông
Để cho ông được thỏa lòng
Chúng ta về lại hoàng cung. Xin mời!”
Vua cùng hiền sĩ tới nơi
Từ Tâm hoàng hậu đón người thiết tha,
Nhà vua ra lệnh cho bà

Hãy vào trang điểm thật là tươi xinh
 Với quần áo đẹp trên mình,
 Nhà vua bí mật tâm tình đôi câu
 Nhờ bà khéo léo cách nào
 Cứu hiền sĩ khỏi đảo chao tâm hồn,
 Bà hoàng hậu trấn an luôn
 Rằng bà có cách tinh khôn giúp người.
 Vua trao hoàng hậu xinh tươi
 Cho ông hiền sĩ nổi trôi biển tình.

*

Cả hai ra khỏi cung đình
 Ông đang mơ cuộc hành trình yêu đương
 Chợt nghe bà nói thân thương:
 “Giờ mình cần chỗ để nương thân rồi
 Một nơi để ở mà thôi
 Về trình vua rõ mong người cấp cho.”
 Quả nhiên vua chẳng chối từ
 Cấp cho lầu cũ rất ư tồi tàn.
 Nhận lầu bà cất tiếng than:
 “Nơi này dơ bẩn hoang tàn biết bao!”
 Bà không chịu bước chân vào
 Nói ông dọn dẹp cách nào sạch đi
 Khiến ông lại phải quay về
 Xin vua dụng cụ quân chi xa gần.
 Rồi bà đòi hỏi nhiều lần
 Gây ra nhiều chuyện khó khăn muôn phần:
 “Tô tường, trét vách, sửa nền
 Kiếm thêm bàn ghế, mùng mền, chiếu chăn
 Rồi đồ dùng để nấu ăn...”
 Tới lui bao chuyện nhọc nhằn trước sau
 Cuối cùng ngồi cạnh bên nhau
 Trong phòng im lặng bà đâu ngại ngùng
 Bất ngờ nắm lấy râu ông
 Tay vùng giật mạnh, miệng cùng la lên:
 “Sao ông lại nở chóng quên
 Mình là hiền sĩ tu thiền thanh cao
 Từ lâu thanh tịnh biết bao
 Giờ đây bỗng chốc rơi vào vô minh!”
 Ông nghe tiếng thét thình lình
 Trong tâm bừng ngộ, giật mình tỉnh ra
 Sau cơn cuồng loạn mê mờ
 Cúi đầu hổ thẹn thần thờ khê than:
 “Con đường tham dục chó ham
 Đọa vào địa ngục vô vàn đớn đau!”
 Ông kêu lên: “Hãy trả mau
 Nữ nhân trả lại, chó đâu chân chờ
 Trả hoàng hậu lại cho vua
 Ta quay trở lại rừng xưa tu hành!”
 Ông bèn thực hiện ý mình
 Gặp vua ông nói tâm tình đôi câu:
 “Tôi vừa chìm xuống dòng sâu
 Cõi lòng khát ái sóng sâu bủa vây
 Chính vì người nữ này đây

Xin trao hoàng hậu từ nay trả ngài.”

*

Từ Tâm hoàng hậu thật tài
 Vô cùng thông thái, tuyệt vời khôn ngoan
 Tặng cho ân sĩ non ngàn
 Món quà vô giá muôn vàn quý thay
 Bao nhiêu “thiền lực” trước đây
 Đã từng bị mất, giờ này phát huy,
 Trước khi ân sĩ ra đi
 Ông bèn thuyết pháp vua nghe điều lành,
 Trở về chốn cũ rừng xanh
 Lánh xa cõi tục kinh thành mãi thôi,
 Nhiều năm thiền định dần trôi
 Hưởng nhiều an lạc của đời ẩn tu
 Cõi trần ông chợt già từ
 Tài sinh thiên cảnh rất ư tốt lành.

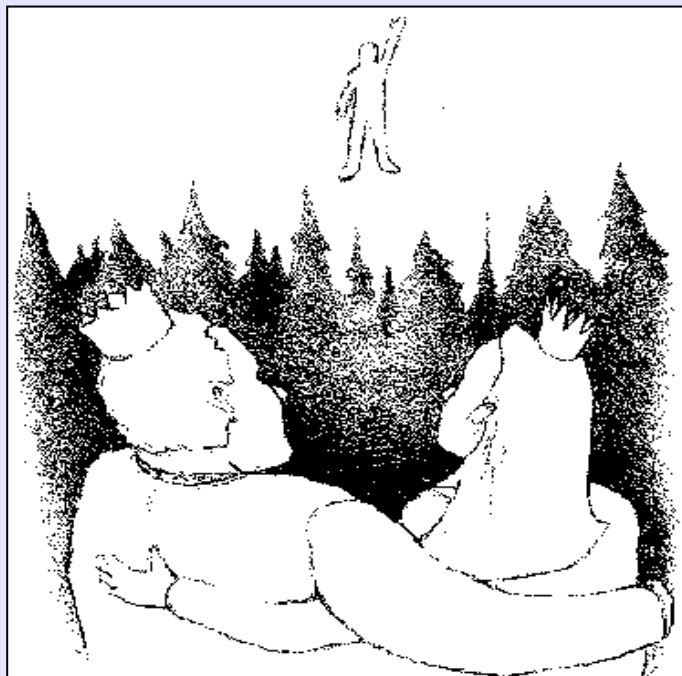
*

Nhận diện tiền thân:
 Ân sĩ là tiền thân Đức Phật. Vua là A Nan.
 Hoàng hậu Từ Tâm là Liên Hoa Sắc.

thơ

TÂM MINH NGÔ TÀNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi
 THE WISDOM OF QUEEN TENDERHEARTED
 của Ven. Kurunegoda Piyatissa & Tod Anderson)



Ánh đèn mờ trong căn bếp nhỏ

HẠNH CHI

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Căn bếp nhỏ thì có gì để nói, nên ánh đèn mờ trong cái bếp không có gì để nói đó thì lại càng không có gì sáng sủa mà được nói tới!

Áy vạy mà ánh đèn đó, trong căn bếp đó đã bất chợt khiến Sư già thốn thức "A Di Đà Phật. Ôi, cảm động biết bao!"

Sư già ở một mình trong căn hộ nhỏ đã hơn mười năm nay. Huynh đệ, bạn đạo gần xa cũng thỉnh thoảng ghé qua, hỏi thăm nhau sức khỏe thế nào, tu tập tinh tấn không ...

Tịnh thất quá đơn sơ nên Sư già cũng chỉ thường đãi khách bằng tinh thần như khi xưa thì hảo Nguyễn Khuyến từng tiếp tri kỷ:

"Đầu trò tiếp khách, tràu không có

Bác đến chơi đây, ta với ta..."

Mới đây, biết Sư già tịnh tu niệm Phật, có hai bạn trẻ, ngập ngừng mãi mới dám mở lời: "Thỉnh thoảng, ngày cuối tuần Sư cô cho chúng con tới thất, cùng niệm Phật, được không ạ? Vì ngoài giờ đi làm, chúng con cũng chỉ niệm Phật tại nhà thôi."

Và một sáng sớm, cái chuông cửa rất ít được sử dụng đã reo lên. Đó là hai người bạn trẻ xin đến cùng niệm Phật.

Sư già chia sẻ, tự tu tại thất nên Sư đơn giản lắm. Ngày hai thời công phu, mỗi thời tụng Kinh A Di Đà, niệm Phật, lạy Phật, đọc lời khai thị của các vị Tổ, sám hối, phát

nguyện, kinh hành trong thất hoặc quanh khu chung cư.

Đó là thời khóa tự đặt ra để giúp mình không giải đãi, nhưng đã là hành giả tu pháp môn Tịnh Độ thì cố gắng trong mọi thời, mọi lúc, giữ chánh niệm trong sinh hoạt đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, mặc, đều duy trì tiếng niệm Phật trong tâm. Đó là rào cản đầy xa vọng tưởng. Đó cũng là niềm an lạc vì cảm nhận luôn có Chư Phật gần gũi, và gia hộ.

Hai bạn trẻ chấp tay, nghiêm túc cùng vào thời khóa. Cả ba đồng thuận là khi niệm Phật sẽ niệm theo phương thức Thập Niệm Kỳ Số, thay phiên nhau, mỗi người niệm mười tiếng, chia làm ba hơi 3-3-4:

A Di Đà Phật-A Di Đà Phật-A Di Đà Phật

A Di Đà Phật-A Di Đà Phật-A Di Đà Phật

A Di Đà Phật-A Di Đà Phật-A Di Đà Phật

Phương thức này đã giúp Sư già giữ được chánh niệm khi niệm Phật vì cần chú tâm niệm đủ mười tiếng, nhưng do chia làm ba hơi nên không mệt mà lại rất dễ tự kiểm, niệm một lúc là tự động nhận biết đang niệm ở hơi nào.

Sư lại đề nghị hai bạn trẻ, là để có thêm năng lượng, người trước dứt tiếng, không phải là hết phần mình thì dứt, mà hãy **manh tâm mình, nương vào từng tiếng của người kế tiếp**. Nếu nhiệt thành, rồi sẽ cảm

thấy như mình chưa hề dứt, mà vẫn đang cùng niệm với bạn lúc nào không hay, dù không bằng âm thanh.

Đó có phải cũng là một trạng thái niệm mà vô niệm?

Văn hào Victor Hugo có nói một câu rất ý nhị, đại ý "Nghệ thuật có thể hình thành những vần thơ bay bướm, nhưng trái tim mới lưu lại những tác phẩm thi ca"

Vậy, những gì thuộc lãnh vực tinh thần, ta có nên giảm bớt những hình thức không cần thiết để không gian thông thoáng hơn, tâm người thanh tịnh hơn, quán sát sâu sắc hơn?

Có lẽ nhờ sự vô tình đơn giản mà ánh đèn mờ này đã chợt bừng sáng trong tâm Sư già!

Hôm đó, sau thời công phu, lúc giải lao, hai bạn trẻ ngập ngừng mở một gói nhỏ. Đó là một bóng đèn loại mờ, cắm vào ổ điện nơi nào cần chút ánh sáng trong đêm tối.

Vừa đưa ra, người bạn trẻ vừa cắm vào một ổ điện trong nhà bếp, vừa nói: "Sư cô cho chúng con cắm thử bóng đèn này trong nhà bếp để buổi tối, nếu khi Sư cô ra bếp lấy nước uống hay cần chi nơi bếp thì có ánh đèn mờ vừa đủ, tránh vấp té trước khi bật đèn sáng trong bếp"

Sư già cảm động, nhìn ánh đèn mờ nhưng hữu dụng, mà chính mình chưa hề nghĩ đến, rồi lại nhìn hai bạn trẻ.

Nhưng tối hôm đó, khi ra bếp lấy nước thì ánh đèn đó không mờ như công dụng đặc

thù của nó khi được tạo ra. Ánh đèn dường như sáng rực rỡ trong tâm Sư già, sáng tới mức dường như lan tỏa cả căn bếp nhỏ, cả căn hộ nhỏ...

Ôi, kỳ diệu thay khi Tình Đạo được hiển lộ trong Nghĩa Đạo thì Tình Nghĩa này sẽ tự nhiên vượt lên mọi tình nghĩa bình thường thế gian, mà đạt tới Tâm Đạo.

Từ nhiều năm nay, bao người đã đến rồi đi, có ai quan tâm về một ánh đèn mờ trong căn bếp nhỏ có thể giúp người Sư già độc cư, tránh được vấp té trong đêm tối? Ngay chính Sư già, từng lần mò trong đêm, có lẽ cũng từng vấp té mà cũng không đủ quan tâm tới chính mình để mang về cho mình một sản phẩm quá thông dụng, bày bán khắp nơi!

Hai bạn trẻ chỉ mới đến thăm vài lần, nhưng đã nhận ra, và đã thể hiện Tình Sen Nghĩa Đạo, khiến ánh đèn mờ không chỉ thắp sáng mà còn khiến đôi dòng lệ hiếm hoi của tuổi đời quá thất thập cổ lai hy đã lặng lẽ ghen ngào, như tình thần hai câu cuối trong bài thơ "Khóc Bạn", cụ Nguyễn Khuyến đã viết khi nghe tin cụ Dương Khuê vừa mất: "Tuổi già hạt lệ như sương. Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!"

Tối hôm đó, lấy nước uống xong, Sư già vén áo, lặng lẽ ngồi xuống bồ đoàn, trước ban thờ Phật. Chỉ ngồi xuống thôi, mà cũng chẳng nghĩ ngồi xuống để làm gì!

Bỗng dưng, ánh đèn mờ trong bếp như vừa đủ để Sư đọc được từ trong tâm, những nét chữ trong Tôn Kinh A Di Đà vừa tụng lúc công phu chiều.

Phải chi có hai bạn trẻ hiện diện phút này để Sư chia sẻ, là Sư không ngạc nhiên, cũng không hốt hoảng sao mình lại cảm nhận được như thế, mà điều này chỉ giúp Sư liên tưởng tới hình thức tụng kinh cực kỳ tôn kính tại Tu Viện Quảng Đức, bên Úc, mà Sư vừa nghe nói. Đó là cuối tháng mười vừa qua, Thượng



Toạ trụ trì đã hướng dẫn Lễ Pháp Hoa Kinh, mỗi chữ lay một lay.

Sư già đứng dậy, bật đèn ban thờ Phật, bật đèn sáng căn hộ, mặc áo tràng, đắp y, và ngồi xuống bồ đoàn, mở Kinh A Di Đà.

Chậm rãi đọc trang kinh đầu, Sư tự biết ngay là sức chưa đủ lực, tâm chưa đủ định, để có thể tụng một chữ, lay một lay. Vọng sẽ chen vào quấy nhiễu và tâm sẽ không kết được từng chữ cho trọn ý nghĩa câu kinh. Nhưng ngay trên trang kinh đầu, Sư nhìn thấy những dấu chấm.

Đây rồi! Dấu chấm là biểu tượng vừa tròn ý của một câu. Vậy thì, cứ tụng từng câu, sau mỗi dấu chấm, Sư sẽ lay xuống một lay. Thật đơn giản, thật vừa với tâm lực và sức lực, mà cũng tôn kính biết bao! Chư Phật sẽ chứng giám cho.

Vừa nhận ra giải pháp này, Sư già hướng về tôn tượng Đức Quán Thế Âm, bên phải tôn tượng Đức Bốn Sư Thích Ca mà lay tạ ơn ba lay. Sư tin tưởng Đức Quán Thế Âm đã lắng nghe được nỗi lòng băn khoăn của chúng sanh mà chỉ dạy. Đừng ai hỏi Sư căn cứ vào đâu mà tin như thế, vì niềm tin này tự nhiên và trong sáng, như nhật nguyệt, nắng mưa, phải thời thì hiện. Sống một mình nhiều năm, Sư đã quen với

sự thanh thản làm theo giác quan thứ sáu mà Sư tin tưởng có Chư Phật gia hộ và hướng dẫn.

Thời công phu chiều, thường là một tiếng rưỡi đồng hồ, nay tụng Kinh A Di Đà, lay xuống từng câu, Sư hoàn mãn công phu sau hai tiếng.

Tụng một thời kinh mà như được hai thời vì tụng xong một câu, khi chậm rãi cúi lay thì dư âm câu kinh vừa tụng, theo năm vóc sát đất mà êm ả thấm vào huyết mạch hành giả, như gieo một hạt mà nở trăm hoa...

Bất giác, Sư già chợt nhớ một lời dạy trong cuốn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục mà Sư từng được nghe Giảng Sư khai thị "*Khi bế quan dụng công, nên lấy chuyên-tinh-bất-nhị làm chính. Đóng cửa phương tiện, cự tuyệt sự vụ chẳng cấp bách, thật là hữu ích lắm thay!*"

Ôi,
Chữ nghĩa vẫn nằm đó
Năm tháng vẫn trôi qua
Chúng sanh hờ hững quá!
Kho báu bụi phủ nhòa!
Tạ ơn thiên-trí-thức
Đẫn dắt kẻ nghèo cùng
Đến trước kho châu báu
Chỉ đường về Tây Cung.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.

Nam Mô Tâm Thịnh Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát.

Con xin quy ngưỡng thân tâm về ngày Lễ Vía Đức Phật A Di Đà, Giáo Chủ Cõi Tây Phương Cực Lạc.

**Nam Mô Phương Tiện Thánh Cư Độ
A Di Đà Như Lai
Giải Thoát Tướng
Nghiêm Thân
Biến Pháp Giới Chư Phật.**

Hạnh Chi
(Tào-Kê Tịnh Thất –
Những ngày tịnh tu)

The Stories Relating to Anicca, Dukkha and Anata *Dhammapada, Verses 277—279*

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (277), (278) and (279) of this book, with reference to three groups of five hundred Bhikkhus each.

ON IMPERMANENCE (ANICCA)

Five hundred Bhikkhus, after receiving their subject of meditation from the Buddha, went into the forest to practice meditation, but they made little progress. So, they returned to the Buddha to ask for another subject of meditation, which would suit them better. On reflection, the Buddha found that those Bhikkhus had, during the time of Kassapa Buddha, meditated on impermanence. So, he said, "Bhikkhus, all conditioned phenomena are subject to change and decay, and are therefore impermanent."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 277. "All conditioned phenomena are impermanent"; when one sees this with Insight, one becomes tired & troubled by dukkha, (i.e., the khandhas). This is the Path to Purity.

At the end of this discourse all those five hundred Bhikkhus attained Arahatsip.

ON SUFFERING (DUKKHA)

The story is the same as the story on Anicca. Here, the Buddha on reflection found that another group of five hundred Bhikkhus had meditated on dukkha. So, he said, "Bhikkhus, all khandha clusters of clinging are oppressive and unsatisfactory; thus all khandhas are dukkha."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 278. "All conditioned phenomena are dukkha"; when one sees this with Insight, then one becomes weary of dukkha (i. e., the khandhas). This is the Path to Purity.

At the end of this discourse all those five hundred Bhikkhus also attained Arahatsip.

ON INSUBSTANTIALITY OR NO-SELF (ANATTA)

The story is the same as the stories on Anicca and dukkha. Here, the Buddha on reflection found that still another group of five hundred Bhikkhus had meditated on insubstantiality or non-self (Anatta). So, he said, "Bhikkhus, all khandha clusters of clinging are insubstantial; they are not self, own, mine, me, ego or subject to one's control."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 279. "All phenomena (dhammas) are without Self"; when one sees this with Insight, one becomes exhausted by dukkha (i. e., the khandhas). This is the Path to Purity.

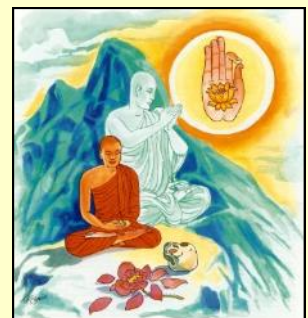
At the end of this discourse all those five hundred Bhikkhus attained Arahatsip.

INEVITABLE DECAY induces the NOBLE WAY!

Impermanent, momentary, and vanishing are all phenomena!
Whoever sees and understand this, becomes disgusted
with all this Suffering. This is the path to Purification!

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**

Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



TÌNH HUYNH ĐỆ

Sư-muội nhập thất tịnh tu
Muối mè, cháo đậu cũng vừa nuôi thân
Sư-huỳnh thương cảm ân cần
Nấu, rồi gói ghém chia phần cho nhau
Lặng thầm, huỳnh đến cửa sau
Nhẹ nhàng để lại đậu rau tương cà
Tình huỳnh đệ,
Ôi bao la!
Chén cơm chan với lệ nhòa, huỳnh ơi!

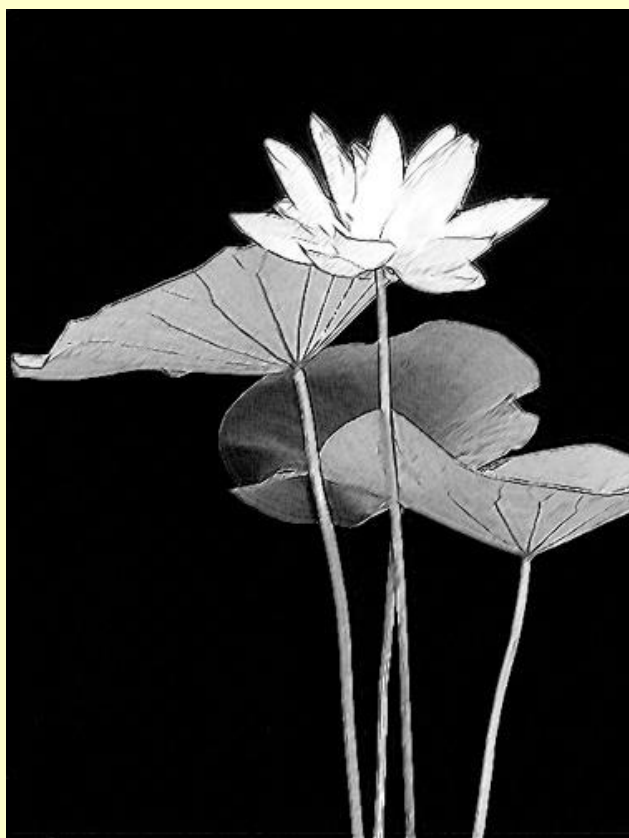
VỊ LỤC HÒA

Trong túi rau đủ loại
Sư-huỳnh vừa gửi cho
Đặc biệt có hai món
Kèm thêm lời dặn dò

Đó là hai món đắng
Lá mật gấu, khổ qua
Lời dặn thật cẩn thận
Như dược sỹ kê toa:

“Nấu sôi lá mật gấu
Dùng thay nước, thay trà
Trị tim, gan, cao máu
Nhớ uống đều đó nha!
Xào khổ qua bỏ chút
Bột nêm là đậm đà”

Huỳnh ơi,
Món đắng mà vị ngọt
Vị xông ướp Lục Hòa
Lòng Sư-muội rộn rã
“Nam Mô A Di Đà.”



thơ HUỆ TRÂN

(Tào-Khê Tịnh Thất, những ngày tịnh tu)

NGƯỜI MỸ GỐC CHÂU MỸ LA-TINH Ở QUẬN CAM ĐÃ TÌM ĐƯỢC NIỀM AN ỦI NƠI ĐẠO PHẬT

LA Times / Times OC section

Sunday 11/4/2018, page R1 – Caitlin Yoshiko Kandil

<http://www.latimes.com/socal/daily-pilot/entertainment/tn-wknd-et-latino-buddhists-20181016-story.html>

TRÍ TÁNH dịch

TIN TỨC / SỰ KIỆN

Cộng đồng những đạo hữu của Ngôi Chùa Phật giáo ở Quận Cam (Orange County Buddhist Church – **OCBC**) trở nên càng lúc càng đa dạng về chủng tộc, và một số cho rằng nguyên nhân là những tương đồng với Thiên Chúa giáo.

Từ khi được thành lập hơn 80 năm trước đây, Ngôi Chùa Phật giáo ở Quận Cam (**OCBC**) là nơi dung thân của những di dân Nhật Bản và gia đình họ.

Đặc biệt sau Thế chiến Thứ II, vốn là thời điểm 120.000 người Mỹ gốc Nhật bị lừa vào các trại tập trung, OCBC đã trở thành một nơi an toàn, một chốn để cộng đồng sắc tộc này có

thể thực hành và gìn giữ những nghi lễ tôn giáo của tổ tiên họ.

Nhưng với ảnh hưởng của đạo Phật ngày càng phổ quát tại Hoa Kỳ, OCBC đã trở nên đa dạng về chủng tộc và, cho đến hôm nay, người ta ước lượng một phần tư các đạo hữu đến chùa tu tập không phải là người Nhật nữa. Ngoài con số ngày càng gia tăng các đạo hữu người da trắng (theo Pew Research Center, 44% những người Mỹ theo đạo Phật là người da trắng), OCBC hiện là nơi quy tụ của một nhóm Phật tử người Mỹ gốc Châu Mỹ La Tinh vốn đang phát triển mạnh mẽ.

Theo Jon Turner, một nhà sư tại OCBC, *"Điều làm nhiều người thích đạo Phật là chúng tôi không có nhiều luật lệ để ràng buộc bạn phải sống cuộc đời bạn như thế nào. Chúng tôi không có nhiều những điều luật trắng đen rõ rệt. Do đó, nếu bạn thấy mình không thích hợp với khuôn mẫu của Cơ đốc giáo thì bạn đi đâu? Rất nhiều khi người ta chọn đến với đạo Phật."*

Đây là trường hợp của Hector Ortiz. Vốn là một tín hữu Tin Lành (Baptist), nhưng vì là một người đồng tính luyến ái, anh cho biết đã phải trải qua một giai đoạn đấu tranh với những lời giáo huấn của Tin Lành (Baptist) về tình dục. Đạo Phật phù hợp với anh hơn.

Anh nói: *"Điều tôi thấy hợp lý là trên khía cạnh tâm linh, tôi phải chịu trách nhiệm đối với hành động của mình và đối với nhân sinh quan của mình, thay vì dựa vào người khác hay nhìn ra bên ngoài để tìm hạnh phúc cá nhân. Đạo Phật lôi kéo tôi vì các thuộc tính như trách nhiệm cá nhân, đi tìm hạnh phúc và chấp nhận chính mình từ trong nội tâm. Trên khía cạnh tâm linh tôi có cảm tưởng mình đến với Đạo"*



The Orange County Buddhist Church (OCBC) 50th Anniversary Project was a major construction and renovation project upgrading its temple facilities in order to meet the needs of our growing Jodo Shinshu community.



Lindsay Hanashiro, 17, front, with fellow members of the OCBC Daion Taiko Group perform for attendees at the Orange County Buddhist Church's annual Obon Festival

Phật như mình đã trở về đến nhà."

Nhưng trở thành Phật tử không có nghĩa là phải bỏ lại sau lưng tôn giáo của quá khứ. Ortiz chơi đàn dương cầm và hồ cầm (cello) trong các buổi lễ hàng tuần của OCBC, vốn cũng là công việc của anh trước đây tại giáo đường Tin Lành (Baptist) từ khi còn bé.

Anh nói, *"Đối với tôi thì đây là một sự chuyển đổi suôn sẻ."*

Ortiz là một người Mỹ gốc Mễ Tây Cơ. Anh cũng thấy những tương đồng giữa nguồn cội văn hoá của mình với nền văn hoá Nhật Bản. Anh nói, cả hai đều đậm tính gia đình và đây cũng là cây cầu nối cho anh khi anh bắt đầu lui tới OCBC từ cả chục năm trước và lúc đó chưa biết nhiều về phong tục Nhật Bản.

Nhưng đối với Andy Saldana thì ngược lại. Anh đến với OCBC trước hết vì sự quen thuộc với văn hoá Nhật Bản.

Từ ba thập kỷ trước, Saldana đã lập gia đình với một phụ nữ Phật tử người Mỹ gốc Nhật. Còn anh, vốn là một người Mỹ gốc Mễ Tây Cơ và theo đạo Tin Lành (Protestant), Saldana bắt đầu đến chùa để dự các đám cưới và những công việc của gia đình. Vào thập niên 1980, anh là lính Thủy Quân Lục Chiến đồn trú ở Nhật Bản suốt hai năm. Trong thời gian đó anh đã tham dự những lễ hội Phật giáo và đến chùa gần như hàng tuần.

Thành ra Saldana đã quen thuộc với Đạo Phật từ trước khi anh trở thành đạo hữu của OCBC năm năm trước đây. Anh nói quyết định trở thành Phật tử của mình là do Đạo Phật nhấn mạnh đến sự tìm tòi, tìm hiểu.

Anh nói: *"Trong thời gian khôn lớn, với 17 năm theo đạo Tin Lành, tôi không được phép đặt câu hỏi. Tôi không được phép thắc mắc về tôn giáo của mình, về kinh thánh, về những lời thuyết giảng – về bất cứ điều gì. Vì đó là cả một sự xúc phạm. Nhưng trong Đạo Phật thì mình được khuyến khích phải tìm tòi, phải đặt câu hỏi, phải thắc mắc."*

Sư Turner nói rằng lịch sử lâu đời của OCBC đã giúp lôi kéo được những đạo hữu có gốc nguồn văn hoá khác nhau đến để cùng tu tập.

Vì ngôi chùa đã hiện hữu tại Quận Cam qua nhiều thế hệ, tiếng Anh trở thành sinh ngữ chính trong mọi sinh hoạt, khác với những ngôi chùa Phật giáo khác trong vùng vốn thoả mãn nhu cầu tâm linh của những cộng đồng di dân mới hơn và thường dùng tiếng Việt hay tiếng Hoa trong pháp thoại.

Sư Turner nói: *"Chúng tôi muốn tạo ra một mô hình Phật giáo đã được Mỹ hoá nhằm lôi kéo những người Mỹ gốc Nhật thuộc thế hệ thứ tư cũng như những người Mỹ gốc Châu Mỹ La Tinh mới đến chùa lần đầu tiên. Chúng tôi phải đến được với cả hai cộng đồng này, nếu không thì chúng tôi không thể tồn tại."*

OCBC thuộc tông phái Shin của Đạo Phật vốn rất phổ quát ở Nhật Bản.

Marcia Taborga thuộc gia đình đến từ Bolivia. Cô nói tuy Đạo Phật khác với Thiên Chúa giáo, vốn là tôn giáo của cô từ thời niên thiếu, nhưng trong một khía cạnh nào đó, chính Thiên Chúa giáo đã soạn tốt để cô đến được với OCBC.

Những nghi lễ, những lời kinh tụng – và cái ý tưởng phải có niềm tin – đến với cô thật dễ dàng vì cô đã từng thực hành như vậy với Thiên Chúa giáo.

"Tôi thật sự ngạc nhiên không ngờ trong Đạo Phật mà mình cũng phải có một chút niềm tin. Nhưng tôi thấy không sao và nghĩ rằng quá khứ Thiên Chúa giáo của mình đã giúp mình chấp nhận phải có niềm tin."

Mặc cho những tương liên giữa Đạo Phật và Thiên Chúa giáo, và mặc cho sự gia tăng của con số đạo hữu người Mỹ gốc Châu Mỹ La Tinh, Đạo Phật vẫn là điều gì hiếm hoi trong cộng đồng này.

Theo Pew Research Center, người Mỹ gốc Châu Mỹ La Tinh chiếm 12% tổng số Phật tử Mỹ, nhưng theo Joe Garcia, một người Mỹ gốc Mễ Tây Cơ đã tu tập từ năm năm qua tại OCBC, người Mỹ gốc Châu Mỹ La Tinh ít có cơ hội để biết về Đạo Phật.

Anh Garcia, chồng của cô Taborga, nói rằng, *"Tôi không nghĩ người Mễ có thể ý thức được rằng trở thành Phật tử là một điều khả thể."*

"Nhưng tuy vậy, nói chung, tôi biết trong nước Mỹ này người ta rời bỏ Thiên Chúa giáo, nhiều khi cả đám đông. Cuối cùng, họ chuyển qua Tin Lành (Protestant) hay rời bỏ tôn giáo luôn. Do vậy tôi vẫn mong có một cách nào đó để có thể giới thiệu Đạo Phật với họ, giúp họ có một chọn lựa khác."

Turn to the next page for English version



Orange County Latinos are finding solace in Buddhism

By CAITLIN YOSHIKO KANDIL

OCT 16, 2018 | 9:00 AM

When the Orange County Buddhist Church was established more than 80 years ago, it was a refuge for Japanese immigrants and their families.

Especially after World War II, when 120,000 people of Japanese descent were held in concentration camps, the church was a place of safety, where the community could practice and preserve many of the religious rituals of its ancestral land.

But as Buddhism has gained popularity in the United States, the historically Japanese temple in Anaheim has become increasingly diverse, so that today an estimated one-quarter of OCBC congregants are not Japanese. In addition to a growing [number](#) of white practitioners — according to the Pew Research Center, 44% of American Buddhists are white — OCBC is now also home to a burgeoning group of Latino Buddhists.

"What many people like about Buddhism is that we don't have a lot of rules about how you should live your life," said the Rev. Jon Turner, a minister at OCBC. "We don't have a lot that's black and white. So if you don't fit the mold in Christianity, where do you go? A lot of times they'll come to Buddhism as an alternative."

This was the case for Hector Ortiz, who grew up Baptist, but as a gay man struggled with his church's teachings on sexuality. Buddhism seemed like a better fit.

"For me, spiritually, what makes sense is that I'm responsible for my own actions and how I interpret the world, (as) opposed to looking to others for happiness or seeking it outward," Ortiz said. "I was drawn to the personal responsibility, seeking happiness inward and the acceptance. It felt like a place I was arriving [home](#) to, spiritually."

But becoming Buddhist didn't mean leaving everything from his religious past behind. Ortiz plays piano and cello for OCBC's weekly services — something he used to do at the Baptist church he attended as a child.

"It was a nice crossover for me," he said.

Ortiz, who is Mexican American, also sees similarities between his heritage and Japanese culture. Both are family-oriented, he said, which served as a bridge for him when he



A "naijin," or altar, at the Orange County Buddhist Church in Anaheim. Once predominately Asian, the church is attracting a large number of Caucasian and Latino congregants. (Photo by Scott Smeltzer)

started attending the temple a decade ago and didn't know much about the customs.

The Orange County Buddhist Church in Anaheim is an historically Japanese temple in Anaheim that is becoming increasingly diverse. (Photo by Scott Smeltzer)

For Andy Saldana, it was familiarity with Japanese culture that came first.

After marrying a Japanese American Buddhist woman three decades ago, Saldana, who is Mexican American and was raised Protestant, started going to Buddhist temples for weddings and family events. In the 1980s, he was stationed in Japan for two years as a Marine and went to Buddhist festivals and temples almost every week.

So Saldana was already familiar with Buddhism when he joined OCBC five years ago, a decision he said was based in part on the religion's emphasis on inquiry.

"When I grew up, 17 years in the church, you weren't allowed to ask things," he said. "You weren't allowed to question the religion, the books, the teachings — anything. It's sacrilege. But in Buddhism, you should be questioning."

Turner said that OCBC's long history has helped it draw a diverse group of practitioners.

Since the temple has been in Orange County for several generations, it primarily operates in English, unlike many other Buddhist temples in the area that serve newer immigrant communities and conduct services in languages such as Chinese or Vietnamese.

"We try to have a form of Buddhism that's Americanized so it appeals to a fourth-generation Japanese person and also a Latino coming to the temple for the first time," Turner said. "We have to be able to reach both or we're not going to be able to make it."

OCBC teaches Shin Buddhism, the most

widely practiced denomination in Japan.

Marcia Taborga, whose family is from Bolivia, said that while Buddhism is a break from the Catholicism she grew up with, in some ways, the religion of her upbringing prepared her for OCBC. Rituals, prayers — and the idea of taking things on faith — were easier for her because she was familiar with these practices in Catholicism, she said.

"I was totally surprised that I would have to take anything on faith in Buddhism," she said. "But I was OK okay with that, and I think part of that came from Catholicism."

Despite these connections between Buddhism and Catholicism — and the budding congregation of Latinos at OCBC — Buddhism is still rare in the Latino community.

According to the Pew Research Center, Latinos make up 12% percent of the American Buddhist community, but Joe Garcia, a Mexican American who has been attending OCBC for five years, said that Latinos generally don't have much exposure to Buddhism.

"I don't think it's on most Hispanics' radar that it's even a possibility," said Garcia, who is married to Taborga. "And yet I know that in the United States, they've been largely moving away from Catholicism, some of them in droves. They end up going to Protestant denominations or dropping out of religion altogether. So I wish there was a way that more Hispanics could be exposed to Buddhism — to give them an alternative."

Caitlin Yoshiko Kandil is a contributor to Times Community News.

Caitlin Yoshiko Kandil

Caitlin Yoshiko Kandil left Times Community News in 2017. She is a graduate of Northwestern [University](#) and Harvard Divinity School and a former U.S. Fulbright scholar to Sri Lanka. She has previously written for newspapers and magazines in Boston, Washington, DC, and Northern California. In 2011, she won a National Health Journalism Fellowship from the [University of Southern California](#), and in 2014 was awarded an Emerging Journalist Fellowship by the Journalism and Women Symposium.

ẤM ÁP MÙA ĐÔNG

*Rét mùa đông cũng nhiệm màu
Bởi giòng máu chảy trong nhau Phật Đà
Quay về ta gặp lại ta
Phật tâm hiền lộ ngõ xa mà gần
Bên nhau chia phút tịnh chân
Dường như ta đã rất thân kiếp nào
Mai này giữa cuộc trần lao
Gặp nhau còn nhớ lời chào Chân Như.*

MƠ ƯỚC

*Xin nối khắp tình cầu
Một vòng tay nhân ái
Để cho bao ngang trái
Không còn chỗ dung thân*

*Xin vọng tiếng chuông ngân
Cho hồn tan phiền não
Để không còn mưa bão
Rơi trong cõi lòng người*

*Xin hái nụ xuân tươi
Kết thành trang cổ tích
Để tiếng cười khúc khích
Thay tiếng khóc thê lương*

*Xin hát khúc yêu thương
Gọi tình đầy bác ái
Từ bi luôn tồn tại
Giữa thế cuộc thăng trầm.*



thơ **DIÊU LINH**

Ánh sáng

TÂM KHÔNG – VĨNH HỮU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

"Không. Dứt khoát là không. Mấy đứa con của tôi không cần chữ nghĩa mà vẫn sống khỏe mạnh, khôn lanh chẳng thua kém con nhà ai trong xóm này!"

Giọng bức tức, điệu bộ bất cần của Hương như thau nước lạnh buốt tạt vào mặt Quyên. Nén lòng, Quyên cố giữ điềm tĩnh để nói hết ý hết lòng mình cho người hàng xóm hiểu:

"Mù chữ thì không thể khôn lanh với ai được chị ạ. Bây giờ còn nhỏ thì thấy không cần, sau này khi các cháu lớn lên mới thật sự thấy cái lợi ích to tát vô cùng của sự học!"

Xua tay, lắc đầu, Hương cười mỉa mai:

"Khỏi, khỏi. Con tôi chỉ

cần biết cộng trừ, đủ để tính toán tiền nong là tốt quá rồi. Chị đừng thuyết phục cho mỗi miệng. Nhưng dù sao... tôi cũng cảm ơn lòng tốt của chị khi đã quan tâm đến mấy đứa con tôi, cảm ơn..."

Cô giáo Quyên vẫn kiên nhẫn:

"Chị nghĩ lại đi, tôi tự nguyện dạy kèm cho các cháu, không lấy một xu học phí, sách vở bút mực tôi cũng sẽ cung cấp cho các cháu mà..."

Hương cười khẩy nhìn trời nói trống trống:

"Chuyện đó mà ai biết được?"

Mím chặt đôi môi, Quyên cố kiềm nén cơn tức giận, đôi bàn tay rung lên nhẹ nhẹ, rồi thở dài ngao ngán:

"Thôi vậy, nhưng nếu chị nghĩ lại, cứ gọi tôi một tiếng, các cháu sẽ được học ngay..."

"Chắc là tôi không có thì giờ để nghĩ đi nghĩ lại về chuyện học hành với vấn này đâu. Chị đừng có hi vọng gì nữa. Chào chị!" Hương chua chất.

Hai tiếng "chào chị" của Hương dường như đồng nghĩa với "cút đi," khiến Quyên thấy xót xa. Cô giáo vội bước nhanh đi như bị ma đuổi, đến khúc quanh đầu hẻm thì đứng lại lấy tay áo chùi nước mắt...

"Tại sao em lại từ chối lòng tốt, thiện chí của người ta?"

Hương buông từng tiếng chắc nịch:

"Chưa chắc là lòng tốt. Chưa chắc là thiện chí..."

Hoàng trợn mắt nhìn vợ như nhìn một quái nhân dị vật, anh đứng bật dậy khỏi chiếc ghế, bức tức:

"Sao lại chưa chắc?"

"Không phải tự dưng mà tốt như vậy. Cô ta chắc phải có mưu đồ gì đó!"

"Sao em lại nghĩ vậy?"

"Vì... vì cô ta là người yêu cũ của anh!"

Hoàng sững sờ. Hương buông một tiếng cười khô khốc, lườm đôi mắt sắc ngọt nhìn chồng:

"Cô ta vẫn còn yêu anh. Vì còn yêu nên mới quan tâm đến mấy đứa nhỏ con nhà mình. Từ ngày vợ chồng mình về đây sống, chui rúc trong cái xó



xinh xắn từ đường dòng họ nhà anh, dường như cô ta mừng, sướng bụng lắm, vì được nhìn thấy người yêu năm xưa, được trò chuyện với người bạn tình hàng xóm thuở hai người mới lớn...”

“Im đi. Đừng có ngồi mà tưởng tượng, đem bụng mình đoán bụng người khác!”

“Anh sợ nghe sự thật à? Em biết cô ta là loại người chung thủy, trong tim chỉ có một tình yêu duy nhất dành cho anh, chính vì vậy mới ở giá bao năm qua.”

“Đừng xúc phạm người khác. Cô im không?”

“Cô ta đang từng bước lấy lòng vợ chồng mình, anh biết không? Cứ cho quà mấy đứa nhỏ, nay còn định làm cô giáo cho mấy đứa nhóc với cái cơ xoá mù.”

Hoàng đập bàn cái rầm, gằn giọng:

“Đừng có chọc cho tôi nổi sùng lên. Yêu, yêu, yêu cái con khi mốc gì? Từ ngày cưới cô làm vợ, về ở rể sáu năm trời, nay lại về thành phố tìm kế mưu sinh, hỏi thử tôi còn cái gì mà yêu với thương?”

“Anh vẫn còn là anh. Có mất cái thân xác đâu?”

“Còn à? Còn một thằng tay trắng chai sần. Còn một thằng đầu bù tóc rối quần quật suốt ngày đêm ở chợ. Còn một thằng cha vô trách nhiệm với con cái, không đủ sức lực lẫn tài trí để lo toan cho con cái được ăn học đàng hoàng như con cái hàng xóm. Còn một thằng đàn ông bất tài vô dụng, chỉ biết cầm đầu cầm cổ kiếm từng đồng mà chắc bóp tiền tặn để lo cơm áo cho vợ con, quên lo cái thân mình...”

“Thôi, anh đừng có kể công, đừng có than thở trách móc!”

“Có con khùng con điên mới còn yêu, còn tưởng nhớ đến cái thằng mặt máu này. Quyên không phải là thứ khùng điên, mà là một thiên sinh nghiêm túc bao năm theo đạo tràng tu thiền ở chùa của thầy Thông Kiến, thiền tự Viên Quang. Chuyện này tôi nói đi nói lại hoài mà cô



không nhớ. Cô đứng có ghen tuông mù quáng!”

“Không yêu thương thì mắc mớ gì phải xin dạy không công cho mấy đứa nhỏ nhà mình? Mấy đứa con nhà mình cứ quần quật, mở miệng ra là cô Quyên, cô Quyên, làm như mẹ tụi nó không bằng.”

“Sao cô không nghĩ ra một điều: cô ta đang làm thay cho cô, cho tôi, những gì mà cô và tôi đã không làm được cho con cái. Mình phải xấu hổ, phải cảm ơn cô ta chứ!”

Cuộc tranh cãi giữa hai vợ chồng vẫn tiếp tục diễn, chưa có hồi kết thúc. Những ngày sau đó, không thấy cô giáo Quyên qua lại nhà vợ chồng Hoàng-Hương nữa ...

Như mọi ngày, cứ đến chạng vạng, bốn chị em Linh, Liễu, Long, Lân gặp nhau ở công viên thiếu nhi gần biển, tính toán tiền nong, rồi cùng nhau đem vé số bán không hết đến Công ty Xổ số Kiến thiết gần đó giao trả. Xong, chúng hớn hờ đem tiền chạy ra chợ nộp hết cho mẹ. Hai đứa lớn ở lại phụ giúp mẹ bán hàng, mua thức ăn cho bữa cơm tối. Hai đứa nhỏ lật đật về nhà nấu cơm, quét dọn nhà cửa. Buổi chiều hôm nay

cả bốn đứa cùng nôn nóng, bồn chồn mong đến tối, nên mọi việc từ trong nhà ngoài chợ đều được chúng vui vẻ hăng hái làm xong nhanh chóng.

Đúng 6 giờ 30 chiều, khi cả bốn đứa con đã về nhà lo tắm rửa, Hoàng đẩy chiếc ba-gác về đến hàng của vợ, phụ giúp vợ dọn hàng với nét mặt khác lạ. Nhìn chồng với áo quần lấm lem nhơ nhớp, tóc tai rũ rượi, nhưng miệng cứ luôn huýt sáo âm điệu quen thuộc của bài hát “Cuộc đời vẫn đẹp sao,” Hương không khỏi ngạc nhiên, tò mò hỏi:

“Dường như chiều nay có chuyện gì lạ thường mà em để ý thấy anh, với mấy đứa nhỏ, vui tươi hẳn lên vậy?”

Hoàng làm bộ ngớ ngẩn:

“Đâu có gì? Kiếm được tiền nhiều hơn hôm qua, thì vui vẻ chút vậy mà.”

Hương vẫn ngờ vực, nhưng không hỏi nữa. Hai vợ chồng chất hàng lên xe, cùng đẩy về nhà. Bốn đứa con từ trong nhà chạy ra, xăng xái phụ giúp cha mẹ dọn hàng vào.

“Có chuyện gì mà mấy đứa bây ăn mặc đẹp, sạch sẽ như ngày Tết vậy?” Hương hỏi các con.

Liễu cười tủm tỉm, huých

tay vào hông Long. Long ấp úng:

"Dạ... hôm nay là ngày... là ngày..."

Hoàng khoá chiếc xe ba-gác bằng sợi dây xích to, bước lại lớn tiếng át đi tiếng của con trai lớn:

"Ngày gì thì vào trong nhà rồi biết!"

Vợ chồng con cái kéo nhau vào trong nhà. Giữa nhà, trên chiếc bàn con cũ kỹ đã được trải tấm nhựa hoa hoè sặc sỡ, đang có một chiếc bánh kem hai tầng nằm giữa những ly chén muổng đĩa, và mấy chiếc phong bì trắng. Hương trở mắt kinh ngạc, nhìn những thứ lạ lẫm trên bàn, rồi nhìn chồng, nhìn từng đứa con với một nỗi sung sướng râm ran...

Rưng rưng nước mắt, Hương ngắm nhìn chiếc bánh kem trắng điểm những đoá hoa hồng chạy quanh hàng chữ **"Kính mừng sinh nhật lần thứ 35 của mẹ."**

Như đang đi vào chiêm bao, những ngón tay đầy cảm xúc của người mẹ ban mặt con run nhẹ lên để rút từng tấm thiệp đầy hoa ra khỏi phong bì.

"Mừng sinh nhật của mẹ, kính chúc mẹ được dồi dào sức khoẻ!", dòng chữ nắn nót bằng bút mực tím của đứa con gái đầu tên Linh.

"Kính chúc mẹ được trẻ mãi không già," dòng chữ run rẩy vụng về của đứa con trai tên Long.

Và đây, thật là như trong mơ khi con nhỏ Liễu đề thơ trên thiệp: **"Ba mươi lăm cái mùa xuân, mẹ như dòng nước từ nguồn chảy ra!"**, làm cho Hương phải phì cười trong nước mắt.

Thằng út Lân thật phi thường với mấy chữ to rõ: **"Con hun mẹ một ti cái, mẹ đừng đánh con đau ghen mẹ!"**

Hương nuốt nghẹn, nhìn các con, rồi dang rộng hai cánh tay ra đón đợi, cả bốn chị em lập tức sà vào lòng mẹ. Hương xoa đầu từng đứa con, nước mắt lẫn dài.

Đã lâu lắm rồi, kể từ ngày

sinh thêm thằng nhỏ Long, hôm nay người mẹ tảo tần vất vả này mới có lại được một tiệc sinh nhật. Hương nhìn chồng. Hoàng đang ngồi lặng thinh bên bàn, mắt đỏ hoe. Hương hỏi các con:

"Ai viết thiệp chúc mừng giùm các con vậy?"

"Con tự viết. Con biết viết, con biết đọc rồi mà!" Cả bốn chị em đồng thanh.

Hương chùi nước mắt, hỏi:

"Ai dạy các con học? Các con học hồi nào?"

"Cô giáo Quyên dạy cho tụi con vào mỗi trưa và tối, tụi con giả bộ xin mẹ đi chơi, rồi kéo đến nhà cô học. Học được năm tháng rưỡi rồi mẹ ạ!" Nhỏ Linh mau miệng.

Người mẹ bàng hoàng ngẩn ngơ, đưa mắt nhìn về một nơi mơ hồ xa xăm. Hoàng cười nửa miệng lên tiếng:

"Còn tiệc sinh nhật là do anh bày vẽ ra đó. Có trách la thì trách la anh đây, đừng trách la tụi nó!"

Hương âu yếm nhìn chồng, cười rạng rỡ nói:

"Không. Em vô cùng sung sướng, vô cùng cảm ơn anh và các con, đã cho em những giờ phút tuyệt vời nhất đời!"

Rồi Hương bước lại bên cạnh bàn, nhìn ngắm từng thứ, xúc động nói:

"Tiệc vui này thiếu vắng một người. Các con ơi, mẹ đang muốn có mặt một thượng khách chung vui với nhà mình... Các con hãy đi mời cô Quyên sang đây, cô không đi cũng kéo cho cô đi, nói rằng ba mẹ đang chờ chỉ mình cô thôi!"

Bốn chị em dường như chỉ chờ được nghe bấy nhiêu, lập tức chạy ủa ra ngoài vui tươi như đàn chim ríu rít. Hương nhìn theo, rồi nhìn chồng, lắc đầu nói:

"Mẹ tụi nó không bằng!"

Hoàng tươi tắn, bật chiếc quạt gaz. Ngọn lửa xanh rờn chấm sáng ba ngọn đèn cây lớn màu hồng, cùng năm ngọn đèn cây nhỏ màu xanh là cây. Chiếc bánh sinh nhật sáng lên.

Ánh sáng dường như toả khắp bên trong căn nhà tối tàn ảm thấp của gia đình nghèo khổ, sưởi ấm từng góc ngách, và sưởi ấm lòng nguội lạnh của con người. Ánh sáng của tình thương rộng lớn, của trí tuệ quang minh, soi vào vùng tối tăm mê muội.

Mừng sinh nhật vui vẻ.



MẸ GỌI CON

Ta đi khắp cả muôn trùng
Lặng nghe lòng mẹ gọi hồn con thơ
Mẹ già tóc bạc răng thưa
Chờ con mòn mỏi mà con chưa về

Đêm nay giữa chốn hoang vu
Con nghe lời mẹ nhẹ nhàng hỏi han
Con tôi có khoẻ hay không
Sao mà lâu lắm con chưa lần về

Giữt mình con tỉnh cơn mơ
Thu nay đã đến kia rồi ai hay!
Mùa thu gió nhẹ lung lay
Mưa thu lất phất bên thềm nhà ai

Trăng thu vằng vặc trời cao
Như tình của mẹ dạt dào yêu thương
Bao năm xuôi ngược bốn ba
Đi tìm ảo ảnh phù du cuộc trần
Nhưng mà tìm mãi mẹ ơi
Không tình nào ngọt như là mẹ-con

Đêm nay tuyết lạnh gió bay
Nơi khung trời lạ loay hoay một mình
Kính xin gọi cả tấm lòng
Về bên gối mẹ một trời nhớ thương.



thơ

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

Bán nghèo

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Thử xưa, ở nước Ấn Độ, có một trưởng giả giàu nứt đổ vỡ vách nhưng hết sức keo kiệt, thường cắt cổ, lột da thiên hạ với cách cho vay nặng lời. Tánh ông lại còn hung tợn, tàn ác nữa. Thật đúng với câu: “Vi phú bất nhân,” ông không có chút từ tâm. Mỗi khi có những kẻ mang công thiếu nợ không lo trả nổi theo lời hứa hẹn, thì ông sai lũ gia nhân đánh đập một cách tàn nhẫn, thậm chí ông còn đối đãi với kẻ ăn, người ở trong nhà một cách hết sức tệ bạc, xem họ như loài thú vật không hơn không kém.

Trong nhà có một bà lão bộc, làm công việc nhà quần quật suốt ngày không có một lúc rảnh tay. Nhưng không phải chỉ vậy mà thôi đâu, mỗi khi có sơ sót, hay lỡ tay làm hư hỏng việc gì, thì ông chủ miêng chửi, tay đánh không may may thương xót. Áo quần

không đủ để che kín tấm thân gầy, cháo cơm không đủ làm no dạ dày lép xẹp. Lại còn tuổi già sức yếu mà phải chịu bao nỗi nhọc nhằn, vất vả, vì sức chịu đựng của con người có hạn, cho nên bà thường bị đau yếu luôn. Có lẽ vì đau khổ quá, cực nhọc quá, nên nhiều khi bỗng không bà rơi nước mắt, rồi bà khóc thực sự, khóc cho thân thể bị bầy vò, khóc cho tình đời đen bạc, trọng phú khinh bần.

Có một hôm nợ, nhân lúc mang bình ra mé sông múc nước, được ít phút rảnh rang khỏi cặp mắt găm gù của ông chủ, bà yên tâm tam ngời nghĩ chân dưới cội cây bàng. Trong đầu óc bà lúc ấy lại thoáng hiện ra những sự hành hạ, đập đánh, chửi rủa, tàn nhẫn vô lương tâm của ông chủ. Trong một phút suy ngẫm về giá trị đời sống, bà bỗng rùng mình. Tội nghiệp

bấy giờ bà chán sự sống lắm, một ý nghĩ đen tối thoáng hiện trong óc bà, bà muốn quyền sinh. Bà nghĩ bà phải chết đi, chết để giải quyết tất cả mọi nỗi đau khổ loài người đen bạc đã cố ý dày vò bà. Bà nghĩ những nỗi nợ niềm kia, nghĩ đủ thứ, nước mắt hai bên khóe tự nhiên ràn rụa tràn ra, lăn dài xuống hai má hóp. Bà để mặc cho hai dòng lệ tự do tuôn chảy không buồn chậm lau. Bà vẫn cố muốn khóc cho thật nhiều, khóc cho hết nước mắt để rồi bà chết, phải rũ hết nợ đời, chớ sống mà thân xác cũng như linh hồn bị dày vò đầy ải quá sức, thì thà chết đi còn hơn.

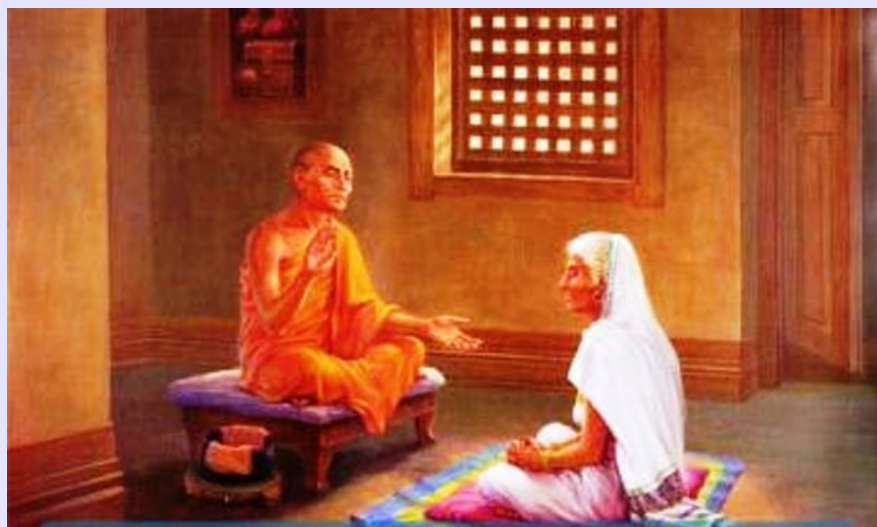
Bà khóc mùi mẫn cho đến đổi Tôn giả Ca Chiên Diên đi đến tận bên, bà cũng không hay biết gì. Mãi đến lúc Tôn giả cất tiếng hỏi bà mới giật mình.

- Sao thế? Sao bà khóc lóc quá như thế? Ai ăn hiếp bà, ai hành hạ đánh đập bà?

Bà lao vắn còn nghẹn ngào, không nói được ra lời để đáp lại những câu hỏi của Tôn giả. Bà chỉ giương đôi mắt mờ lệ nhìn Ngài.

- Tội nghiệp quá, xem bà nghèo khổ, gian truân quá, nhưng tình cảnh nhà bà ra sao? tại sao bà lại ngồi đây một mình mà khóc, bà cho tôi biết đi, bà nói hết nỗi khổ của bà cho tôi nghe đi, may ra tôi có phương cách gì để giúp ích phần nào cho bà.

- Bạch Ngài, Ngài xem tôi từng này tuổi mà vẫn phải làm tôi mọi cho người ta, công việc làm việc vất vả suốt ngày thâu



đêm, lại còn bị chủ nhà ác nghiệt, bó buộc, đánh đập hành hạ khổ sở. Thân thể già yếu, nay đau mai mạnh, hằng ngày cơm chẳng đủ no, áo không đủ ấm, thì làm sao mà sống cho nổi!

Bà vừa nói vừa khóc trông thảm thiết lắm.

- Tội nghiệp bà nghèo từng này tuổi mà còn phải làm tôi tớ cho người để bị nhiều điều cực khổ, đau đớn, sao bà không bán quách cái nghèo đi, để đeo nó theo làm gì cho thêm khổ sở?

- Trời ơi! Sao Ngài bảo lạ thế? Ai thèm mua nghèo mà hong bán?

- Bà ạ! Tôi nói thật đấy, nghèo có thể bán được như thường tôi thấy bà khổ sở, tôi khuyên bà bán ngay nó đi, tôi thương bà, tôi bảo thật đấy. Tôi nói gạt bà có ích lợi gì cho tôi đâu?

Nghe giọng nói quả quyết và trông gương mặt hiền từ, thành thật của Tôn giả, bà già hết sức ngạc nhiên, nhìn Tôn giả trân trân, hồi lâu mới thốt được lời:

- Nếu Ngài có phương kế gì bán được cái nghèo, mong Ngài thương xót chỉ cho, tôi xin ngậm vành kết cớ, cảm ơn ơn đức suốt đời, không lúc nào quên được.

- Được, tôi xin hứa chắc với bà và nếu bà thật tình muốn bán, thì tôi bảo thế này, bà phải làm đúng y như vậy mới có kết quả tốt đẹp được.

Bây giờ bà hãy xuống sông tắm cho thật sạch sẽ, thân thể bẩn thỉu quá có thể sinh ra nhiều bệnh tật, lại ai cũng chán mà chẳng dám đến gần.

Bà già vâng lời tôn giả xuống sông tắm rửa sạch sẽ xong xuôi, bà liền đến bên bạch rằng:

- Bây giờ Ngài dạy tôi cách nào để bán?

- Bây giờ bà phải bố thí. Vì Phật đã dạy: pháp bố thí là để cho người vượt khỏi lòng tham lam, mà tham lam là cái nhân bản cùng khổ sở. Tôi đã dùng huệ nhãn quán sát thấy bà nhiều kiếp về trước tánh tình tham lam keo kiệt, nên

kiếp này bà phải chịu quả báo cực khổ nghèo cùng. Vì vậy muốn hết nghèo cùng bà phải dứt lòng tham lam, còn phải thật hành phương pháp bố thí. Nhân nào thì quả nấy, chắc chắn không sai.

- Đất ơi! Ngài bảo tôi bố thí, bố thí để dứt lòng tham, nhưng tôi có tham hồi nào đâu? Tại tôi nghèo cùng đến nỗi gơ xương, lòi da như thế này, tôi phải đào đâu ra của để mà bố thí. Thưa Ngài, Ngài bảo cách nào dù thiên lao vạn khổ gì, già này cũng có thể cố gắng làm được, chớ còn điều này thì xin chịu. Tôi không biết làm cách nào để làm cho được vừa lòng Ngài. Đây hiện giờ trong tay chỉ có cái bình này của chủ thôi, tôi mang đi để múc nước về, nếu có thể bố thí được thì tôi xin bố thí ngay, bất quá về nhà chủ đánh chút thôi, không đến nỗi gì, quen rồi chả sợ. Miễn giờ đây có thể làm đủ theo ý muốn của Ngài là tôi vui lắm rồi.

- Ấy chết! Của chủ bà đem cho đi, về nhà mất bình chủ bà đánh chửi chịu sao nổi?

- Không sao, thưa Ngài! Già đã chịu đựng quen rồi, không đến nỗi gì, mà già cũng nghĩ liều mạng bất quá chết là cùng.

- Cũng được, miễn có lòng thành kính là được, không luận ít nhiều. Bà hãy đem bình tìm chỗ nước thật trong và thật sạch múc đầy bình đem về đây cho tôi.

Tôn giả Ca Chiên Diên tiếp nhận bình nước sạch do tự tay bà lão múc đem về dâng. Ngài chú nguyện cho bà, lại dạy bà lão nên ăn chay, niệm Phật, làm các công đức v.v... đoạn Ngài hỏi:

- Bà có chỗ ở nào thật sạch sẽ không?

- Tội nghiệp quá nhưng bà về nên cố gắng giữ lòng, lo trọn bốn phận, không nên hiềm hận điều gì cả. Tối đến, đợi khi trong nhà ngủ hết, bà hãy lên mở cửa lên nhà trên, vào trong ngồi xếp bằng ngay gần niêm Phật, tâm đừng nghĩ gì khác chỉ nên nhất tâm

tưởng Phật mà thôi. Bà nên nhớ thế.

...Bọn đầy tớ nhà ông Trưởng giả rang ngày mở cửa, cả sợ, tri hô lên.

Ông Trưởng giả hốt hoảng ba chân bốn cẳng vừa chạy vừa quát:

- Mẹ tớ này sao hôm nay lại trốn lên được đây ngồi chết? Từ trước đến giờ không bao giờ mụ được lên đây cả, thế sao hôm nay... Bầy đâu, hãy đến gần rờ xem bà ta chết đã lâu chưa? Nếu thiệt chết, bầy cột chân kéo xác bỏ vào rừng cho quạ kền ăn quách đi là xong chuyện. Mau lên! Không tao đập chết cả lũ bay nữa bây giờ. Mau lên, mau lên.

Bọn đầy tớ lúi húi tìm dây cột chân làm theo lời ông chủ, nhưng ra khỏi ngõ chúng lại lúi lũi đi giấu được đem ra đắp liệm cho bà, xong rồi chúng ráp nhau khiêng xác đem bỏ trong rừng lạnh.

Có ai ngờ đâu, lúc bấy giờ bà lão tuy tội tàn thế, nhưng thần thức của bà đã được sanh lên cõi trời Đạo Lợi, do nhờ sự chú nguyện của Tôn giả Ca Chiên Diên và nhờ sự cố gắng niệm Phật của bà.

Bấy giờ ở trên cõi Đạo Lợi có một vị Thiên tử vì hết phước báo nên phải hoàn sanh nhân gian, bà lão nhờ sức trì giới, niệm Phật và công đức bố thí mà được thế vào địa vị ấy. Nhưng vì ham vui chơi theo khoái lạc của thiên báo mà quên nguyên do gì mình được sanh làm Thiên tử. Song vị Thiên tử này (bà lão bậc) trước đã gây phước lành, kết duyên Phật pháp, nên cảm đến lòng từ của Tôn giả Xá Lợi Phất; Ngài bèn đến lân la dò hỏi để kích thích đạo tâm sẵn có của vị Thiên tử.

- Phàm việc gì có ra đều có nguyên nhân cả, hẳn Ngài đã biết mình từ đâu đến và do nhân duyên gì mà được cảm quả báo làm Thiên tử như hôm nay chứ?

Vị Thiên tử cùng các quyến thuộc, còn đang ngỡ ngác chưa hiểu ra làm sao cả, thì Ngài Xá Lợi Phất liền truyền đạo nhãn cho vị Thiên tử xem. Như chiêm bao chợt tỉnh, vị

Thiên tử rồi rít tỏ lời cảm tạ ơn Ngài Xá Lợi Phất đã khai thị cho, đồng thời họp cả năm trăm quyền thuộc lễ Ngài, rồi cùng nhau mang hương hoa sang ngay hàn lâm, xông hương, rải hoa cúng dường tử thi.

Ánh sáng của Chư Thiên chiếu khắp cả khu rừng có tử thi của bà lão bọc làm cho mọi người hết sức kinh dị, nhà ông Trưởng giả cũng hay, cùng kéo nhau đến xem.

Lấy làm lạ, có người đến gần hỏi: "Đây là người tử giả của nhà chúng tôi vừa chết, thân thể đã sinh tương đở nhớp, khi bà còn sống người ta còn ghê tởm ít dám đến gần thay, phương chi nay bà đã chết rồi có gì quý lạ mà quý vị đến đây rải hoa cúng dường?" Nghe hỏi vị Thiên tử bèn ứng tiếp đáp lời thuật rõ ngọn ngành, vì nhân duyên gì mình được bỏ thân tôi tớ, sanh làm trời hưởng phước bảo vô lượng. Đoạn vị Thiên tử xây mặt về phía tịnh xá tưởng nghĩ đến Tôn giả Ca Chiên Diên, rồi vì Chư Thiên quyền thuộc của mình và một số người trần có mặt hôm đó giảng pháp mầu đã lãnh thọ được cho nghe, nào là: Luận về pháp bố thí, giữ giới, niệm Phật, lìa dục v.v....

Nghe xong, năm trăm vị trời ấy tâm được xa lìa trần cấu, chứng nhận thanh tịnh, đồng bay về thiên cung.

Bấy giờ những người trần có mặt tại đó thấy đều tỉnh ngộ, ông Trưởng giả bấy giờ mới sáng mắt và mới nhận được cái giá trị của con người không phải ở vật chất mà chính ở tinh thần vậy. Thế là bà lão đã bán được cái nghèo với một giá cao hết sức tưởng tượng: làm thân trời.

T.P.

"Người ta ở đời nghèo gì mà đến nỗi không có một chút bủn để bố thí cho một con kiến."

NGƯỜI THƠ

*Người thơ tìm thơ thân
Góp lá nhặt cành khô
Nhiều năm sau ai kể
Chuyện nắng mưa bây giờ.*

NGỌC ĐÁ

*Cây cỏ mọc ven đường
Ưa tàn không ai thấy
Ngọc nát chìm trong đá
Vạn kiếp có người hay.*

CHUNG LỐI NGÕ

*Ta... Người chung lối ngõ
Một đi một đứng chờ
Trời giăng mây ngũ sắc
Yên lặng bóng trăng mờ.*



TỪ BAO LÂU

*Đi trong mưa dầm mình nghe é ảm
Dưới tàn cây thoảng nhẹ khói hương trầm
Từ bao lâu đêm tối với trăng rằm
Hai tình tú chung bầu trời sâu thẳm.*

MẶT ĐẤT

*Mặt đất vừa ngủ êm
Gió buông lời ca đêm
Sao... dấu mình hư ảo
Trăng non vắt qua thềm.*

thơ

KHA NGUYỆT

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Chín (tiếp theo)

Vào một chiều nọ, chùa có khách từ Sài Gòn ra. Khách là một chàng thanh niên tên Tâm, cũng người Huế, đầu chừng hai mươi bốn tuổi. Không rõ nhờ ai giới thiệu, Tâm lên núi, vào chùa hỏi thầy Trùng Hùng và xin được ở lại đêm. Thầy Trùng Hùng viện lẽ Tâm không có đầy đủ giấy tùy thân và giấy thông hành nên không cho. Tâm được mời ăn bữa cơm chiều tại chùa rồi xuống núi. Trước khi rời chùa, Tâm tự động đến làm quen với Đức và tôi, rủ chúng tôi ra ngồi chơi ở bậc tam cấp trước chùa để nói chuyện cho thoải mái, rồi tự giới thiệu mình là *thị giả* cũ của Hòa Thượng Già Lam (tức là Hòa Thượng Thích Trí Thủ, một vị cao tăng đức độ trong nước mà ai cũng biết). Thực ra chức *thị giả* trong chùa chẳng là gì cả, chỉ là người hầu hạ, bưng cơm nước, quét dọn phòng ốc cho một vị thầy (thường là trụ trì và cao tuổi); nhưng tự xưng là *thị giả* của Hòa Thượng Già Lam thì cũng gây được chút uy tín đối với người lạ. Không rõ vì lý do gì, Tâm không còn mang hình thức tu sĩ nữa. Tâm cho chúng tôi biết rằng anh đã hoàn tục chừng nửa năm trước để lo

chuyện vượt biên. Anh còn nói rằng hiện gia đình mẹ nuôi của anh ở Sài Gòn đang muốn tổ chức một chuyến vượt biên cho gia đình, tốn bao nhiêu vàng cũng chịu. Tâm ra Nha Trang để tìm ngộ đi. Nếu có ghe tàu và bãi tốt, Tâm sẽ mang gia đình mẹ nuôi từ Sài Gòn ra. Tất cả chi phí do gia đình ấy đài thọ.

"Mấy chú có quen ai ở Hà -Ra hay Xóm Bóng không?" Tâm hỏi.

Đức lắc đầu. Tôi thì còn đang suy nghĩ. Tâm nói tiếp:

"Nếu hai chú mà giới thiệu được một người nào có ghe đánh cá, bất cứ ở vùng biển nào, Nha Trang, Xóm Bóng, Hà Ra, Ba Làng, Bãi Dương, Đại Lãnh, Vạn Giã, Tu Bông... tôi sẽ cho các chú đi theo, khỏi tốn đồng bạc nào hết."

Nghe được chuyện ấy, cái mộng vượt biên nầy nở thật nhanh trong tôi. Tôi không ngờ chuyện vượt biên đơn giản đến như vậy: chỉ cần biết người nào có ghe, giới thiệu cho người có tiền, vậy là được đi, quá khỏe! Không cần phải tìm cho ra một cái ống dòm vốn khan hiếm và đắt tiền. Không cần phải có hải bàn, hải đồ là dụng cụ chuyên môn của ngành hàng hải mà cả đời chưa hề nhìn thấy. Không cần phải là hoa tiêu.

Không cần phải là tài công. Không cần phải là một anh lính hải quân (dù là anh hải quân chưa hề đặt chân xuống tàu). Không cần phải có tiền hay vàng thật nhiều—điều kiện mà tăng sĩ tu núi như tôi không bao giờ có thể hội đủ. Không cần phải là Hoa kiều. Và... không cần phải làm bộ lấy một cô gái Tàu...

Dù háo hức trong lòng, tôi cũng không nói gì. Chỉ có Đức lên tiếng:

"Anh Tâm hay là chú Khang đi vượt biên còn có lý, chứ tôi đâu có biết tiếng Anh; còn tiếng Pháp thì sơ sơ dăm ba chữ, đi làm gì."

Tâm quay sang tôi, hỏi:

"Chú Khang biết tiếng Anh khá không?"

"Không. Có học chi nhiều đâu. Chút xíu thôi."

"Vậy hà. Các chú đừng lo. Qua bên đó tôi dạy cho hai chú tiếng Anh. Trước năm 1975 tôi học Văn khoa. Tôi đi dạy kèm Anh văn từ lúc mới mười sáu, mười bảy tuổi kia," Tâm khoe; ngưng một lúc rồi tiếp, "còn như mấy chú không có thân nhân ở nước ngoài thì tôi cũng lo được hết. Ba nuôi tôi trước làm cho tòa đại sứ Việt Nam tại Mỹ, hiện ông đang ở bên đó. Bao nhiêu người ông cũng bảo lãnh, lo gì. Đi qua Mỹ tiếp tục tu học chứ ở lại với mấy ông cộng

sản này làm gì chứ, phải không? Và lại, đâu phải biết ngoại ngữ mới đi vượt biên. Thiếu gì người có học hành chi đâu, cũng đi qua Mỹ đó. Dân đánh cá cũng đi nữa mà, hưởng chi tội mình là dân có ăn học."

Chú Đức nghe chừng xuôi tai rồi, không kèm được phần khởi, liền hỏi:

"Vây bây giờ anh muốn hai đứa chúng tôi đóng góp gì, anh nói lại đi? Chỉ tìm người nào có ghe tàu đánh cá thôi, phải không?"

"Ừ, tìm người có ghe nhưng phải là chỗ tin tưởng được, tức là phải có quen biết bằng cách nào đó. Rồi mấy chú cũng coi thử gia đình nào có tiền mà muốn đi thì giới thiệu cho tôi luôn. Có thêm người đi thì cũng đỡ vất vả tài chánh cho phía bà mẹ nuôi của tôi chứ. Với lại... mỗi chuyến tôi từ Sài Gòn ra Nha Trang, tốn kém dữ lắm, nào tiền xe cộ, nào ăn uống ngoài đường, thuê phòng trọ... một mình tôi tự lo, chịu sao thấu. Tôi không muốn lấy tiền của bà mẹ nuôi; chỉ muốn lo xong việc rồi mới kêu bà ấy bỏ tiền ra mua lương thực, mua bải này nọ... Mấy chú hiểu chứ gì!"

Tôi và Đức gật gù tỏ ý hiểu, nhưng thực ra thì chúng tôi chưa hiểu ý Tâm muốn gì. Một lúc lâu, thấy chúng tôi thực sự không hiểu, Tâm mới nói rõ ràng hơn:

"Bây giờ hai chú có bao nhiêu tiền góp trước cho tôi để tôi đi xe, đi tàu, lo công việc chung. Ngày mai tôi vào Sài Gòn nói bà mẹ nuôi đưa trước mấy cây vàng để khi đi nói chuyện mình mới gây được niềm tin cho chủ ghe. Trong thời gian tôi vào Sài Gòn, mấy chú ở ngoài này lo tìm ghe, khi ra lại, tôi sẽ theo mấy chú đến nói chuyện với người ta. Mà chuyện vượt biên này rất là nguy hiểm, mấy chú đừng tiết lộ với bất cứ ai, công an mà biết được chúng bắt mấy chú bỏ tù rục xương đó! Ngay cả với thầy Trùng Hùng, các chú cũng đừng nói chuyện này. Ông ấy có vẻ khó chịu và bảo thủ lắm, chắc chắn là

không muốn mấy chú vượt biên đâu... À, tìm được mỗi ghe rồi, các chú chuẩn bị chút tiền bạc, có thứ gì bán được thì bán. Khi tôi từ Sài Gòn ra lại là cũng sắp đến ngày lên đường rồi đó. Tuy rằng người ta sẽ lo liệu mọi thứ, nhưng mình có tiền mang theo cũng tốt hơn là đi cái mạng không."

Nghe chuyện Tâm nói thật rành mạch, hữu lý, tôi chẳng nghi ngờ gì nữa, gục gặc nói:

"Để tôi vào trong coi thử có được bao nhiêu tiền."

Chú Đức vốn cũng là bậc thầy của tôi trong chuyện nhẹ dạ, dễ tin, thấy tôi vào trong lấy tiền thì cũng đi theo:

"Anh Tâm ngồi chờ ngoài này nghe, để tôi với chú Khang vào trong chút rồi ra."

Vây là hai đứa chúng tôi gom hết tiền bạc còn sót lại trong túi áo, hộc bàn, gồm tiền lương tháng trước còn lại của hai người, cộng thêm ít tiền riêng của chú Đức do gia đình gởi cho. Cả thảy được chừng một ngàn đồng. Tiền của tôi ít hơn vì giờ làm việc của tôi ít thua Đức, mà cũng vì tôi tiêu vào tiền sách nhiều hơn Đức. Một ngàn đồng đổi với chúng tôi lúc ấy khá lớn (lương tháng của tôi chừng năm trăm đồng) nhưng nếu đem đụn vào cái lò vượt biên thì chẳng thấm vào đâu. Được đi nước ngoài với cái giá đó thì còn gì may mắn hơn.

Chúng tôi mang tiền ra, giao hết cho Tâm. Đức nói:

"Hiện giờ chúng tôi chỉ có bao nhiêu đó thôi. Chưa chuẩn bị trước. Lần sau anh ghé, chắc đỡ hơn."

Tâm cầm tiền, liếc sơ một cái, ngó bằng quơ lên trời, dưới đất, rồi nói giọng cảm động:

"Mấy chú ở chùa làm gì có tiền có bạc. Tôi từng ở chùa tôi biết chứ. Tội mình mới thực là vô sản đó. Cho nên, cầm tiền của mấy chú thấy đau xót quá. Nhưng đành phải vậy thôi, mình phải chia sẻ với nhau những đồng tiền tạm bợ này, chứ ít hôm nữa ra nước ngoài tu học, tiền này có đáng gì đâu! Mấy hôm nay chạy lo công việc, tôi nhin đói nhin khát, khổ như chó..." Tâm tăng hăng lấy giọng, rồi nói tiếp, "Thấy mấy chú chí tình thực tội nghiệp, tôi muốn nói thật mấy chú nghe: thực ra, bây giờ tôi đã có sẵn một chuyến vượt biên rồi nhưng gấp lắm, trong vòng tuần lễ đến mười ngày thôi. Tôi sợ vào Sài Gòn gọi mẹ nuôi tôi mà bà ấy chuẩn bị không kịp, nên mới nói mấy chú lo tìm một ghe khác để sẵn. Trường hợp bà ấy lo kịp, tôi sẽ nói bà cho hai chú đi luôn; còn không kịp... thì tôi với mấy chú đi. Bỏ bà ấy ở lại đi chuyến khác."

Chú Đức xen vào:

"Vây kỳ quá. Lỡ bà ấy không biết cách lo đi thì sao?"

"Xì, bà ấy có tiền thì lo gì,



trước sau gì cũng lợt thôi. Có bọn mình là khổ, là khó thôi, được cơ hội thì phải nắm lấy, tại sao phải bỏ. Cho nên, tôi mới nghĩ ra cách này: nếu mẹ nuôi tôi không kịp đi chuyển này, tôi xin bà ấy một ít vàng cho phần tôi. Còn phần hai chú, ở ngoài này cố chạy sao cho đủ, thiếu thì tôi bù thêm cho."

Tôi hỏi:

"Mỗi người cần bao nhiêu?"

"Mỗi người ba cây," Tâm đáp.

Đức bật cười lên ha hả, rồi nói:

"Tôi với chú Khang làm gì có được số đó!"

Tôi hỏi:

"Ba cây là bao nhiêu?"

"Là ba lượng vàng đó,"

Đức đáp, "một lượng có mười chỉ, một chỉ có mười phân. Khi này mình gom tiền của hai đứa mới được có một phân, mong gì gom đủ sáu cây!"

Tâm nói:

"Đó là nói cái giá chính thức mà khách muốn đi phải có thôi, chứ hai chú ở chùa thì tôi biết chứ, làm gì có vàng như người ta. Nhưng vì tôi là người đứng lo tổ chức, tôi có thể xin cho hai chú được, miễn là hai chú cố gắng gom hết những gì mình có thể gom, được bao nhiêu cũng quý, rồi tôi nói với người ta. Tôi dàn xếp cho hai chú được mà. Ua, chứ bộ hai chú không xin được chút nào từ gia đình hết sao? Gia đình hai chú ở đâu?"

Đức nhìn tôi, thấy tôi im lặng, bèn nói:

"Gia đình tôi ở Huế. Còn gia đình chú Khang thì ở đây. Nhưng... có đi thì cũng tự túc lo đi chứ ai mà nhờ vả gia đình làm gì. Thời buổi này gia đình nào cũng gặp khó khăn..."

"Dĩ nhiên là ai cũng gặp khó khăn rồi. Nhưng nghe mấy chú muốn đi ra nước ngoài, chắc hẳn là gia đình cũng túm vén chút ít chi đó cho mấy chú chứ. Ai lại chẳng muốn con mình được ra nước ngoài tu học nên danh nên phận. Phải không chú Khang? Nhà chú ở gần đây hả?"

Tôi nói:

"Tôi không có thói quen xin tiền gia đình. Không phải vì gia đình đang gặp khó khăn vào thời buổi này, mà ngay cả những năm trước 1975 nữa kia, tôi cũng không muốn lấy tiền của gia đình gởi cho, hưởng chi lại mở miệng xin. Chuyện vượt biên, nếu may mắn có cơ hội đi thì đi, không có thì thôi, tôi không mơ ước chuyện đó điên cuồng đến độ phải phiền đến gia đình hay cầu cạnh người nào khác."

Đức nói:

"Ừ, phải rồi. Ba cây cho mỗi người thì không cần phải bàn tán nhiều, mất công. Chắc hẳn là tôi và chú Khang không có khả năng. Hơn nữa, chuyện đó gấp quá, lo chuyển khác đi. Như anh Tâm đã nói khi này, tôi và chú Khang sẽ lo tìm mỗi ghe, còn anh lo chuyển tổ chức này nọ. Vậy dễ cho chúng tôi hơn."

Tâm nói:

"Nói như mấy chú thì khỏe quá. Thực ra khi người ta đã có mộng vượt biên thì có cơ hội là chụp ngay, biết chuyển nào là tốt, chuyển nào là xấu mà chọn lựa! Chuyển nào đến trước thì lo chuyển đó."

"Nhưng đây không phải là cơ hội. Không có đủ tiền đi thì coi như chẳng có cơ hội gì. Còn mộng vượt biên hả? Cái mộng đó mới đến với chúng tôi từ khi anh đề cập đến chuyện vượt biên không cần tốn nhiều tiền, chỉ cần lo mỗi ghe thôi... Lâu nay chúng tôi có mơ ước gì chuyện vượt biên, cứ nghĩ đó là chuyện của người ta thôi," Đức nói giọng buồn.

Tâm đổi giọng:

"Đã nói các chú cố gắng lo hết mình, được bao nhiêu thì được. Thiếu thì tôi bù đắp hoặc tìm cách dàn xếp với người ta. Bây giờ phải coi nhau như anh em, được thì cùng đi, không thì cùng ở lại. Tôi lo phần tôi, hai chú lo phần hai chú, cứ chuẩn bị trước đi, có bao nhiêu gom bao nhiêu, có thứ gì bán được thì bán, gom tiền lại để đó. Khi tôi đến gọi mấy chú đi, là có sẵn, khỏi mất công quỳnh

quảng chạy lo nữa. Tôi hứa là dàn xếp cho cả hai chú mà."

Vậy rồi Tâm từ giã chúng tôi, xuống ga tàu hỏa trở vào Sài Gòn.

Khi chúng tôi quay vào trong, thầy Trùng Hùng gọi lại hỏi:

"Nãy giờ hai đứa mi ở đâu vậy? Nói chuyện chi với thằng Tâm phải không?"

"Dạ thì chú Tâm kể chuyện mấy chùa trong Sài Gòn đó mà," Đức đáp.

Thầy Trùng Hùng cảnh cáo:

"Cái thằng Tâm đó không phải là người có thể tin được. Nhìn qua thì thấy cao ráo bảnh trai lắm, nhưng con mắt lơ đãng liếc dọc liếc ngang, cái miệng thì nói dẻo dẻo, cứ một chốc lại liếm môi như thể thì chẳng phải là người ngay thẳng. Ngó mặt hẳn là tao thấy ngay là thẳng đều. Tui bây liệu hồn mà kết bạn kết bè với hẳn."

Dù thầy Trùng Hùng nói vậy, chúng tôi vẫn không nghe. Tôi phác vẽ một chương trình tu học, làm việc cũng như con đường đến xứ Phật sau khi ra được nước ngoài cho chú Đức nghe, và nó cũng mau chóng trở thành ước mơ khôn nguôi của Đức. Ước mơ đó làm mờ cả những phán đoán của chúng tôi. Trong tuần lễ kế tiếp, chúng tôi thực sự gom hết vốn liếng tài sản của mình để chờ đợi Tâm. Vốn liếng có bao nhiêu đâu, cũng là tiền lương mới lãnh của tháng cộng thêm tiền bán cây đàn ghi-ta của tôi cất trong phòng riêng bên viện Hải Đức, cùng với chiếc xe đạp mới của chú Đức—chiếc xe đạp mà chú nói là của gia đình từ Huế gởi tiền vào cho chú mua. Cộng hết tiền lương của chúng tôi với tiền bán đồ chỉ hơn ba chỉ vàng một chút, chú Đức nói tôi biết như vậy. Trong mấy ngày đó, tôi đi tìm lại các bạn học cũ ở xóm cầu Hà Ra, Xóm Bống, và cả những bạn học cũ ở thành phố Nha Trang mà tôi hy vọng sẽ cho tôi được chút manh mối gì về những ông chủ ghe nào đó. Tôi còn đi ra Vạn Giã, đến chùa Linh Sơn và Giác Hải gặp các bạn tu của



mình để nhờ tìm mối... Các bạn ở chùa Linh Sơn có hứa giới thiệu cho tôi một vài chủ ghe của xóm chài gần chùa. Ngoài ra còn hứa nếu có chuyến vượt biên nào mời một ông thầy theo để cầu nguyện thì sẽ giới thiệu tôi. Kể từ đó tôi biết thêm rằng tu sĩ không tiền như tôi cũng có giá trị lớn trong một chuyến vượt biên như anh chàng hoa tiêu hay tài công vậy, chỉ tại nhiều người không dám mời tu sĩ đi vì nghĩ rằng tu sĩ không cần vượt biên. Người ta nghĩ rằng tu hành thì ở đâu cũng được, bon chen ra nước ngoài để đấu tranh, để làm giàu hoặc hưởng thụ văn minh làm gì!

Quả nhiên đúng tuần lễ sau, Tâm trở lại. Lần này Tâm có vẻ gấp gáp lắm, bảo chúng tôi đưa ngay tiền để anh đi nói chuyện với người ta; được thì anh sẽ quay trở lại gọi chúng tôi chuẩn bị đi, không được anh cũng mang tiền về đưa trả cho chúng tôi giữ, chờ lo chuyển khác. Anh vỗ mảy cái nơi lưng quần của anh, nói:

"Tôi có mang vàng theo đây, còn của mấy chú đâu?"

Đức lôi ra nguyên một gói tiền từ trong túi áo rộng rinh của chú, đưa cho Tâm:

"Chỉ được bao nhiêu đó thôi, nhưng chúng tôi cũng đã gắng hết sức rồi."

Tâm cầm gói tiền, không đếm, nhét vào lưng quần, nói:

"Có thể khuya nay khởi hành rồi. Bây giờ tôi đi nói chuyện với họ. Được là tôi quay về báo các chú biết liền. Tôi nay đừng có ngủ nha, mất công tôi gọi cửa lắm đó."

Rồi Tâm xuống núi mang theo gói tiền nhỏ chứa cả một

trời hy vọng của hai chúng tôi. Tôi và Đức nghe lời Tâm dặn, thức trắng đêm hôm đó. Cảnh đồi núi sáng vắng vặc dưới ánh trăng đêm ấy bỗng dưng khiến lòng tôi dậy lên một niềm xao xuyến như thể mình sắp sửa phải từ giã đất nước trong vài giờ sắp tới...

Đang ngồi im, bất chợt Đức mở miệng nói:

"Khang à, nếu người ta chỉ đồng ý cho một trong hai đứa thôi thì chú hãy đi đi, tôi ở lại cho. Tôi nghĩ chú ra nước ngoài thì có tương lai hơn tôi, được chuyển hơn tôi nhiều. Hơn nữa, chú có người chị ruột bên Mỹ, lại có nhiều thầy, nhiều bạn quen. Còn tôi, ra ngoài đã không người thân, lại chẳng quen thầy nào bên đó..."

"Không, gặp trường hợp chỉ có chỗ cho một người, chú cứ đi đi. Đâu cần phải có thân nhân hay bạn bè ở nước ngoài. Người ta sống được thì mình sống được. Tôi mà ra được bên ngoài cũng không có ý nhờ vả bà chị hay bạn bè gì cả, vậy thì cũng như chú thôi. Ra được rồi là lo liên hệ với các chùa bên Pháp, Mỹ hay bất cứ ở nước nào. Tôi tin các chùa đó sẽ giúp chú. Đừng ngại. Tôi nghĩ là chú nên đi trước nếu cơ hội này chỉ dành cho một người. Tôi quen biết nhiều người ở Nha Trang, tôi sẽ tìm cách đi sau. Có mấy thầy ở Vạn Giã hứa giúp tôi mà."

Chỉ bàn với nhau trước vậy cho dễ tính vậy thôi, chứ chúng tôi cứ hy vọng sẽ được đi hết cả hai. Khi Đức đồng ý với tôi rồi, chúng tôi hết chuyện nói, im lặng ngó

xuống đường. Xe cô đã thừa thớt. Thỉnh thoảng mới có chiếc xích lô uể oải chạy ngang. Chúng tôi ngồi đó thật lâu. Sương khuya lạnh hắt qua những làn gió nhẹ khiến đôi lúc tôi phải rung mình.

Rồi gà gáy. Rồi tàu hỏa kéo còi, xúng xịch chạy ngang chân núi. Rồi ngựa xe tấp nập. Rồi mặt trời mọc. Anh Tâm mang hy vọng xuất dương của chúng tôi đi luôn, không bao giờ trở lại. Tôi và Đức không cần phải nhường nhau chuyến đi đó nữa.

Sau này một thầy ở Sài Gòn ghé ra viện Hải Đức, có kể chuyện về Tâm cho tôi nghe. Mẹ nuôi của Tâm thực ra chỉ là một góa phụ yêu thương Tâm như một tình nhân trẻ chứ không phải như con nuôi. Nhưng cuối cùng thì bà lại gả con gái của bà cho Tâm. Tâm đã mượn danh nghĩa là "thị giả của Hòa Thượng" để gạt không biết bao nhiêu tăng sĩ và bao nhiêu người phật-tử tín tâm khác trong Sài Gòn. Không còn làm ăn được bằng nghề dụ dỗ người vượt biển tại Sài Gòn, Tâm ra Huế, rồi Nha Trang để tìm mối mới... Nhưng cuối cùng thì Tâm cũng tạm chấm dứt những cuộc lường gạt để cùng gia đình vợ vượt biên qua tới Nhật. Tôi tự nghĩ, con người có nhiều sáng kiến lừa đảo như Tâm ra ngoài chắc bon chen với xã hội văn minh chẳng thua kém ai, chứ khờ khạo như tôi và Đức mà ra nước ngoài làm gì nhỉ! Những người chậm chạp, ít bén nhạy như chúng tôi không những vô dụng cho xã hội mà còn làm cản trở bước tiến văn minh của nhân loại nữa không chừng. Thôi thì cứ an phận làm thầy chùa núi, sớm tôi ê a kinh kệ, học hạnh nhẫn nhục bên cạnh vị thầy cổ đô bảo thủ, biết đâu lại chẳng là môi trường tốt nhất để giữ gìn đạo hạnh, và thay vì đi chiêm bái Phật tích tại Ấn Độ, hãy tiến đến xứ Phật ngay trong chính bản tâm mình!

(còn tiếp)